BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

.....

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: **Phạm Thị Hải Yến**

Giảng viên hướng dẫn: **ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG – 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

……..

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH AN THÁI

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên: **Phạm Thị Hải Yến**

Giảng viên hướng dẫn: **ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG – 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

…….

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Hải Yến Mã sinh viên: 1012401188

Lớp: QT1405K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH An Thái

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày khái quát những vấn đề cơ bản về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp.

- Phản ánh được thực trạng cống tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH An Thái

- Đưa ra những nhận xét về kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty từ đó đưa ra những biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán

- Sử dụng số liệu năm 2013.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- CÔNG TY TNHH AN THÁI

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 7 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN — Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên — Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

+ Cần cù, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu cho bài viết và luôn có tinh thần học hỏi cao.

+ Luôn viết và nộp bài theo đúng tiến độ do nhà trường, giáo viên hướng dẫn quy định.

+ Luôn chủ động và nghiêm túc trong công tác nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu…):

Bài viết của sinh viên ***Phạm Thị Hải Yến*** đã đáp ứng được yêu cầu của một khoá luận tốt nghiệp. Kết cấu của khoá luận được sắp xếp hợp lý, khoa học với 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề cơ bản về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp tại Công ty TNHH An Thái. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán. Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được tương đối chi tiết và cụ thể thực trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty, có số liệu minh họa cụ thể (Quý IV/2013). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp tại Công ty TNHH An Thái. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp hoàn thiện phù hợp với tình hình thực tế tại công ty và có tính khả thi cao.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số: .....**.** Bằng chữ: **……..**

Hải Phòng, ngày 24 tháng 06 năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Văn Thụ

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TRONG DOANH NGHIỆP 1

1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp 1

1.1.1 Khái quát sự ra đời và phát triển của thuế GTGT 1

1.1.2 Khái niệm 2

1.1.3 Đặc điểm của Thuế GTGT 2

1.1.4 Vai trò của thuế GTGT 2

1.1.5 Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp 5

1.1.5.1 Yêu cầu quản lý thuế GTGT 5

1.1.5.2 Nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng. 5

1.2 Các quy định về thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp 5

1.2.1 Đối tượng chịu thuế GTGT 5

1.2.2 Đối tượng nộp thuế GTGT 8

1.2.3 Căn cứ tính thuế GTGT 8

1.2.3.1 Giá tính thuế 8

1.2.3.2 Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng trong doanh nghiệp. 11

1.2.4 Phương pháp tính thuế GTGT 14

(1) Phương pháp khấu trừ thuế 14

(2) Phương pháp tính thuế trực tiếp trên giá trị gia tăng 14

1.3 Nội dung công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp . 16

1.3.1 Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu vào 16

1.3.1.1 Chứng từ kế toán sử dụng 16

1.3.1.2 Tài khoản sử dụng 16

1.3.1.3 Quy trình hạch toán 18

1.3.2 Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu ra 20

1.3.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng 20
1.3.2.2 Tài khoản sử dụng 20
1.3.2.3 Quy trình hạch toán 20
1.4 Kê khai, nộp thuế, hoàn thuế GTGT 22
1.4.1 Kê khai thuế giá trị gia tăng 22
1.4.2 Nộp thuế GTGT 26
1.4.3 Hoàn thuế GTGT 27
1.5 Tổ chức sổ sách kế toán đối với thuế GTGT 28
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH AN THÁI 30
2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH An Thái 30
2.1.1 Quá trình hình thành 30
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh 31
2.1.3 Tình hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty 32
2.1.4 Tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH An Thái 33
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán 33
2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp 35
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại Công ty 36
2.1.4.4. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH An Thái 36
2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán 37
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH An Thái 38
2.2.1. Sản phẩm hàng hóa và các mức thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng tại Công ty TNHH An Thái 38
2.2.2. Kế toán tổng hợp thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH An Thái ... 38
2.2.1. Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu vào 38
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng 38
2.2.1.2. Tài khoản sử dụng 38
2.2.1.3 Quy trình hạch toán 39

2.2.2. Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp 52
2.2.2.1. Chứng từ sử dụng 52
2.2.2.2. Tài khoản sử dụng 52
2.2.2.3. Quy trình hạch toán 52
2.3 Kê khai, nộp và hoàn thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH An Thái 64
2.3.1 Kê khai thuế GTGT tại Công ty 64
2.3.2 Nộp thuế GTGT tại Công ty 89
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH AN THÁI 90
3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH An Thái 90
3.1.1. Ưu điểm. 90
3.1.2. Hạn chế. 91
3.2 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH An Thái 92
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT 92
3.2.2 Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện kế toán thuế GTGT tại Công ty 93
3.3.3 Các giải pháp hoàn thiện công tác thuế GTGT tại Công ty TNHH An Thái..... 94
KẾT LUẬN 100

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt thời gian học tập tại Trường đại học Dân lập Hải Phòng, được sự dạy dỗ tận tình của thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh, em đã tích lũy cho mình những kiến thức cần thiết để có thể tự tin bước trên con đường mình chọn, em rất biết ơn các thầy cô vì những điều thầy cô làm cho chúng em.

Trong quá trình thực hiện đề tài, em đã gặp không ít khó khăn, bỡ ngỡ. nếu như không có sự giúp đỡ và lời động viên chân thành của nhiều người, đặc biệt là sự giúp đỡ của mọi người có lẽ em đã không hoàn thành tốt luận văn này.

Lời đầu tiên, em xin chân thành cảm ơn thầy giáo **Th.s Nguyễn Văn Thụ** - người hướng dẫn, giúp em chỉnh sửa và góp ý để em có thể hoàn thành tốt đề tài này.

Tiếp đến em xin cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của các anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH An Thái đặc biệt là chị Trần Thị Hương kế toán trưởng của Công ty.

Tôi xin cảm ơn bạn bè những người luôn sát cánh bên tôi trên con đường tích lũy kiến thức quý báu của ngày hôm nay.

Và sau cùng, con xin cảm ơn gia đình, một chỗ dựa vững chắc về tinh thần trong suốt hành trình vào đời của con.

LỜI MỞ ĐẦU

Tính cấp thiết của đề tài

Thuế ra đời và tồn tại và phát triển cùng sự hình thành và phát triển của Nhà nước là một vấn đề hết sức quan trọng đối với bất cứ quốc gia nào trên thế giới, từ những nước phát triển cũng như các nước đang phát triển.

Ở nước ta, luật thuế GTGT được thông qua tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa IX ngày 10/05/1997 và chính thức áp dụng ngày 01/01/1999 thay cho luật thuế doanh thu, thuế lợi tức trước đây. Thuế GTGT ra đời từ rất lâu và áp dụng rộng rãi trên thế giới. Nhưng đối với nước ra đây là sắc thuế mới, còn non trẻ so với sự vận động của cơ chế kinh tế hiện nay ở nước ta. Trong những năm qua, Nhà nước ta cũng không ngừng sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện thuế này. Việc sửa đổi là chính sách thuế có tác động rất lớn đến các doanh nghiệp.

Là một công ty chủ yếu về thương mại, hoạt động mua bán diễn ra nhiều, trong những năm vừa qua, hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH An Thái đã đạt hiệu quả. Bên cạnh đó là công tác kế toán của Công ty luôn cố gắng tuân thủ đúng quy định của Bộ tài chính, đặc biệt trong kế toán về thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng, khi có bất kỳ sự sửa đổi nào về luật thuế GTGT Công ty đều thực hiện đúng theo thông tư hướng dẫn và làm theo các hướng dẫn mới nhất của cơ quan thuế. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán thuế của Công ty vẫn còn một số hạn chế như cách sắp xếp bộ máy kế toán, việc tổ chức, sử dụng chứng từ, sổ sách và cách quản lý sử dụng chi phí hợp lý, cần phải khắc phục để công tác kế toán của Công ty ngày càng hoàn thiện, đồng thời giúp cho việc thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách nhà nước của Công ty được tốt hơn. . Vì vậy, vấn đề đặt ra đối với Công ty lúc này là phải làm thế nào để có thể kê khai được các khoản thuế giá trị gia tăng đầu ra, đầu vào chính xác, đầy đủ cũng như công tác hoàn thuế kịp thời đảm bảo vốn cho doanh nghiệp?. Để giải quyết được vấn đề này Công ty cần xây dựng cho mình quy trình ghi chép, kê khai chính xác, phù hợp với doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo phù hợp với chế độ chuẩn mực kế toán của Nhà nước. Vì vậy, việc tìm ra giải pháp nhằm khắc phục

những tồn tại trong công tác kê khai và hoàn thuế giá trị gia tăng tại đơn vị là điều cần thiết

Nhận thức được tầm quan trọng đó, sau quá trình thực tập tại Công ty TNHH An Thái, được tìm hiểu thực tiễn công tác kế toán tại Công ty, đi sâu nghiên cứu công tác kế toán thuế mà cụ thể là thuế GTGT kết hợp với kiến thức đã học tại trường và sự hướng dẫn tận tính của thầy giáo **Th.s Nguyễn Văn Thụ**, em đã chọn đề tài *"Hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH An Thái"* cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

Kết cấu của bài luận văn gồm 3 chương:

Chương1: Những vấn đề cơ bản về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH An Thái

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH An Thái

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp

1.1.1 Khái quát sự ra đời và phát triển của thuế GTGT

Trên thế giới

Cách đây khoảng 50 năm, vào năm 1954, nước Pháp áp dụng thí điểm một loại thuế mà người Pháp gọi là La taxesur la valeur ajoutée, gọi là TVA, còn người Mỹ gọi là Valued aded tax (viết tắt là VAT) gọi tắt là giá trị gia tăng, tạm dịch ra Tiếng Việt là thuế trị giá tăng thêm hay thuế giá trị gia tăng, có người còn gọi là thuế doanh thu có khấu trừ ở khâu trước. Chỉ một năm sau, TAV đã áp dụng chính thức tại Pháp để thay thế thuế sản xuất và một vài sắc thuế gián thu khác. Ngày nay các quốc gia thuộc khối Liên minh châu Âu (EU) và một số cường quốc kinh tế phát triển (như Đức, Nhật, Canada) đã chính thức thực thi thuế TVA tại đất nước mình. Thuế GTGT ngày nay đã được áp dụng ở trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ

Tại Việt Nam

Chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường địmh hướng XHCN, Đảng và Nhà nước ta đang thực hiện những đường lối đổi mới chính sách kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, tiến tới xu hướng toàn cầu hóa. Vì thế thuế doanh thu không còn phù hợp nữa và cần được thay thế bằng một loại thuế mới hiện đại đã được áp dụng ở hầu hết các nước phát triển trên thế giới là thuế GTGT.

Ngày 05-07-1993, theo quyết định số 486TC/QĐ/BTC của Bộ tài chính, thực hiện thí điểm thuế GTGT ở một số doanh nghiệp quốc doanh thuộc các ngành có quá trình chuyển từ sản xuất đến tiêu dùng thường xuyên phải trải qua nhiều công đoạn (như sản xuất xi măng, sản xuất sợi, dệt, sản xuất đường).

Có tất cả 11 doanh nghiệp đăng kí và thực hiện thí điểm. Tiếp theo, Nhà nước liên tục thực hiện cải cách thuế bước 1(1990-1996) và cải cải cách thuế bước 2.

Sau một thời gian tổ chức triển khai thực hiện luật thuế GTGT, tại kỳ họp Quốc hội khoá IX kỳ họp thứ 11 dự thảo luật thuế GTGT đã được thông qua Dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, các ban soạn thảo đã tích cực chuẩn bị các văn bản hướng dẫn thi hành luật thuế. Đến ngày 31-12-1998 (trước ngày luật thuế GTGT

có hiệu lực thi hành) về cơ bản đã có đủ cá văn bản hướng dẫn thực hiện luật thuế này. Ngày 1-1-1999 tại Việt Nam, luật thuế GTGT chính thức được áp dụng trên toàn quốc theo Nghị định số18/1998/NĐ-CP ngày 11-5-1998 và thông tư số 89/1998/TT-BTC

1.1.2 Khái niệm

Giá trị gia tăng (GTGT) là phần giá trị chênh lệch giữa hàng hóa bán ra và những giá trị những thứ để làm ra hàng hóa đó.

Giá trị gia tăng = Giá đầu ra - Giá đầu vào

Thuế GTGT là loại thuế gián thu tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ khâu sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Thuế GTGT tính trên giá bán chưa có thuế GTGT. Người sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm thu và nộp hộ người tiêu dùng. Người tiêu dùng mua sản phẩm với giá đã có thuế GTGT, vì vậy người tiêu dùng chính là người chịu khoản thuế này.

1.1.3 Đặc điểm của Thuế GTGT

1. Thuế GTGT là thuế gián thu, một yếu tố cấu thành trong giá cả hàng hóa, dịch vụ nhằm động viên một phần thu nhập thông qua sự đóng góp của người tiêu dùng. Nhà sản xuất kinh doanh và cung ứng dịch vụ chỉ là người nộp hộ.
2. Thuế GTGT đánh vào tất cả các giai đoạn của quá trình sản xuất – kinh doanh nhưng chỉ tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ ở mỗi giai đoạn luân chuyển.
3. Thuế GTGT có tính trung lập kinh tế cao
4. Thuế GTGT có phạm vi điều chỉnh rộng, áp dụng cho tất cả các loại hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước, đối với mọi tổ chức cá nhân thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh hàng hóa và cung ứng dịch vụ.
5. Thuế GTGT có tính lãnh thổ rõ rệt.

1.1.4 Vai trò của thuế GTGT

Trong nền kinh tế hiện đại, thuế không chỉ là công cụ thu ngân sách nhà nước mà còn là công cụ quan trọng của Nhà nước để quản lý, kiểm soát, điều tiết vĩ mô nền kinh tế, nó ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động bộ máy quản lý của nhà nước. Nhà nước sử dụng thuế nhằm hướng dẫn, điều tiết các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, thực hiện chính sách phân phối và phân phối lại, điều tiết thu nhập, giải quyết công bằng xã hội,… Trong đó, thuế GTGT là một khoản thu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu ngân sách của Nhà nước, do đó thuế

GTGT có vai trò rất to lớn, tác động đến mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội. Có thể khái quát các vai trò thành ba vai trò cơ bản sau:

Thuế GTGT là nguồn thu chủ yếu của Ngân sách nhà nước

Thuế GTGT là công cụ tập trung, huy động đầy đủ, kịp thời nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước. Thuế GTGT tập trung thu ngay từ khâu đầu (sản xuất và nhập khẩu) nên đảm bảo nguồn thu và đảm bảo huy động kịp thời cho ngân sách Nhà nước. Việc khấu trừ thuế GTGT được thực hiện căn cứ trên hóa đơn mua hàng thúc đẩy người mua phải đòi hỏi người bán xuất hóa đơn, ghi đúng doanh thu với giá trị thực của hoạt động mua bán, góp phần khắc phục được tình trạng thông đồng giữa người mua và người bán để trốn lậu thuế, giảm thất thu cho ngân sách Nhà nước.

Thuế GTGT là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô và vi mô của nền kinh tế

- Thuế GTGT điều tiết sản xuất và tiêu dùng. Luật thuế GTGT quy định đánh thuế hoặc không đánh thuế, đánh thuế với thuế suất cao hay thấp vào các mặt hàng cụ thể, thông qua đó mà tác động và làm thay đổi mới quan hệ giữa cung và cầu trên thị trường, tác động tới việc lựa chọn những hàng hóa, dịch vụ để sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng nhằm góp phần thực hiện điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

- Thuế GTGT khuyến khích hoạt động đầu tư mở rộng sản xuất. Trong hoạt động đầu tư tài sản cố định, toàn bộ số thuế GTGT mà doanh nghiệp phải trả khi mua sắm tài sản cố định sẽ được Nhà nước cho khấu trừ và hoàn lại. Còn khi nhập khẩu máy móc thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định cho doanh nghiệp thì doanh nghiệp cũng không phải nộp thuế GTGT. Đồng thời việc thuế GTGT không tính vào vốn đầu tư đã làm cho giá thành các công trình đầu tư trong nước giảm rất rõ rệt. Do đó, thuế GTGT đã góp phần khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh và lưu thông hàng hóa.

.- Thuế GTGT khuyến khích xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu, góp phần bảo hộ sản xuất trong nước. Hàng hóa xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT là 0% số thuế GTGT đầu vào mà doanh nghiệp đã nộp sẽ được Nhà nước khấu trừ hoặc hoàn lại, vì vậy nó là động lực khuyến khích sản xuất các mặt hàng xuất khẩu, tăng cường sự hợp tác thương mại giữa Việt Nam với các nước trên thế giới. Thuế GTGT tạo điều kiện cho hàng hóa xuất khẩu có thể cạnh tranh dễ

dàng hơn trên thị trường quốc tế, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, giải quyết nhu cầu lao động trong xã hội.

- Thuế GTGT góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội trong phân phối. Thuế GTGT áp dụng thuế suất cao với các loại hàng hóa, dịch vụ cao cấp mà chỉ những người có thu nhập cao mới sử dụng hoặc sử dụng nhiều, còn đối với các hàng hóa thông thường hoặc có tính chất thiết yếu thì thuế GTGT quy định mức thuế thấp hơn, thông qua điều tiết một phần thu của họ.

- Thuế GTGT khuyến khích tăng hiệu quả sản xuất. Trong nền kinh tế thị trường, giá cả hàng hóa được bán ra phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố cung cầu, nó phải được người tiêu dùng chấp nhận, người sản xuất khó có thể thay đổi giá cả theo ý muốn của mình. Do đó việc Nhà nước đánh thuế sẽ giảm doanh thu thuần của doanh nghiệp nếu doanh nghiệp không cố gắng nâng cao hiệu quả sản xuất để giảm bớt chi phí. Điều đó đã thúc đẩy các doanh nghiệp phải luôn luôn cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất, thúc đẩy nên sản xuất phát triển.

- Thuế GTGT thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện chế độ hạch toán, kế toán, phát triển quan hệ thanh toán. Việc doanh nghiệp được phép khấu trừ thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào cùng việc thực hiện hoàn thuế GTGT của Nhà nước đã khuyến khích các doanh nghiệp tự giác ghi chép, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ, thúc đẩy việc hoàn thiện công tác hạch toán, kế toán tại đơn vị. Ngoài ra thuế GTGT góp phần phát triển hệ thống thanh toán. Việc thuế GTGT đòi hỏi những doanh nghiệp có hàng hóa xuất khẩu phải thanh toán qua ngân hàng thì mới được hoàn thuế đã thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện thanh toán qua hệ thống ngân hàng, góp phần phát triển hệ thống thanh toán.

Thuế GTGT là công cụ kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Vai trò này hình thành ngay trong quá trình tổ chức thực hiện luật thuế GTGT. Để thu được thuế và đảm bảo thực hiện đúng luật thuế, cơ quan thuế và các cơ quan hữu quan phải bằng mọi biện pháp nắm vững số lượng, quy mô và tình hình hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Từ đó mà cơ quan thuế sẽ phát hiện ra những việc làm sai trái, vi phạm pháp luật của các cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh cũng như phát hiện ra những khó khăn mà cơ sở gặp phải để giúp đỡ họ tìm biện pháp tháo gỡ. Thuế GTGT còn thúc đẩy mua bán hàng hóa sử dụng hóa đơn, chứng từ hợp lệ tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm tra, kiểm soát toàn diện các mặt hoạt động của cơ sở kinh tế, đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước.

1.1.5 Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp

1.1.5.1 Yêu cầu quản lý thuế GTGT

Thuế GTGT là một phần quan trọng do vậy việc quản lý thuế GTGT yêu cầu phải toàn diện như sau:

+ Quản lý thuế GTGT đầu vào: Đây là số tiền mà doanh ngiệp phải trả thay cho người tiêu dùng sẽ được khấu trừ thuế GTGT đầu ra khi bán hàng hóa, dịch vụ. Nếu đúng tiêu chuẩn hoàn thuế theo quy định thì khoản thuế GTGT đầu vào sẽ được nhà nước hoàn lại, do vậy phải quản lý chặt chẽ khoản thuế này để tránh thất thoát, thiệt hại cho doanh nghiệp.

+ Quản lý thuế GTGT đầu ra: Đây là số thuế mà doanh nghiệp thu từ người tiêu dùng khi bán các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, số thuế này sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu vào, nếu thuế GTGT đầu ra lớn hơn thuế GTGT đầu vào thì phần lớn hơn đó sẽ phải nộp vào Ngân sách. Do đó, khoản thuế này cũng phải quản lý chặt chẽ tránh trường hợp kê thiếu, kê sai nhằm gây thất thoát cho ngân sách nhà nước.

1.1.5.2 Nhiệm vụ của kế toán thuế giá trị gia tăng.

Kế toán thuế là một phần không thể thiếu đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào. Bởi doanh nghiệp nào cũng phải có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước. Do đó, để việc thực hiện nghĩa vụ này một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời thì công tác kế toán thuế phải được thực hiện tốt.

Đối với kế toán thuế GTGT:

- Thứ nhất: Theo dõi thuế GTGT đầu vào và đầu ra phát sinh trong tháng hoặc quý. Việc theo dõi 2 khoản thuế này đều phải căn cứ vào hóa đơn GTGT.
- Thứ 2: Lập bảng kê thuế hàng tháng hoặc quý, bao gồm: Bảng kê hóa đơn, chứng từ, hàng hóa dịch vụ mua vào và Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra. Căn cứ để lập bảng kê trên là hóa đơn GTGT.
- Thứ 3: Kê khai thuế phải nộp hàng tháng hoặc hàng quý và lập tờ khai thuế GTGT, lập bảng báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn.
- Thứ 4: Vào sổ sách kế toán và lập báo cáo thuế.

1.2 Các quy định về thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp

1.2.1 Đối tượng chịu thuế GTGT

Luật thuế GTGT quy định tất cả các hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế GTGT trừ đối tượng

không chịu thuế theo quy định tại khoản 5 của Luật này.

Đối tượng không chịu thuế GTGT bao gồm 25 nhóm mặt hàng, dịch vụ:

1. Sản phẩm trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chăn nuôi, thuỷ sản, hải sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.

2. Sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng, bao gồm trứng giống, con giống, cây giống, hạt giống, cành giống, củ giống, tinh dịch, phôi, vật liệu di truyền ở các khâu nuôi trồng, nhập khẩu và kinh doanh thương mại. Sản phẩm giống vật nuôi, giống cây trồng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT là sản phẩm do các cơ sở nhập khẩu, kinh doanh thương mại có giấy đăng ký kinh doanh giống vật nuôi, giống cây trồng do cơ quan quản lý nhà nước cấp. Đối với sản phẩm là giống vật nuôi, giống cây trồng thuộc loại Nhà nước ban hành tiêu chuẩn, chất lượng phải đáp ứng các điều kiện do Nhà nước quy định.

3. Tưới, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp.

4. Sản phẩm muối được sản xuất từ nước biển, muối mỏ tự nhiên, muối tinh, muối i-ốt, mà thành phần chính có công thức hóa học là NaCl.

5. Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do Nhà nước bán cho người đang thuê.

6. Chuyển quyền sử dụng đất.

7. Bảo hiểm bao gồm: bảo hiểm nhân thọ; bảo hiểm sức khoẻ, bảo hiểm tai nạn con người, bảo hiểm người học và các dịch vụ bảo hiểm liên quan đến con người; bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm cây trồng và các dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp khác; Tái bảo hiểm.

8. Hoạt động tài chính:

a) Dịch vụ cấp tín dụng

b) Kinh doanh chứng khoán

c) Chuyển nhượng vốn

d) Bán nợ.

đ) Kinh doanh ngoại tệ.

e) Dịch vụ tài chính phái sinh bao gồm hoán đổi lãi suất, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, quyền chọn mua, bán ngoại tệ và các dịch vụ tài chính phái sinh khác theo quy định.

9. Dịch vụ y tế, dịch vụ thú y, bao gồm dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh cho người và vật nuôi, dịch vụ sinh đẻ có kế hoạch, dịch vụ điều dưỡng sức khoẻ, phục hồi chức năng cho người bệnh.

10. Dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và Internet phổ cập theo chương trình của Chính phủ; Dịch vụ bưu chính, viễn thông từ nước ngoài vào Việt Nam (chiều đến).

11. Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư; duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ. Các dịch vụ nêu tại điểm này không phân biệt nguồn kinh phí chi trả.

12. Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội.

13. Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật bao gồm cả dạy ngoại ngữ, tin học; dạy múa, hát, hội họa, nhạc, kịch, xiếc, thể dục, thể thao; nuôi dạy trẻ và dạy các nghề khác nhằm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá, kiến thức chuyên môn nghề nghiệp.

14. Phát sóng truyền thanh, truyền hình bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

15. Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học-kỹ thuật, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử; in tiền.

16. Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện là vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện theo các tuyến trong nội tỉnh, trong đô thị và các tuyến lân cận ngoại tỉnh theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

17. Hàng hoá thuộc loại trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu

18. Vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.

19. Hàng nhập khẩu và hàng hoá, dịch vụ bán cho các tổ chức, cá nhân để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại.

20. Hàng hóa chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu, nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hoá xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài.

21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ. Trường hợp hợp đồng chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ có kèm theo chuyển giao máy móc, thiết bị thì đối tượng không chịu thuế GTGT tính trên phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng; trường hợp không tách riêng được thì thuế GTGT được tính trên cả phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng cùng với máy móc, thiết bị.

Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định.

22. Vàng nhập khẩu dạng thỏi, miếng và các loại vàng chưa được chế tác thành sản phẩm mỹ nghệ, đồ trang sức hay sản phẩm khác.

23. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến.

24. Sản phẩm nhân tạo dùng để thay thế cho bộ phận cơ thể của người bệnh, bao gồm cả sản phẩm là bộ phận cấy ghép lâu dài trong cơ thể người; nạng, xe lăn và dụng cụ chuyên dùng khác dùng cho người tàn tật.

25. Hàng hóa, dịch vụ của cá nhân kinh doanh có mức thu nhập bình quân tháng thấp hơn mức lương tối thiểu chung áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp trong nước theo quy định của Chính phủ về mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động.

1.2.2 Đối tượng nộp thuế GTGT

Người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT.

1.2.3 Căn cứ tính thuế GTGT

Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất thuế GTGT

1.2.3.1 Giá tính thuế

Giá tính thuế của các hàng hóa, dịch vụ được xác định cụ thể như sau:

(1) Đối với hàng hóa, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế GTGT. Đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thì giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt mà chưa có thuế GTGT.

(2) Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu cộng thuế nhập khẩu(nếu có), cộng thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu.

(3) Đối với hàng hóa, dịch vụ để trao đổi, tiêu thụ nội bộ, biếu, tặng, cho thì giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh hoạt động này.

(4) Đối với hoạt động thuê tài sản là số tiền cho thuê chưa có thuế GTGT.

Trường hợp cho thuê theo hình thức trả tiền thuê từng kỳ hoặc trả trước tiền thuê cho một thời hạn thuê thì giá tính thuế là tiền cho thuê trả từng kỳ hoặc trả trước thời hạn thuê chưa có thuế GTGT.

Trường hợp thuê máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của nước ngoài loại trong nước chưa sản xuất được để cho thuê lại, giá tính thuế được trừ giá thuê phải trả cho nước ngoài

(5) Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm là giá tính theo giá bán trả một lần chưa có thuế GTGT của hàng hóa đó, không bao gồm khoản lãi trả chậm, trả góp.

(6) Đối với gia công hàng hóa là giá gia công chưa có thuế GTGT.

(7) Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là giá trị công trình, hạng mục công trình hay phần công việc thực hiện bàn giao chưa có thuế GTGT.

(8) Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế GTGT, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước.

(9) Đối với hoạt động đại lý môi giới mua bán hàng hóa và dịch vụ hưởng hoa hồng thì tiền hoa hồng thu được từ các hoạt động này chưa có thuế GTGT.

(10) Đối với hàng hóa, dịch vụ được sử dụng chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán đã có thuế GTGT thì giá tính thuế xác đinh theo công thức sau:

$$\textbf{Giá chưa có thuế GTGT} = \frac{\textbf{Giá thanh toán}}{\textbf{1 + thuế suất của hàng hóa, dịch vụ đó (\%)}}$$

(11)Đối với điện các nhà máy thủy điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam, giá tính thuế GTGT để xác định số thuế GTGT nộp tại địa phương nơi có nhà máy được tính bằng 60% giá bán điện thương phẩm bình quân năm trước chưa bao gồm thuế GTGT.

(12) Đối với dịch vụ casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược, là số tiền thu từ hoạt động này đã bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt trừ số tiền đã trả thưởng cho khách

$$\textbf{Giá tính thuế} = \frac{\textbf{Số tiền thu được}}{\textbf{1 + thuế suất}}$$

(13)Đối với vận tải, bốc xếp là giá cước vận tải, bốc xếp chưa có thuế GTGT, không phân biệt cơ sở trực tiếp vận tải, bốc xếp hay thuê lại.

(14) Đối với dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành, hợp đồng ký với khách hàng trọn gói (ăn, ở, đi lại) thì giá trọn gói được xác định là giá đã có thuế GTGT.

(15) Đối với dịch vụ cầm đồ, giá tính thuế là tiền phải thu từ dịch vụ này bao gồm tiền lãi phải thu từ cho vay cầm đồ, các khoản thu khác phát sinh từ việc bán hàng cầm đồ(nếu có).

(16)Đối với sách chịu thuế GTGT bán theo đúng giá phát hành(giá bìa) theo quy định luật xuất bản, thì giá bán đó đã xác định là có thuế GTGT. Các trường hợp bán không theo giá bìa thì thuế GTGT tính theo giá bán ra.

(17) Đối với hoạt động in, giá tính thuế là tiền công in. Trường hợp cơ sở in thực hiện hợp đồng in, giá thanh toán bao gồm cả tiền công in và giấy in thì giá tính thuế bao gồm cả tiền giấy.

(18) Đối với dịch vụ đại lý giám định, đại lý xét bồi thường 100% hưởng tiền công hoặc tiền hoa hồng thì giá tính thuế GTGT là tiền công hoặc tiền hoa hồng được hưởng (chưa trừ một khoản phí tổn nào) mà doanh nghiệp bảo hiểm thu được, chưa có thuế GTGT.

Giá tính thuế được xác định bằng đồng Việt Nam. Trường hợp người nộp thuế có doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu để xác định giá tính thuế.

**** Thời điểm xác định thuế GTGT:**

+ Đối với hàng hóa là thời điểm chuyển quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

+ Đối với dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

+ Đối với hoạt động cung ứng điện, nước sạch thì ngày ghi chỉ số điện, nước tiêu thụ trên đồng hồ để ghi hóa đơn tính tiền.

+ Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê, là thời điểm thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng.

+ Đối với xây dựng và lắp đặt thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

+ Đối với hàng nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

1.2.3.2 Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng trong doanh nghiệp.

Theo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT ngày 10/05/1997 được Quốc hội khóa XI thông qua ngày 17/06/2003 và có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2004 quy định ba mức thuế suất là 0%, 5%, 10% và ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật số 31/2013 QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT) sửa đổi, bổ sung lần này có một số nội dung sửa đổi, bổ sung đáng chú ý. Luật này có hiệu lực thi hành từ 01/01/2014 được áp dụng cụ thể như sau:

1. Thuế suất 0% áp dụng đối với

- Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu bao gồm cả hàng gia công xuất khẩu, kể cả hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT xuất khẩu (trừ các trường hợp sau: vận tải quốc tế, hàng hóa, dịch vụ cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế, dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài, dịch vụ tín dụng, đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán ra nước ngoài và sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên khoáng sản khai thác chưa qua chế biến do Chính phủ quy định).

Xuất khuẩu bao gồm xuất ra nước ngoài, bán cho doanh nghiệp khu chế xuất và các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.

- Các trường hợp hàng hóa đưa ra nước ngoài để bán tại hội chợ triển lãm, giới thiệu sản phẩm, ủy thác gia công xuất khẩu, hàng hóa bán cho nước ngoài nhưng giao hàng tại Việt Nam theo quy định của phía nước ngoài nếu có đủ nếu có đủ các căn cứ xác định hàng xuất khẩu cũng được áp dụng thuế suất 0%

- Sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, cung ứng dịch vụ phần mềm cho nước ngoài, cho doanh nghiệp chế xuất, dịch vụ xuất khẩu lao động, xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và của doanh nghiệp chế xuất.

Hàng hóa xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0% phải có đủ hồ sơ, chứng từ chứng minh là hàng thực tế xuất khẩu, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng bán hàng hóa hoặc hợp đồng gia công ký kết với nước ngoài, hợp đồng ủy thác xuất khẩu đối với trường hợp ủy thác xuất khẩu

+ Hóa đơn GTGT bán hàng hay xuất trả hàng gia công cho nước ngoài, doanh nghiệp chế xuất và các đối tượng khác được xác định như xuất khẩu theo quy định của Chính phủ.

+ Giấy mời hoặc hợp đồng tham gia hội trợ triển lãm

+ Hàng hóa xuất khẩu cho thương nhân nước ngoài, doanh nghiệp chế xuất phải thanh toán qua Ngân hàng, chứng từ thanh toán với thương nhân nước ngoài theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

+ Tờ khai hải quan về hàng xuất khẩu có xác nhận hàng đã xuất khẩu của cơ quan Hải quan. Trường hợp ủy thác xuất khẩu thì phải có tờ khai Hải quan về hàng hóa xuất khẩu của bên nhận ủy thác, nếu là bản sao phải có đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu ký, đóng dấu.

2. Thuế suất 5% áp dụng đối với

- Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt (trừ nước sạch do các tổ chức, cá nhân tự khai thác để tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp ở nông thôn, miền núi, hải đảo, vung sâu, vùng xa.

- Phân bón, quặng để sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng bao gồm phân hữu cơ và phân vô cơ như phân lân, phân NPK, phân đạm hỗn hợp, phân phốt phát, bồ tạt, phân vô sinh.

+ Quặng làm nguyên liệu để sản xuất ra phân bón như quặng Apatit dùng để sản xuất phân lân, đất bùn dùng làm phân vi sinh,…

+ Các loại thuốc trừ sâu, thuốc diệt dán, diệt chuột, mối, côn trùng, thuốc trừ nấm, trừ cỏ, thuốc hạn chế hoặc kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng điều hòa sự phát triển của thực vật,…

- Thiết bị và dụng cụ y tế, máy móc, dụng cụ chuyên dùng y tế như máy soi, máy chiếu, máy chụp dùng để khám chữa bệnh, các thiết bị dùng để mổ, điều trị vết thương, ô tô cứu thương, dụng cụ đo huyết áp, tim mạch, truyền máu, bông, băng vệ sinh y tế, thuốc chữa bệnh, phòng bệnh, sản phẩm hóa dược, dược liệu là nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh.

- Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập bao gồm các loại giáo cụ trực quan(mô hình, hình vẽ), thước kẻ, bảng phấn,…..

- In các loại sản phẩm báo, tạp trí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học lý thuật, sách in

bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động(trừ in tiền).

- Đồ chơi trẻ em, sách các loại như văn học nghệ thuật, sách phục vụ thiếu nhi, sách pháp luật,.. băng, đĩa đã ghi hoặc chưa ghi chương trình

- Kinh doanh các mặt hàng trồng trọt, sản phẩm chăn nuôi, sản phẩm nuôi trồng thủy sản chưa qua chế biến, hoặc chỉ qua sơ chế biến làm sạch, ướp đông, phơi sấy khô bao gồm cả con giống, cây trồng, hạt giống.

- Lâm sản chưa qua chế biến(trừ gỗ, măng) thực phẩm tươi sống và lương thực. Lâm sản chưa qua chế biến loại lâm sản khai thác từ rừng tự nhiên như song, mây, nứa, nấm, mộc nhĩ, cây làm thuốc, lá, hoa và các lâm sản khác.

Thực phẩm tươi sống là loại thực phẩm chưa qua chế biến hoặc chỉ sơ chế thông thường. Lương thực bao gồm thóc, gạo, ngô, khoai, sắn,…

- Sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá.

- Bông sơ chế từ bông trồng trong nước.

- Dịch vụ khoa học kỹ thuật

- Dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Đường phụ phẩm trong sản xuất bê tông công nhiệp gồm dầm cầu bê tông, dầm và khung nhà bê tông, cọc bê tông, cột điện bê tông, ống cống tròn bê tông, hộp bê tông các loại, pa-nen và các loại cấu kiện bê tông cốt thép đúc sẵn phi tiêu chuẩn, bê tông thương phẩm, lốp và bộ sắm lốp cỡ từ 900-2000 trở lên, ống thủy tinh trung tính.

- Sản phẩm luyện, cán, kéo kim loại đen, kim loại màu, kim loại quý (trừ vàng nhập khẩu).

- Dây tu, sửa chữa, phục chế di tích lịch sử văn hóa, bảo tàng.

- Xử lý dữ liệu tự động và các bộ phận phụ tùng xe máy.

- Hóa chất cơ bản, sản phẩm cơ khí, tư liệu sản xuất, khuôn đúc các loại, vật liệu nổ, đá mài, giấy in báo, bình bơm thuốc sâu, mủ cao su sơ chế, nhựa thông sơ chế.

- Than, đất, đá, cát, sỏi.

- Lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá.

- Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn vật nuôi khác bao gồm loại thức ăn hoặc chưa chế biến tổng hợp như cám bã khô lạc, bột cá, bột xương,….

- Vận tải, nạo vét luồng lạch, cảng sông, cảng biển, hoạt động trục vớt, cứu hộ.

- Phát hành chiếu phim vedio

3. Thuế suất 10% áp dụng đối với

Các loại hàng hóa, dịch vụ khác không quy định trong nhóm thuế suất 0%, 5%

4. Mức thuế suất kê khai thuế phương pháp trực tiếp

Mức thuế suất áp dụng kê khai thuế phương pháp trực tiếp theo Thông tư số 219/2013/TT-BTC và nghị định số 209/2013/NĐ-CP của Bộ tài chính các hướng dẫn chi tiết và một số điều luật mới cần tham khảo của luật thuế giá trị gia tăng

- Phân phối, cung cấp hàng hóa: 1%
- Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%
- Hoạt động kinh doanh khác: 2%

1.2.4 Phương pháp tính thuế GTGT

(1) Phương pháp khấu trừ thuế

Đối tượng áp dụng: Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ và đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế, trừ các đối tượng áp dụng tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên GTGT.

Công thức tính:

Số thuế GTGT phải nộp = Số thuế GTGT đầu ra - Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Trong đó:Thuế GTGT đầu ra bằng tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn.

Thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT = Giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra X Thuế suất thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ đó.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ bằng tổng số thuế ghi trên hóa đơn GTGT của hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả tài sản cố định) dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT của doanh nghiệp, số thuế GTGT ghi trên chứng từ của hàng hóa nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thay cho phía nước ngoài.

Việc xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phải tuân theo quy định của Luật thuế GTGT

(2) Phương pháp tính thuế trực tiếp trên giá trị gia tăng

- Đối tượng áp dụng:

+ Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

+ Tổ chức cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

+ Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

- Công thức tính

Số thuế GTGT phải nộp = GTGT của hàng hóa, dịch vụ X Thuế suất thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ đó

Trong đó

GTGT của hàng hóa, dịch vụ = Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra - Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào tương ứng.

Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra là giá thực tế bán ghi trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào được xác định bằng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT bán ra tương ứng.

* Phương pháp xác định thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ làm căn cứ tính thuế GTGT phải nộp đối với từng cơ sở kinh doanh như sau:

(1) Đối với cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có đủ hóa đơn của hàng hóa, dịch vụ bán ra theo chế độ quy định có đủ điều kiện xác định được đúng doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ như hợp đồng và chứng từ thanh toán nhưng không đủ hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào thì GTGT được xác định bằng doanh thu nhân(x) với tỷ lệ (%) GTGT tính trên doanh thu.

Tỷ lệ (%) giá trị gia tăng tính trên doanh thu làm căn cứ xác định giá trị gia tăng được quy định như sau:

- Thương mại(phân phối, cung cấp hàng hóa): 10%
- Dịch vụ, xây dựng(trừ xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu): 50%
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 30%

1.3 Nội dung công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp

1.3.1 Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu vào

1.3.1.1 Chứng từ kế toán sử dụng

Các chứng từ sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm:

- Hóa đơn GTGT
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào
- Tờ khai thuế GTGT

Theo quy định đối với cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ, việc kế toán thuế GTGT được thực hiện trên cơ sở hóa đơn GTGT, hóa đơn tự in và các chứng từ đặc thù khác(nếu có).

- Hóa đơn GTGT ghi đầy đủ, đúng các yếu tố quy định trên hợp đồng và ghi rõ: Giá bán chưa có thuế GTGT, phụ thu, và phí tính ngoài giá bán(nếu có), thuế suất GTGT, tiền thuế và tổng giá thanh toán đã có thuế.
- Hóa đơn tự in, các chứng từ khác phải có đăng ký của Bộ tài chính và chỉ được sử dụng sau khi đã được chấp nhận bằng văn bản. Hóa đơn tự in phải đảm bảo phản ánh đầy đủ các nội dung thông tin theo như quy định của hóa đơn chứng từ.
- Các hàng hóa, dịch vụ đặc thù được sử dụng chứng từ đặc thù như: tem, bưu điện, vé máy bay…. ghi trên vé là giá đã có thuế GTGT.

1.3.1.2 Tài khoản sử dụng

Kế toán thuế GTGT sử dụng TK 133 – " Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ"

TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ

- Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ và còn được khấu trừ.

TK này có 2 TK cấp 2

- TK 1331 – Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ: Phản ánh thuế GTGT được khấu trừ của vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- TK 1332 – Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của tài sản cố định: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ khi mua sắm TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Nguyên tắc hạch toán TK 133:

1) TK 133 chỉ được sử dụng cho đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, không áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và cơ sở kinh doanh không thuộc diện chịu thuế GTGT.

2) Vật tư, hàng hóa, tài sản mua vào sử dụng đồng thời cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ vào TK 133 đối với vật tư, hàng hóa mua vào để sử dụng cho hoạt động chịu thuế GTGT.

Trường hợp không hạch toán riêng được giá trị vật tư hàng hóa sử dụng cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế thì toàn bộ số thuế GTGT đầu vào vẫn được phản ánh vào TK 133, cuối kỳ kế toán xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ doanh thu chịu thuế so với tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra. Phần thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán(nếu sản phẩm đã được tiêu thụ hết) hoặc phản ánh vào TK 142 " Chi phí trả trước".

3) Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng hoặc quý nào thì được kê khai, khấu trừ với thuế GTGT đầu ra của tháng hoặc quý đó, nếu thuế GTGT đầu vào lớn hơn thuế GTGT đầu ra phải nộp thì khấu trừ theo số nhỏ hơn, số còn lại được khấu trừ tiếp ở kỳ sau. Nếu sau 3 kỳ liên tiếp không khấu trừ hết thì Ngân sách sẽ hoàn thuế.

4) Nếu mua hàng hóa, dịch vụ không có hóa đơn GTGT theo quy định hoặc có hóa đơn nhưng không ghi rõ thuế GTGT hoặc hóa đơn không hợp lý, hợp lệ thì không được khấu trừ thuế đầu vào.

5) Trường hợp cơ sở kinh doanh mua hàng hoá, dịch vụ dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc dùng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, dùng vào hoạt động sự nghiệp, dự án, hoặc dùng vào hoạt động văn hoá, phúc lợi mà được trang trải bằng các nguồn kinh phí khác, thì số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ và không hạch toán và Tài khoản 133. Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được tính vào giá trị của vật tư, hàng hoá, tài sản cố định, dịch vụ mua vào.

6) Trường hợp hàng hoá, dịch vụ mua vào được dùng hoá đơn, chứng từ đặc thù (như tem bưu điện, vé cước vận tải,...) ghi giá thanh toán là giá đã có thuế

GTGT thì cơ sở kinh doanh được căn cứ vào giá hàng hoá, dịch vụ mua vào đã có thuế để xác định giá không có thuế và thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

7) Trường hợp cơ sở sản xuất, chế biến mua nguyên liệu là nông sản, lâm sản, thuỷ sản chưa qua chế biến của người sản xuất trực tiếp bán ra không có hoá đơn, căn cứ vào Bảng kê thu mua hàng hoá nông sản, lâm sản, thuỷ sản tính ra số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ (%) tính trên giá trị hàng hoá mua vào theo quy định trong chế độ thuế GTGT.

8) Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng hoặc quý nào thì được kê khai khấu trừ khi xác định thuế GTGT phải nộp của tháng hoặc quý đó. Nếu số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế GTGT đầu ra thì chỉ khấu trừ thuế GTGT đầu vào bằng (=) số thuế GTGT đầu ra của tháng đó, số thuế GTGT đầu vào còn lại được khấu trừ tiếp vào kỳ tính thuế sau hoặc được xét hoàn thuế theo chế độ quy định.

Kết cấu:

<table>
<tr><td colspan="2">TK133</td></tr>
<tr><td>SDĐK: Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ đầu kỳ
- Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phát sinh tăng trong kỳ</td><td>- Khấu trừ thuế GTGT
- Hoàn thuế GTGT
- Phân bổ thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ</td></tr>
<tr><td>SDCK: Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ cuối kỳ</td><td></td></tr>
</table>

1.3.1.3 Quy trình hạch toán

Đối với đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

* Hạch toán thuế GTGT đầu vào:

Sơ đồ: Quy trình hoạch toán thuế GTGT đầu vào

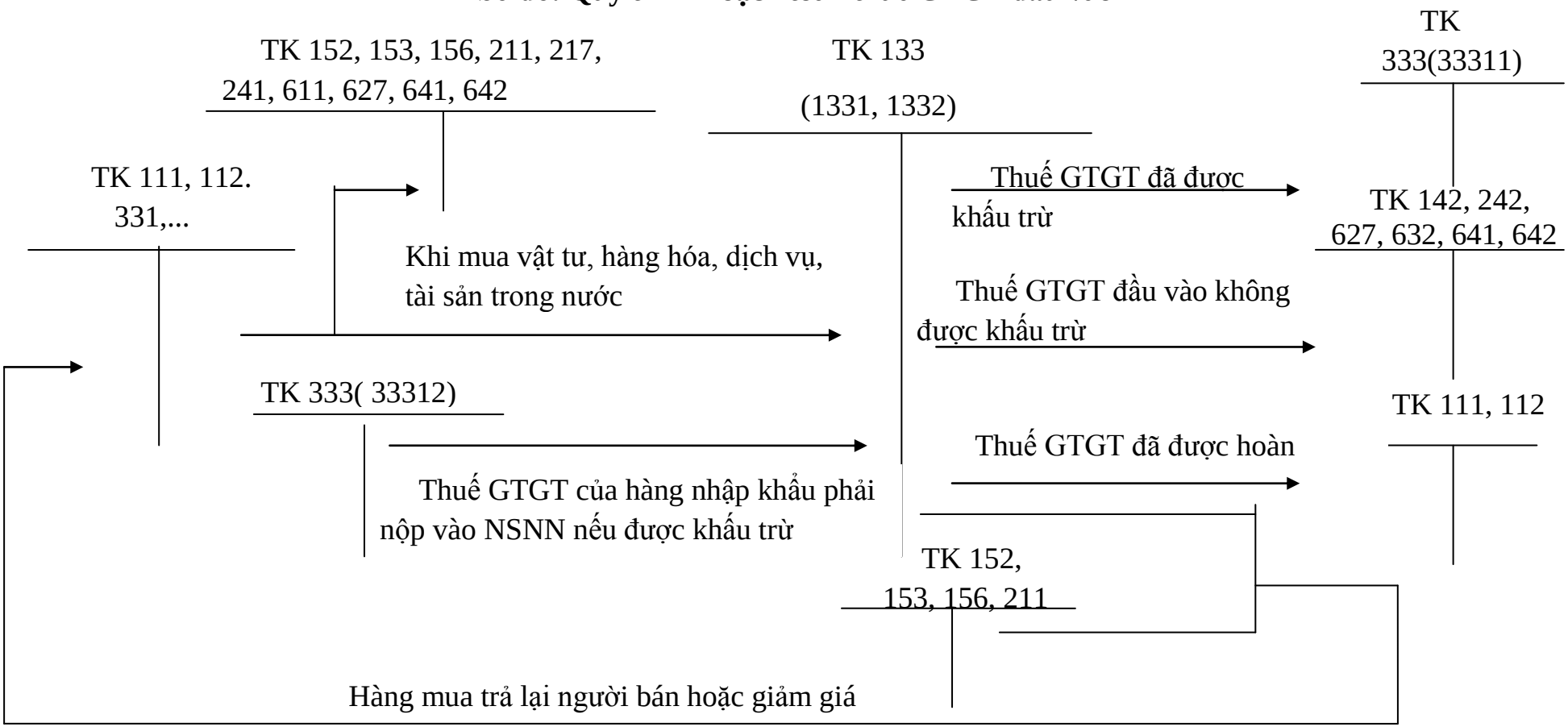

Chú ý: Căn cứ để xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT khi mua TSCĐ, vật tư hàng hóa, dịch vụ chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu (đối với hàng nhập khẩu), chứng từ nộp thuế GTGT thay cho nhà thầu nước ngoài hoặc đối tượng khác theo quy định của pháp luật (trường hợp nộp hộ thuế).

1.3.2 Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu ra

1.3.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng

Các chứng từ sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm:

- Hóa đơn GTGT
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra
- Tờ khai thuế GTGT

1.3.2.2 Tài khoản sử dụng

Kế toán thuế GTGT sử dụng TK 333. Trong đó TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

- Nội dung: Dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp, còn phải nộp.

TK này có 2 TK cấp 2:

- TK 33311 – Thuế GTGT đầu ra : Phản ánh thuế GTGT đầu ra phải nộp hàng nội địa, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp, còn phải nộp của hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.
- TK 33312 – Thuế GTGT hàng nhập khẩu: Phản ánh số thuế GTGT đầu ra của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp, còn phải nộp cho ngân sách Nhà nước.

Kết cấu:

<table>
<tr><td colspan="2">TK 3331</td></tr>
<tr><td>SDĐK: Số thuế GTGT đã nộp thừa đầu kỳ
- Khấu trừ thuế GTGT
- Thuế GTGT được miễn giảm
- Số thuế GTGT đã nộp NSNN</td><td>SDĐK: Số thuế còn phải nộp đầu kỳ
- Số thuế GTGT phải nộp trong kỳ</td></tr>
<tr><td>SDCK: Số thuế GTGT đã nộp thừa vào NSNN cuối kỳ</td><td>SDCK: Số thuế GTGT còn phải nộp cuối kỳ</td></tr>
</table>

1.3.2.3 Quy trình hạch toán

Đối với đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

* Hạch toán thuế GTGT đầu ra:

Sơ đồ: Quy trình hoạch toán thuế GTGT đầu ra

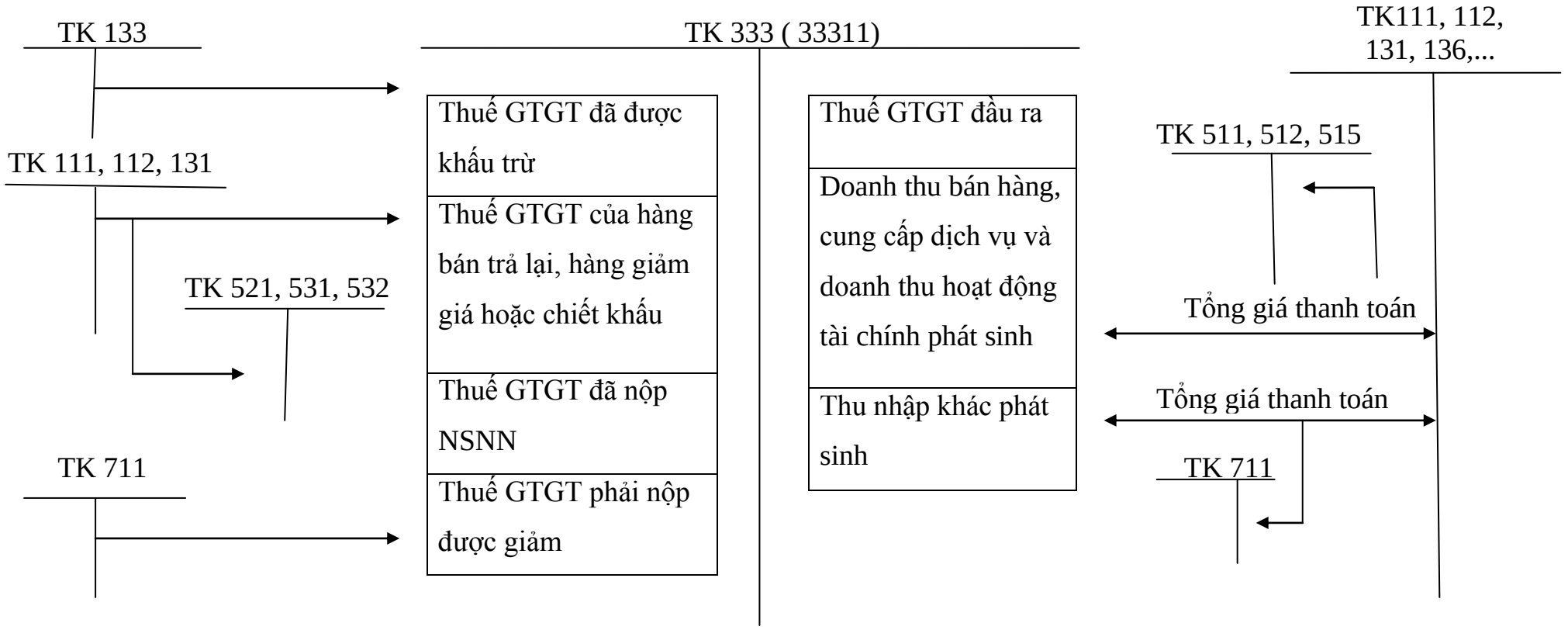

Chú ý: Chỉ tiêu thuế GTGT hàng bán nội địa phải nộp NSNN được xác định theo công thức

Thuế GTGT hàng bán nội địa phải nộp = **Thuế GTGT đầu ra phát sinh trong kỳ** - **Thuế GTGT đã được khấu trừ** - **Thuế GTGT của háng bán trả lại, hàng giảm giá hoặc được chiết khấu TM**

*** Đối với đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp**

Sơ đồ: Quy trình hoạch toán thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Thời điểm xác định số thuế phải nộp theo phương pháp trực tiếp vào thời điểm cuối kỳ: cuối quý, cuối năm.

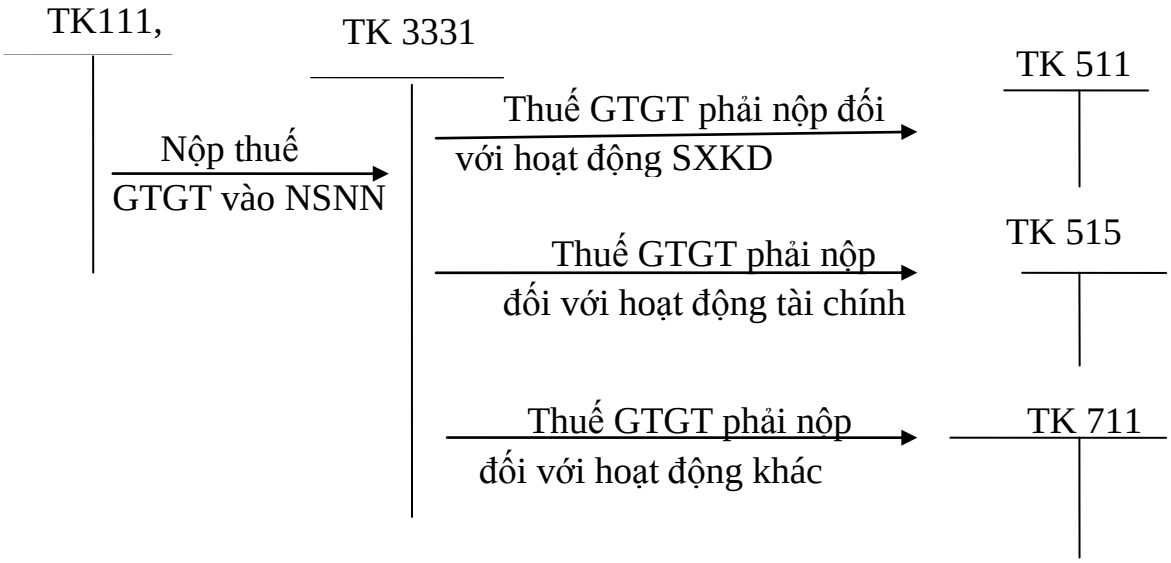

Quá trình hạch toán thực hiện tương tự như với phương pháp thuế được khấu trừ nhưng trong quá trình hạch toán thì không xuất hiện các TK 133, 3331 do đó giá trị hàng hóa phản ánh trên các TK 156, 151, 511, 512, 711 là giá đã có thuế GTGT.

1.4 Kê khai, nộp thuế, hoàn thuế GTGT

1.4.1 Kê khai thuế giá trị gia tăng

Các cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT phải có trách nhiệm lập và gửi cho cơ quan thuế tờ khai tính thuế GTGT từng tháng hoặc từng quý kèm theo bảng kê hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra theo mẫu quy định. Thời hạn nộp chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế đối với trường hợp khai và nộp theo tháng, chậm nhất là ngày thứ ba mươi của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế đối với trường hợp khai và nộp theo quý. Trong trường hợp không phát sinh thuế đầu vào, đầu ra thì cơ sở kinh doanh vẫn phải kê khai và nộp tờ khai cho cơ quan thuế. Cơ sở kinh doanh phải kê khai đầy đủ, đúng mẫu tờ khai và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kê khai.

+ Cơ sở kinh doanh nhập khẩu, mỗi lần phát sinh hoạt động nhập khẩu thì cơ sở có trách nhiệm phải kê khai thuế, nộp tờ khai thuế GTGT theo từng lần nhập

khẩu cùng với việc kê khai thuế nhập khẩu cho cơ quan hải quan thu thuế tại cửa khẩu nhập.

+ Cơ sở kinh doanh buôn chuyến phải kê khai và nộp thuế GTGT theo từng chuyến hàng cho cơ quan thuế nơi mua hàng trước khi vận chuyển hàng đi tiêu thụ.

Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ có mức thuế suất GTGT khác nhau phải kê khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ, nếu cơ sở kinh doanh không xác định được theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở có sản xuất và kinh doanh.

Xác định thuế GTGT đầu ra:

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế khi bán hàng hóa, dịch vụ phải tính và thu thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ đó. Khi lập hóa đơn hàng hóa, dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải ghi rõ giá bán chưa có thuế GTGT, thuế GTGT và tổng số tiền người mua phải thanh toán.

Trường hợp hóa đơn chỉ ghi giá thanh toán (trừ trường hợp được phép dùng chứng từ đặc thù), không ghi giá chưa có thuế và thuế GTGT thì thuế GTGT của hàng hóa , dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hóa đơn chứng từ.

Trường hợp hóa đơn ghi sai mức thuế suất giá trị gia tăng mà cơ sở kinh doanh chưa tự điều chỉnh, cơ quan thuế kiểm tra, phát hiện thì bị xử lý như sau:

- Nếu mức thuế suất ghi trên hóa đơn > mức thuế suất quy định thì doanh nghiệp phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất ghi trên hóa đơn.
- Nếu mức thuế suất ghi trên hóa đơn < mức thuế suất quy định thì doanh nghiệp phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất quy định.

Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT, kể cả hàng hóa, dịch vụ được sản xuất hay mua vào mà doanh nghiệp sử dụng để khuyến mại, quảng cáo dưới các hình thức phục vụ sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì sẽ được khấu trừ toàn bộ.

Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ thuế đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.

+ Nếu doanh nghiệp hạch toán riêng các khoản thuế này cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế thì khấu trừ thuế GTGT đầu vào dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.

+ Nếu không hạch toán riêng được thì số thuế đầu vào được khấu trừ xác định theo tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

$$\textbf{Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào} = \frac{\textbf{Doanh thu chịu thuế}}{\textbf{Tổng doanh số bán ra trong kỳ}}$$

$$\textbf{Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ} = \textbf{Tổng số thuế GTGT đầu vào} \times \textbf{Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào.}$$

Thuế GTGT đầu vào của TSCĐ sử dụng đồng thời cho hoạt động kinh doanh, sản xuất hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT thì được khấu trừ toàn bộ.

Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, tài sản cố định mua vào bị tổn thất, bị hỏng do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ thì không được khấu trừ.

Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng hoặc quý nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng hoặc quý đó, không phân biệt đã xuất dùng hay để lại trong kho.

Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện ra số thuế GTGT đầu vào kê khai, khấu trừ còn sót hóa đơn hoặc chứng từ nộp thuế chưa kê khai, khấu trừ thì được kê khai, khấu trừ bổ sung. Thời gian để kê khai bổ sung tối đa 6 tháng kế từ tháng phát sinh hóa đơn, chứng từ bỏ sót.

Không được tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hóa đơn GTGT sử dụng không đúng quy định của pháp luật như sau:

+ Hóa đơn GTGT không ghi thuế GTGT (trừ trường hợp đặc thù được dùng hóa đơn GTGT ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT).

+ Hóa đơn không ghi hoặc ghi sai tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán nên không xác định được người bán.

+ Hóa đơn, chứng từ nộp thuế GTGT giả, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn khống (không có hàng hóa, dịch vụ đi kèm).

+ Hóa đơn ghi giá trị không đúng giá trị thực tế của hàng hóa, dịch vụ mua bán hoặc trao đổi.

Điều kiện khấu trừ thuế:

Các hóa đơn GTGT hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài áp dụng đối với tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh ở Việt Nam.

Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn dưới 20 triệu đồng theo giá đã có thuế GTGT.

+ Đối với hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị trên 20 triệu đồng, đơn vị căn cứ vào hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ, hóa đơn GTGT và chứng từ thanh toán qua ngân hàng của hàng hóa, dịch vụ đó để kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, đơn vị vẫn được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng nếu không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào, đơn vị phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đầu vào đã được khấu trừ của giá trị hàng hóa không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

+ Hàng hóa, dịch vụ mua vào theo phương thức thanh toán bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào với giá trị hàng hóa bán ra, bù trừ công nợ, thanh toán ủy quyền qua bên thứ 3 thanh toán qua ngân hàng mà các phương thức thanh toán này được quy định cụ thể trong hợp đồng cũng được coi là thanh toán qua ngân hàng. Trường hợp sau khi bù trừ, phần giá trị còn lại thanh toán bằng tiền có giá trị trừ 20 triệu trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

+ Trường hợp mua hóa đơn của một nhà cung cấp có giá trị dưới 20 triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày có tổng trị giá trên 20 triệu đồng thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

+ Quản lý thuế GTGT được hoàn lại: đây là khoản thuế vô cùng cần thiết và đòi hỏi phải được thường xuyên theo dõi tránh các kẽ hở của quy định làm một số doanh nghiệp lợi dụng bòn rút Ngân sách.

Lập báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn

Hàng tháng hoặc quý, tổ chức, hộ, cá nhân bán hàng hóa, dịch vụ (trừ đối tượng được cơ quan thuế cấp hóa đơn) có trách nhiệm nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Báo cáo tình hình sử sụng hóa đơn

quý nộp chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế đối với trường hợp khai và nộp theo tháng, chậm nhất là ngày thứ ba mươi của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế đối với trường hợp khai và nộp theo quý

1.4.2 Nộp thuế GTGT

** Thời hạn nộp thuế

- Người nộp thuế có nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ, đúng thời hạn vào ngân sách Nhà nước.
- Trường hợp người nộp thuế tính thuế, thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.
- Trường hợp cơ quan thuế tính thuế hoặc ấn định thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế.

Đối với các cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế hàng tháng theo thông báo của cơ quan thuế thì chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế.

Đối với các cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế hàng quý theo thông báo của cơ quan thuế thì chậm nhất là ngày thứ ba mươi của quý tiếp quý tháng phát sinh nghĩa vụ thuế .

Đối với cơ sở kinh doanh và nhập khẩu hàng hóa phải nộp thuế GTGT theo từng đợt nhập khẩu.

** Số thuế phải nộp

Căn cứ vào số thuế trong thông báo nộp thuế của cơ quan thuế. Trong một số trường hợp nếu kỳ này cơ sở kinh doanh nộp thừa thì số thuế nộp thừa sẽ được khấu trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tiếp theo. Với đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có số thuế đầu vào lớn hơn số thuế đầu ra thì được khấu trừ số thuế lớn hơn vào tháng tiếp theo.

** Địa điểm nộp thuế

Cơ sở có thể trực tiếp nộp thuế vào ngân sách nhà nước (tại kho bạc nhà nước) hoặc trích từ tiền gửi ngân hàng để nộp vào ngân sách nhà nước. Đối với cá nhân (trừ đối tượng nộp thuế theo kê khai) ở xa kho bạc Nhà nước thì cơ quan thuế tổ chức thu thuế trực tiếp và nộp vào ngân sách Nhà nước.

Thời điểm nộp thuế được tính từ thời điểm nộp thuế tại kho bạc hoặc tính từ ngày ngân hàng trích chuyển tiền gửi của cơ sở kinh doanh vào ngân sách Nhà nước.

** Đơn vị tiền tệ nộp thuế

Dùng Đồng Việt Nam để nộp thuế vào ngân sách Nhà nước. Nếu có doanh thu bằng Ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua, bán thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ.

1.4.3 Hoàn thuế GTGT

Các trường hợp hoàn thuế GTGT:

Thứ nhất, cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng) hoặc trong quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo. Trường hợp lũy kế sau ít nhất 12 tháng tính từ tháng đầu tiên hoặc sau ít nhất 4 quý tính từ quý đầu tiên phát sinh số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết mà vẫn còn số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế.

Thứ hai, là cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động, nếu thời gian đầu tư từ 1 năm (12 tháng) trở lên thì được hoàn thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ sử dụng cho đầu tư theo từng năm.

Trường hợp, nếu số thuế GTGT luỹ kế của hàng hoá, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT.

Thứ ba, hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư mới. Trường hợp cơ sở kinh doanh đang hoạt động thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới (trừ dự án đầu tư xây dựng nhà để bán) cùng tỉnh, thành phố, đang trong giai đoạn đầu tư thì cơ sở kinh doanh thực hiện kê khai riêng đối với dự án đầu tư và phải kết chuyển thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư để bù trừ với việc kê khai thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện. Số thuế GTGT được kết chuyển của dự án đầu tư tối đa bằng số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của cơ sở kinh doanh.

Thứ tư, đối tượng được hoàn thuế GTGT là cơ sở kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT theo tháng, quý; trường hợp trong tháng, quý số thuế GTGT đầu vào của

hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu chưa được khấu trừ chưa đủ 300 triệu đồng thì được khấu trừ vào tháng, quý tiếp theo.

Thứ năm, cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết.

Thứ sáu, hoàn thuế GTGT đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo. Trong đó, đối với dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại: chủ chương trình, dự án hoặc nhà thầu chính, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc quản lý chương trình, dự án được hoàn lại số thuế GTGT đã trả đối với hàng hoá, dịch vụ mua ở Việt Nam để sử dụng cho chương trình, dự án.

Thứ bảy, đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về ưu đãi miễn trừ ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để sử dụng được hoàn số thuế GTGT đã trả ghi trên hoá đơn GTGT hoặc trên chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán đã có thuế GTGT.

Thứ tám, là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp được hoàn thuế đối với hàng hoá mua tại Việt Nam mang theo người khi xuất cảnh.

Thứ chín, cơ sở kinh doanh có quyết định xử lý hoàn thuế của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và trường hợp hoàn thuế GTGT theo điều ước quốc tế mà CHXHCN Việt Nam là thành viên.

1.5 Tổ chức sổ sách kế toán đối với thuế GTGT

Việc tổ chức hệ thống sổ sách kế toán phụ thuộc vào hình thức kế toán mà doanh nghiệp áp dụng. Các doanh nghiệp có thể tổ chức sổ sách kế toán dựa vào một trong các hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán bằng máy

Sau đây, là trình tự ghi sổ cụ thể của Hình thức Nhật ký chung

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

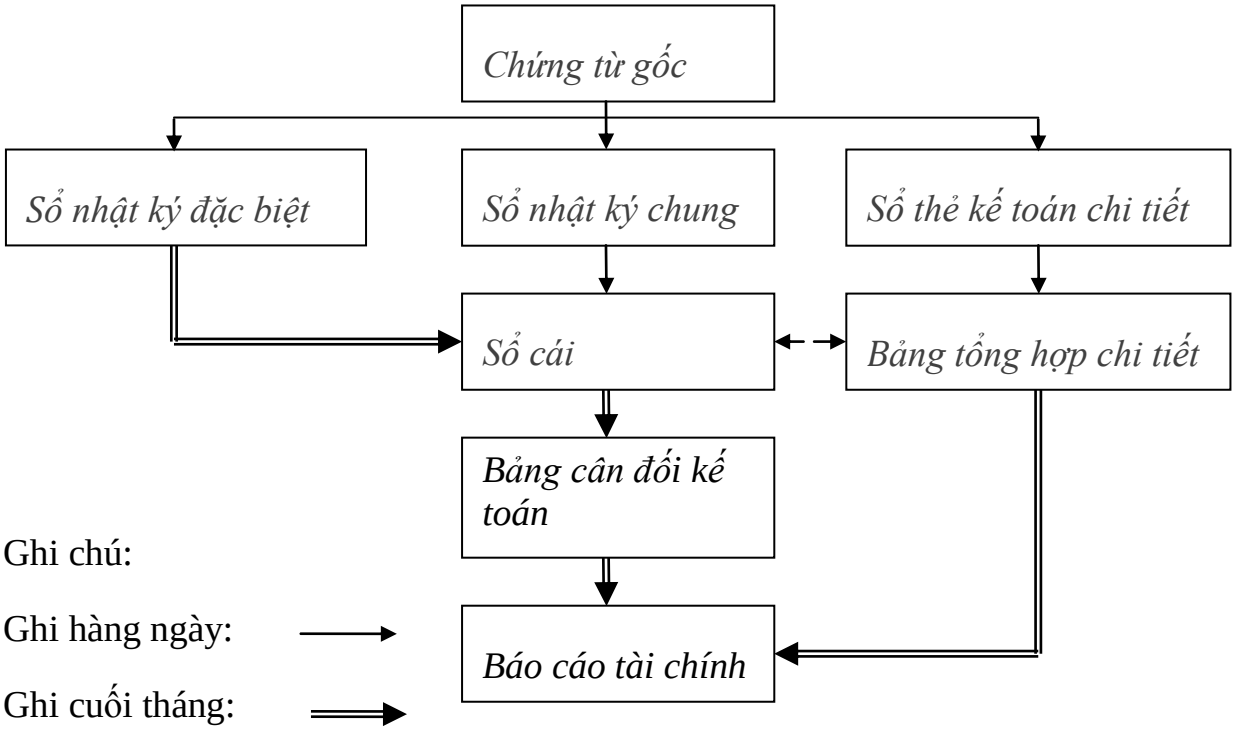

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ⟶

Ghi cuối tháng: ⟹

Quan hệ đối chiếu: ⟷

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ vào Sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Sổ Nhật ký chung để ghi Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi Sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các Sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào Sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10, .. ngày) hoặc cuối tháng tuỳ khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng Sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều Sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh có trên Sổ Nhật ký chung (hoặc Sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các Sổ Nhật ký đặc biệt).

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH AN THÁI

2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH An Thái

2.1.1 Quá trình hình thành

Ngày 01/08/2003, Công ty TNHH AN THÁI được thành lập với tên Công ty là CÔNG TY TNHH AN THÁI, tên nước ngoài là AN THAI COMPANY LIMITED viết tắt là AN THAI CO.,LTD. Có trụ sở chính tại số 64/266 Trần Nguyên Hãn, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200558962

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện(máy phát điện, động cơ điện, dây điện, thiết bị khác dùng trong mạch điện) .
- Sản xuất giàn giáo
- Lắp đặt hệ thống điện
- Gia công cơ khí, xử lý, tráng phủ kim loại
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn thiết bị ngành nước
- Bán buôn đồ dùng khác trong gia đình. Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn, bộ đèn điện,....
- Cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng (bao gồm giàn giáo, cốp pha)

Điện thoại: 031.3718918 Fax:031.3718878

Với số vốn điều lệ: 6.850.000.000đ

Danh sách thành viên góp vốn: Có 3 thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Giá trị phần góp vốn	Tỷ lệ (%)
1	NGUYỄN XUÂN THÀNH	4.600.000.000đ	67.15%
2	HOÀNG VĂN ĐAM	2.000.000.000 đ	29.2%
3	LÊ VĂN DINH	250.000.000 đ	3.65%

Công ty là một pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, mở tài khoản tại Ngân hàng và có con dấu riêng để hoạt động. Giám đốc Công ty tự chịu trách nhiệm

trước pháp luật: về các nội dung trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của Công ty; về việc sử dụng các Giấy phép, Giấy chứng nhận, các giấy tờ khác và con dấu của Công ty trong giao dịch; về việc góp vốn cổ phần quản lý, sử dụng và theo dõi vốn, tài sản của Công ty.

Công ty có quyền tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kinh doanh và cam kết của mình với người lao động, với các khách hàng của Công ty tại từng thời điểm được thể hiện sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh

Công ty nhập các mặt hàng phục vụ cung cấp các thiết bị điện dân dụng cho các gia đình tự do lựa chọn sản phẩm Nano, Panasonic, Syno, Enyo, Philips, Vanlock, Mitsubishi.... của các nhà phân phối. Nhân viên nhập hàng kiểm nhận nhập kho. Sau đó khi bán hàng qua quầy theo hóa đơn chứng từ dưới sự giám sát của thủ kho và kế toán bán hàng của Công ty. Nhân viên quầy có trách nhiệm sắp xếp hàng hóa gọn, sạch sẽ phục vụ khách hàng. Việc bán các sản phẩm và định giá bán theo tỷ lệ chiết khấu quy định.Thủ kho giao hàng cho nhân viên vận chuyển hàng trong khu vực trung tâm thành phố sẽ được miễn chi phí vận chuyển hàng

Sơ đồ: Quy trình kinh doanh

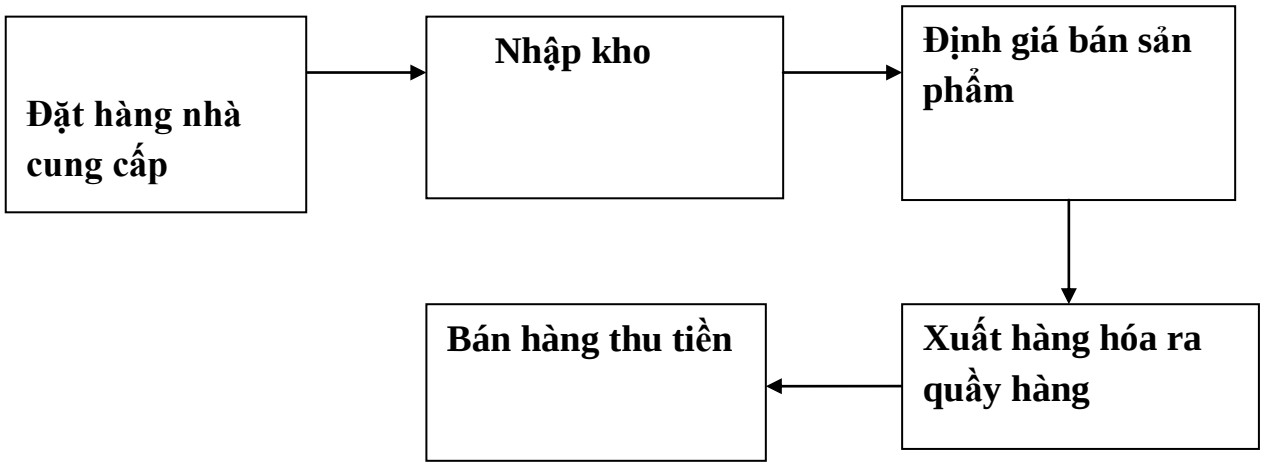

2.1.3 Tình hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty

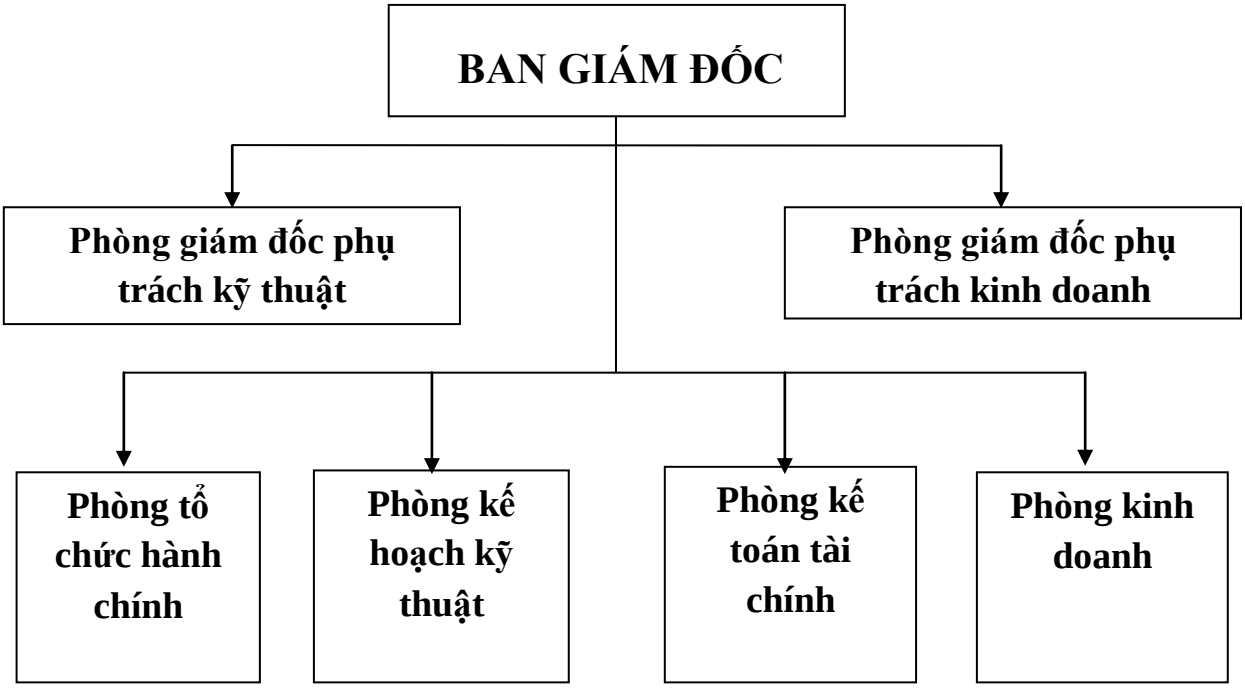

Qua sơ đồ trên ta có một vài nhận xét như sau:

Bộ máy quản lý của công ty có kết cấu rất chặt chẽ, các phòng ban hoạt động nhịp nhàng ăn ý với nhau, cùng hỗ trợ cho nhau hoạt động và cùng hướng tới mục đích cuối cùng là Công ty phát triển ngày càng tốt hơn, sau đây là nhiệm vụ của từng phòng ban:

Ban giám đốc: Quản lý chung về mọi mặt hoạt động của Công ty, làm nhiệm vụ giám sát điều hành tất cả các phòng ban hoạt động có hiệu quả và góp phần làm phát triển doanh nghiệp đưa doanh nghiệp ngày càng đi lên.

Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật: Đảm bảo tất cả các yêu cầu về kỹ thuật trong toàn Công ty, có tính nhanh nhậy, sớm tiếp xúc với công nghệ tiên tiến từ đó làm cho doanh nghiệp ngày càng lớn mạnh về khoa học kỹ thuật .

Phó giám đốc phụ trách kinh doanh: Có nhiệm vụ thu thập, tìm hiểu nghiên cứu các yếu tố liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, tìm nguồn vốn đầu vào hợp lý và đầu ra thuận lợi đảm bảo cho lợi nhuận doanh nghiệp thu về là lớn nhất.

Phòng tổ chức hành chính: Phụ trách quản lý thay giám đốc về mặt quân số công nhân viên chức trong công ty, tình hình biến đổi lao động, tình hình sử dụng lao động và các chế độ khác liên quan đến nhân viên toàn công ty.

Phòng kế hoạch kỹ thuật: Làm công tác kế hoạch về kinh doanh, tiêu thụ, chi phí…cho doanh nghiệp giúp việc kinh doanh dễ dàng và thuận lợi hơn.

Phòng kế toán tài chính: Có thể nói là phòng ban có nhiệm vụ quan trọng nhất trong doanh nghiệp, phòng này có chức năng hạch toán tất cả các số liệu có liên quan đến việc kinh doanh và phát triển của công ty, kinh nghiệm và cách tính toán chính xác của phòng kế toán sẽ là cơ sở để tính toán các khoản trong công ty: Chi phí, lợi nhuận, doanh thu…

Phòng kinh doanh: Tìm hiểu, thu thập thông tin kinh tế, thị trường; tìm các nguồn hàng phục vụ sản xuất kinh doanh trong Công ty. Đề xuất các chiến lược kinh doanh trong từng giai đoạn. Tổ chức quản lý việc quản lý hàng hoá, tiêu thụ sản phẩm;

2.1.4 Tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH An Thái

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán có quan hệ mật thiết với tình hình tổ chức công tác kế toán trong công ty. Xuất phát từ yêu cầu tổ chức sản xuất yêu cầu quản lý và trình độ quản lý Công ty tổ chức bộ máy kế toán hoạt động theo mô hình: Kế toán tập trung.Tức là toàn bộ công tác kế toán của Công ty được tiến hành tập trung tại 1 phòng ban chuyên môn là phòng kế toán trung tâm.

2.2 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

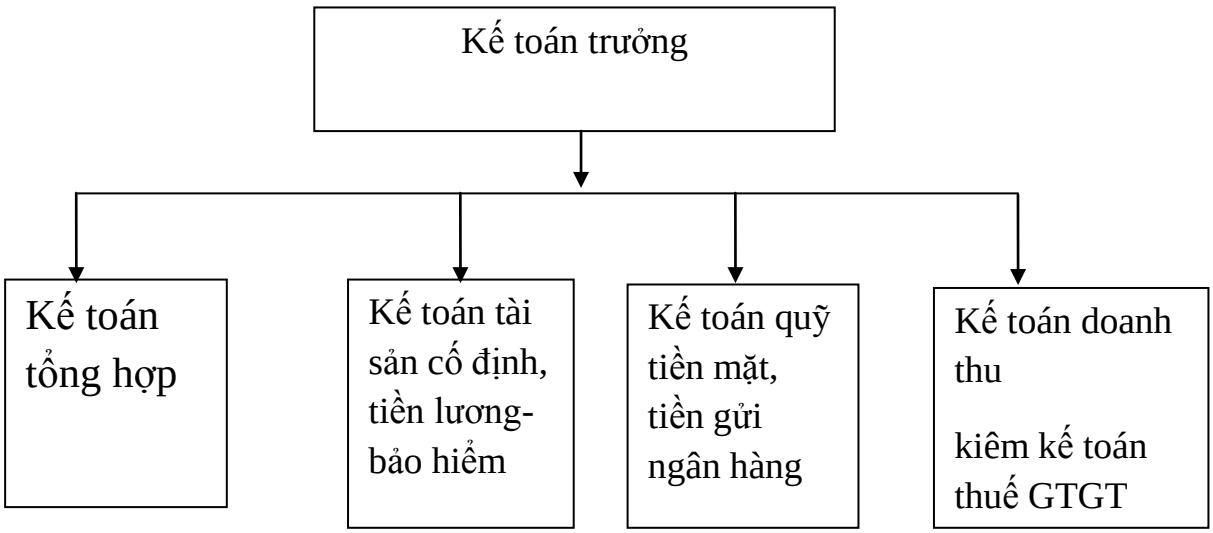

Nhiệm vụ của từng kế toán:

*** Kế toán trưởng .**

- Chịu trách nhiệm trực tiếp trước giám đốc công ty về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng.
- Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán;
- Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật Kế toán và phù hợp với hoạt động của công ty;

- Lập Báo cáo tài chính.

*** Kế toán tổng hợp**

- Tập hợp các số liệu từ kế toán chi tiết tiến hành hạch toán tổng hợp, lập các báo biểu kế toán, thống kê, tổng hợp theo qui định của nhà nước và Công ty.
- Kiểm tra, tổng hợp báo cáo bảo đảm tính chính xác, kịp thời phục vụ cho công tác phân tích tình hình hoạt động kinh doanh toàn Công ty.
- Kiểm tra, kiểm soát, giám sát, việc chấp hành các qui định ghi chép sổ sách, chứng từ quản lý tiền hàng.
- Kiểm tra nội dung, số liệu, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hằng ngày, để phát hiện và hiệu chỉnh kịp thời các sai sót (nếu có) về nghiệp vụ hạch toán, đảm bảo số liệu chính xác, kịp thời.
- Lập, in các báo cáo tổng hợp, báo cáo chi tiết các tài khoản, bảng cân đối tài khoản, báo cáo cân đối tiền hàng theo đúng qui định.
- Hướng dẫn nghiệp vụ cho các phần hành kế toán của công ty trong công tác xử lý số liệu, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh để thực hiện tốt phần hành kế toán được phân công. Kiểm tra, hiệu chỉnh nghiệp vụ cho các kế toán viên nắm rõ cách thức hạch toán đối với các phát sinh mới về nghiệp vụ hạch toán kế toán.
- Cung cấp các số liệu kế toán, thống kê cho Kế toán trưởng và Ban Giám Đốc khi được yêu cầu.
- Thay mặt kế toán trưởng khi kế toán trưởng vắng mặt giải quyết, điều hành hoạt động của Phòng tài chính kế toán sau đó báo cáo lại Kế toán trưởng các công việc đã giải quyết hoặc được ủy quyền giải quyết.
- Thực hiện công tác lưu trữ số liệu, sổ sách, báo cáo liên quan đến phần hành phụ trách đảm bảo an toàn, bảo mật.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Kế toán trưởng phân công.

*** Kế toán quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.**

- Theo dõi quá trình thu chi về quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
- Nộp kịp thời các kết quả nghiệp vụ được phân công cho kế toán tổng hợp.
- Báo cáo cho trưởng phòng để xác nhận kết quả công việc được phân công...

*** Kế toán tài sản cố định, tiền lương- bảo hiểm.**

- Theo dõi quy trình tăng giảm tài sản cố định, các thủ tục kiểm kê thanh lý, đánh giá lại tài sản cố định...
- Nộp kịp thời các kết quả nghiệp vụ được phân công cho kế toán tổng hợp.

- Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản cố định theo định kỳ.
- Giao nộp kịp thời các kết quả nghiệp vụ được phân công...

- Tổ chức ghi chép, phản ánh kịp thời, đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về số lượng và chất lượng lao động, tình hình sử dụng thời gian lao động và kết quả lao động .
- Tính toán chính xác, kịp thời, đúng chính sách chế độ về các khoản tiền lương, tiền thưởng, các khoản trợ cấp phải trả cho người lao động.
- Thực hiện việc kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách, chế độ về lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm ý tế (BHYT) và kinh phí công đoàn (KPCĐ). Kiểm tra tình hình sử dụng quỹ tiền luơng, quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ.
- Tính toán và phân bổ chính xác, đúng đối tượng các khoản tiền lương, khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh
- Lập báo cáo về lao động, tiền lương , BHXH, BHYT, KPCĐ thuộc phạm vi trách nhiệm của kế toán. Tổ chức phân tích tình hình sử dụng lao động, quỹ tiền lương, quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ.

*** Kế toán doanh thu kiêm kế toán thuế GTGT**

Có nhiệm vụ tổ chức theo dõi phản ánh đầy đủ kịp thời từng loại sản phẩm trên các mặt hiện vật và giá trị theo dõi quá trình tiêu thụ sản phẩm và theo dõi kế toán thuế TK 133, 333 khai và theo dõi thuế VAT và cuối cùng là cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán tổng hợp.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp

- Niên độ kế toán được tính từ 01/01 đến 31/12
- Đơn vị sử dụng trong ghi chép sổ kế toán: VNĐ
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính thuế GTGT : Phương pháp khấu trừ
- Tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước- xuất trước.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại Công ty

Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán

Toàn bộ chứng từ kế toán do Công ty lập hay gửi bên ngoài về đều được tập hợp tại phòng kế toán. Các thành viên trong phòng kế toán kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, tính chính xác, hợp pháp của chứng từ, từ đó những chứng từ đầy đủ thủ tục pháp lý cũng như hợp lệ sẽ được ghi sổ kế toán, còn lại sẽ được lưu giữ, bổ sung sau.

Về hóa đơn bán hàng, Công ty sử dụng hóa đơn GTGT theo đúng quy định hiện hành của Tổng cục thuế và Bộ tài chính.

Các loại chứng từ mà Công ty TNHH An Thái sử dụng:

- Chứng từ về bán hàng: Hóa đơn GTGT, hóa đơn thu mua hàng.
- Chứng từ về hàng tồn kho: Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, biên bản kiểm nghiệm.
- Chứng từ về kế toán bằng tiền: Phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị tạm ứng, biên lại thu tiền.
- Chứng từ về tài sản cố định: Biên bản giao nhận, biên bản thanh lý tài sản cố định
- Chứng từ về lương: Bảng chấm công, bảng thanh toán lương, danh sách lao động hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, hợp đồng giao khoán.

Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán

Việc sử dụng tài khoản kế toán được Công ty TNHH An Thái tuân thủ theo quy định của hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính

2.1.4.4. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH An Thái

Công ty TNHH AN THÁI đang sử dụng hình thức kế toán là: Nhật ký chung

Trình tự ghi sổ:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc được làm căn cứ ghi sổ. Đầu tiên kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản cho phù hợp. Cuối tháng căn cứ vào sổ thẻ kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp vào bảng tổng hợp chi tiết.

Cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đúng khớp, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng làm báo cáo tài chính.

Sau đây là trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung:

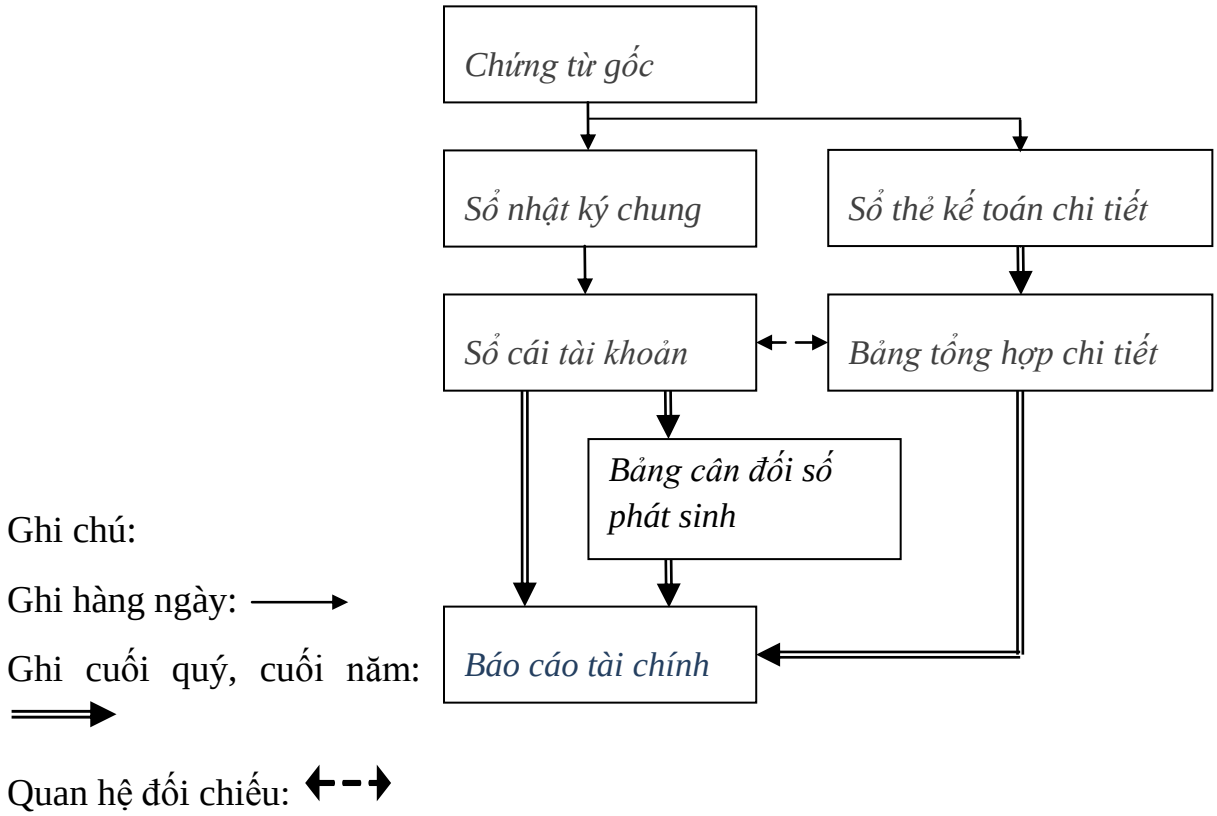

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán

Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán dùng để tổng hợp và thuyết minh về tình hình kinh tế, tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính của năm được lập và nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước chậm nhất là 31/03 của năm sau.

Các báo cáo tài chính của công ty TNHH AN THÁI do kế toán trưởng lập, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký và đóng dấu. Hệ thống báo cáo của công ty bao gồm:

1.	Bảng Cân đối kế toán	- Mẫu số B01-DN
2.	Bảng Cân đối tài khoản	- Mẫu số F01-DN
2.	Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	- Mẫu số B02-DN
3.	Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	- Mẫu số B03-DN
4.	Bản Thuyết minh báo cáo tài chính	- Mẫu số B09-DN
5.	Tờ khai tự quyết toán thuế TNDN	- Mẫu 03/TND

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH An Thái

2.2.1. Sản phẩm hàng hóa và các mức thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng tại Công ty TNHH An Thái

1. Công ty TNHH An Thái tính thuế GTGT với hàng hóa mua vào là:

Căn cứ vào các hóa đơn GTGT đầu vào mà Công ty có những mức thuế suất thuế GTGT là khác nhau. Dựa vào thuế GTGT đầu vào để xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ. Mức thuế suất có thể là 0%, 5%, 10%

Trong trường hợp là hóa đơn đặc thù doanh nghiệp sẽ xác định thuế GTGT đầu vào theo công thức sau:

$$\textbf{Doanh số chưa cóthuế GTGT} = \frac{\textbf{Giá có thuế GTGT}}{\textbf{1 + thuế suất của hàng hóa, dịch vụ đó (\%)}}$$

$$\textbf{Thuế GTGT} = \textbf{Doanh số chưa có thuế GTGT} \times \textbf{Thuế suất của hàng hóa, dịch vụ đó.}$$

2. Công ty TNHH An Thái áp dụng thuế suất đối với các mặt hàng bán ra là:

+ Các hàng hóa bán ra: Vật tư, thiết bị điện, bán giáo, tủ điện, dịch vụ cho thuê cốp pha,…. là 10%

+ Các hàng hóa bán ra vào khu chế xuất, gia công hàng xuất khẩu là 0%

2.2.2. Kế toán tổng hợp thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH An Thái

2.2.1. Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu vào

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng

Chứng từ sử dụng kế toán thuế GTGT đầu vào:

- Hóa đơn GTGT đầu vào mẫu số 01/GTKT3-001
- Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng

Công ty TNHH An Thái sử dụng TK 133 để theo dõi thuế GTGT đầu vào và được mở 2 TK cấp 2 là: TK 1331, TK 1332.

2.2.1.3 Quy trình hạch toán

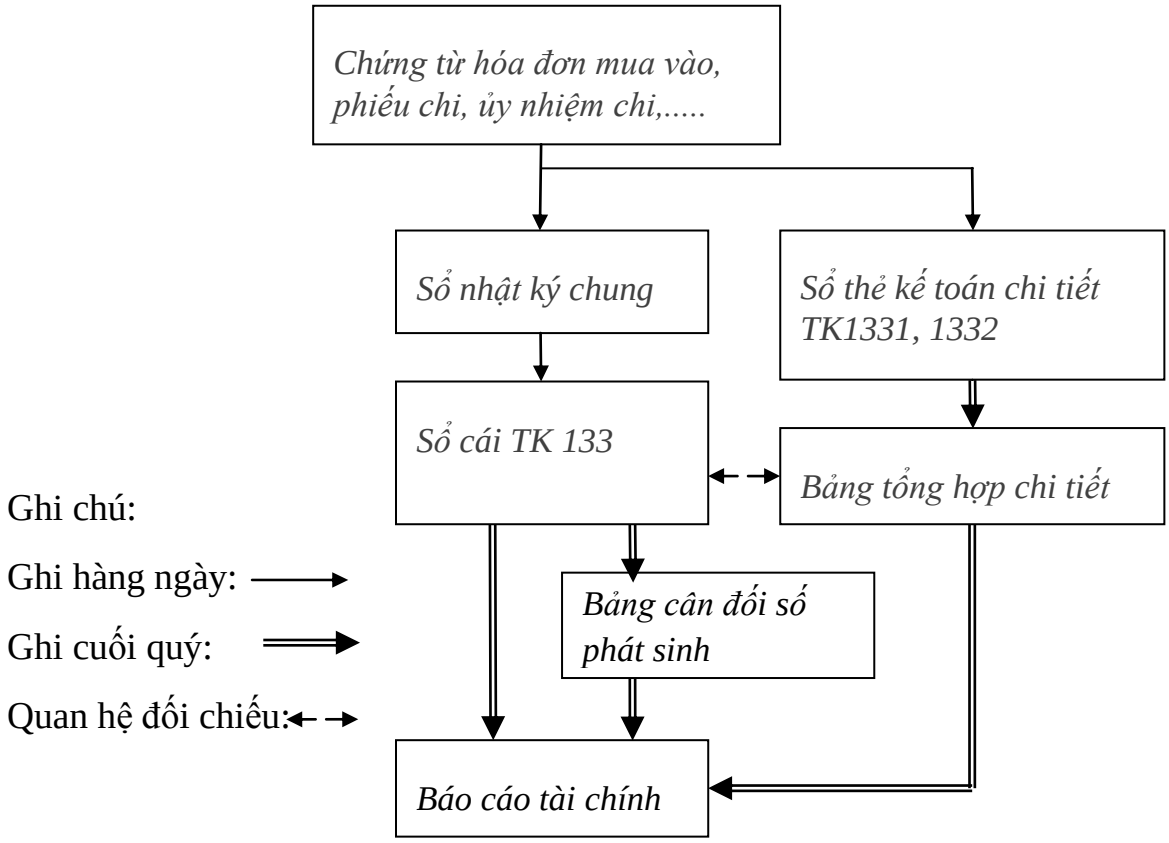

*** Trình tự ghi sổ kế toán thuế GTGT đầu vào**

Căn cứ vào các chứng từ gốc là hóa đơn GTGT mua vào, phiếu chi, ủy nhiệm chi được làm căn cứ ghi sổ. Đầu tiên kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết TK 1331, 1332. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 133 và các tài khoản liên quan. Cuối quý căn cứ vào sổ thẻ kế toán chi tiết TK 133, kế toán tổng hợp vào bảng tổng hợp chi tiết TK 133.

Cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đúng khớp, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng làm báo cáo tài chính.

Ví dụ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

1. Ngày 5/10/2013 mua hàng hóa nhập kho trị giá 16.545.452đ (chưa VAT), trả bằng tiền mặt cho công ty TNHH Sơn Hưng

   Căn cứ vào hóa đơn mua hàng GTGT số 0000363 **(biểu số 2.1),** phiếu chi số PC05/10 **(biểu số 2.2)** và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 156: 16.545.542

Nợ TK 133(1): 1.654.548

Có TK 111: 18.200.000

Từ bút toán trên kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung **(biểu số 2.7).** Đồng thời kế toán ghi sổ chi tiết TK 1331 **(biểu số 2.9).** Từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 133 **(biểu số 2.8)** và sổ cái TK 156, 111. Cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính

2. Ngày 30/12/2013 mua ô tô cũ trị giá 220.000.000đ (chưa VAT) trả bằng chuyển khoản, doanh nghiệp đã nhận được giấy báo nợ của ngân hàng

Căn cứ vào hóa đơn mua hàng GTGT số 0000852 **(biểu số 2.3),** ủy nhiệm chi UNC3112 **(biểu số 2.4)** và các chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản sau: Nợ TK 211: 220.000.000

Nợ TK 133(2): 22.000.000

Có TK 112: 242.000.000

Từ bút toán trên kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung **(biểu số 2.7).** Đồng thời kế toán ghi sổ chi tiết TK 1332 (**biểu số 2.10).** Từ nhât ký chung ghi vào sổ cái TK 133 **(biểu số 2.8)** và sổ cái TK 211, 112. Cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính

3.Ngày 20/12/2013 nhận được tờ khai điện tử hải quan số HQ1347 ngày 20/12/2013 nhập khẩu cáp từ bên Trung Quốc.

Căn cứ vào tờ khai HQ1347 ngày 20/12/2013 **(biểu số 2.5),** phiếu chi số PC20/12 **(biểu số 2.6**), và các chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản sau, Giá mua: Nợ TK 156(1): 455.048.315

Có TK 331: 413.680.286

Có TK 333(3): 41.368.029

Thuế GTGT đầu ra hàng nhập khẩu

Nợ TK 133(1): 45.504.832

Có TK 333(12): 45.504.832

Từ bút toán trên kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung **(biểu số 2.7).** Đồng thời kế toán ghi sổ chi tiết TK 1331 **(biểu số 2.9)** và chi tiết TK 156, 331, 333. Từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 133 **(biểu số 2.8)** và sổ cái các TK liên quan. Cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT AA/13P số 0000363

HÓA ĐƠN Mẫu số: 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG Kí hiệu hóa đơn: AB/13P

Liên 2: Giao khách hàng Số hóa đơn: 0000363

Ngày 05 tháng 10 năm 2013

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Sơn Hưng

Mã số thuế: 0200817046

Địa chỉ: Số 725 Trần Tất Văn, Tổ 1- Khu DC số 4 - P.Tràng Minh, Q.Kiến An- HP

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH AN THÁI

Mã số thuế:

0	2	0	0	5	5	8	9	6	2

Địa chỉ: Số 64/266 Trần Nguyên Hãn, P.Niệm Nghĩa, Q.Lê Chân , Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản: Số 14530899 tại NH ACB Chi nhánh Hải Phòng

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 =2*1
1	Bình nước nóng 20L	Bình	07	2.363.636	16.545.452
Cộng tiền hàng:					16.545.452
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.654.548
		Tổng cộng tiền thanh toán			18.200.000

Số tiền viết bằng chữ: Mười tám triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng **Người bán hàng** **Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.2: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI

S ố 64/266 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân - HP

Mẫu số: 02 -TT
Ban hành theo QĐ số: 15 /2006/ QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 05 tháng 10 năm 2013

Số:PC05/10
Nợ: 156 16.545.452
Nợ: 1331 1.654.548
Có:1111 18.200.000

Họ tên người nhận tiền: Công ty TNHH Sơn Hưng

Địa chỉ: Số 725 Trần Tất Văn, Tổ 1 - Khu DC số 4 - Tràng Minh, Q.Kiến An- HP

Lý do chi: Trả tiền mua bình nước nóng

Số tiền: 18.200.000 đ (Viết bằng chữ): Mười tám triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ kế toán: Hóa đơn thuế GTGT ký hiệu AB/3P số 0000363

Ngày 05 tháng 10 năm 2013

Giám đốc	KT trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký tên)

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT AK/13P 0000852

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Kí hiệu hóa đơn: AK/13P

Liên 2: Giao khách hàng Số hóa đơn: 0000852

Ngày 30 tháng 12 năm 2013

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH ĐẠI HỮU

Mã số thuế: 0200793733

Địa chỉ: Thôn Kiến Phong - Đồng Thái - An Dương - Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH AN THÁI

Mã số thuế:

0	2	0	0	5	5	8	9	6	2

Địa chỉ: Số 64/266 Trần Nguyên Hãn, P.Niệm Nghĩa, Q.Lê Chân , Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản: 14530899 tại NH ACB Chi nhánh Hải Phòng

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 =2*1
1	Mua ô tô cũ hiệu Toyota	chiếc	01	220.000.000	220.000.000
Cộng tiền hàng:					220.000.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					22.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					242.000.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bốn mươi hai triệu đồng chẵn

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.4: Ủy nhiệm chi UNC3112

UỶ NHIỆM CHI / PAYMENT ORDER **Số** / No:3112

Ngày / Date 30/12/2013

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN / APPLICANT .....

Tên tài khoản / Acct's Name :Công ty TNHH An Thái

Số tài khoản / Acct No. : 14530899

Tại ngân hàng Á Châu - chi nhánh / At ACB - Branch : Hải Phòng

ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG / BENEFICIARY .....

Đơn vị thụ hưởng / Beneficiary:Công ty TNHH Đại Hữu

Số tài khoản / Acct No.:925812694

CMND / Hộ chiếu / ID card / PP No……

Ngày cấp / Date …….

Nơi cấp / Place ……

Tại ngân hàng / Beneficiary's Bank Maritime Bank Hải Phòng

Tỉnh, TP / Province, City

Số tiền bằng chữ / Amount in words :

Hai trăm bốn mươi hai triệu đồng chẵn

Bằng số / In figures:242.000.000**đ**

Nội dung / Details : Trả tiền mua ô tô cũ theo hóa đơn GTGT AK/13P số 0000852 ngày 30/12/2013

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN / Applicant		**NGÂN HÀNG Á CHÂU** / ACB		**NGÂN HÀNG B** / B Bank	
Kế toán trưởng	**Chủ tài khoản**	**Ghi sổ ngày** / Post Date 30/12/2013		**Ghi sổ ngày** / Post Date 30/12/2013	
		Giao dịch viên	**Trưởng đơn vị**	**Giao dịch viên**	**Trưởng đơn vị**

Biểu số 2.5: Tờ khai hải quan điện tử nhập khẩu

HẢI QUAN VIỆT NAM

Cục Hải quan:Chi cục HQ TP Hải Phòng

TỜ KHAI HẢI QUAN ĐIỆN TỬ

Nhập khẩu

HQ/2012 - NK

Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai: **Chi cục HQ Cửa khẩu Cảng Đình Vũ** **Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập:** **Cảng Hải Phòng**	**Số tham chiếu:** 68914 **Ngày, giờ gửi:** **20/12/2013 10:16:00**	**Số tờ khai:** **1347** **Ngày, giờ đăng ký:** **20/12/2013 10:11:16** **Số lượng phụ lục tờ khai: 0**	**Công chức đăng ký tờ khai** Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử Hải quan

1. Người xuất khẩu: **ZHENGZHOU HONGLIANG CABLE CO., LTD NO.11 ZHENGSANG ROAD, ZENGZHOU CITY, HENAN, CHINA** MST	5. Loại hình: NKD01 Nhập kinh doanh		
	6. Hóa đơn thương mại: HLF1204 14/12/2013	7. Giấy phép số: Ngày Ngày hết hạn	8. Hợp đồng: HFL1204 Ngày: 01/12/2013 Ngày hết hạn
2. Người nhập khẩu: **Công ty TNHH An Thái** **Số 64/266 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, HP** MST **0200558962**	9. Vận đơn (số/ngày): AP1401B00 14/01/2014	10. Cảng xếp hàng: SHANGHAI PORT	11. Cảng dỡ hàng: C007 Cảng Hải Phòng
3. Ngươi uỷ thác/Người được ủy quyền: MST	12. Phương tiện vận tải: Đường biển Ngày đến 19/12/2013 Tên, số hiệu: SITC ÓSAKA V.1402S		13. Nước xuất khẩu: Chi na
4. Đại lý hải quan MST	14. Điều kiện giao hàng: FOB	15. Phương thức thanh toán: TT	
	16. Đồng tiền thanh toán: USD	17. Tỷ giá tính thuế: 21,036	

Số TT	18. Mô tả hàng hóa	19. Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ
1	Cáp dẫn điện cho cầu giàn cách điện bằng cao su, loại 6 lõi bằng đồng(3*185+3*31.66mm2) điện áp 0.6-1kv, hiệu HONGLIANG, hàng mới 100%	85444949	China		243	met	80,51144	19.564,9992

Loại thuế	Trị giá tính thuế/Số lượng chịu thuế	Thuế suất (%)/	Tiền thuế
26. Thuế nhập khẩu	**413.680.286/243**	**10**	**41.368.029**
27. Thuế TTĐB			
28. Thuế BVMT			
29. Thuế GTGT	**455.048.315/243**	**10**	

30. Tổng số tiền thuế (ô 26+27+28+29): **86,872,861 VNĐ**

Bằng chữ: ***Tám mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, tám trăm, sáu mươi mốt nghìn đồng chẵn***

31. Lượng hàng, số hiệu congtainer

Số TT	a. Số hiệu container	b. Số lượng kiện trong container	c. Trọng lượng hàng trong container	d. Địa điểm đóng hàng
1	TCKU298042/SÍT928929		2.391kg/2.191kg	SHANGHAI, CHI NA
2				
3				
4				
			Cộng: 2.391kg/2.191kg	

32. Chứng từ đi kèm	33. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai Ngày tháng năm (người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)		
34. Kết quả phân luồng và hướng dẫn thủ tục hải quan Tờ khai hải quan xuất trình chứng từ Luồng VANG/ Đề nghị doanh nghiệp mang hồ sơ giấy lên kiểm tra chi tiết tại đơn vị hải quan 35. Ghi chép khác Hàng nhập khẩu cảng Đình Vũ Doanh nghiệp xin nợ CO mẫu E và invoice, packing gốc trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai	36. Xác nhận của hải quan giám sát	37. Xác nhận giải phóng hàng/ đưa hàng về bảo quản/chuyển cửa khẩu	38. Xác nhận thông quan

Biểu số 2.6: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI

S ố 64/266 Trần Nguyên Hãn- Lê Chân_HP

Mẫu số: 02 -TT
Ban hành theo QĐ số: 15 /2006/ QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 20 tháng 12 năm 2013 Số:PC20/12

Nợ: 333(12) 45.504.832

Có:1111 45.504.832

Họ tên người nhận tiền:

Địa chỉ:

Lý do chi: Nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu

Số tiền: 45.504.832 đ (Viết bằng chữ): Bốn mươi năm triệu, năm trăm linh tư nghìn, tám trăm ba mươi hai đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ kế toán: Tờ khai nhập khẩu số HQ1347

Ngày 20 tháng 12 năm 2013

Giám đốc	**KT trưởng**	**Người lập phiếu**	**Người nhận tiền**	**Thủ quỹ**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký tên)

Biểu số 2.7: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI
Số 64/266 Trần Nguyên Hãn- Lê Chân - HP

Mẫu số S03a-DN Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013 Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK đối ứng	SỐ PHÁT SINH	
	SH	NT			NỢ	CÓ
A	B	C	D	H	1	2
			.....			
4/10	PC04/10	4/10	Mua HH Công ty CP kim loại Ngô Quyền	156 1331 111	15.856.364 1.585.636	 17.442.000
5/10	**PC05/10**	**5/10**	**Mua hàng của Công ty TNHH Sơn Hưng**	**156** **1331** **111**	**16.545.542** **1.654.548**	 **18.200.000**
5/10	HĐ13607	5/10	Mua HH của Cty CP TBĐ Nano- Phước Thạnh	156 1331 331	2.873.674 287.367	 3.161.041
15/10	HĐ56	15/10	Mua hàng Công ty TNHH TM Tâm Phúc Hưng	211 1332 331	133.280.000 13.328.000	 146.608.000
20/12	**HQ1347**	**14/12**	**Nhập khẩu cáp**	**156** **331** **3333** **1331** **33312**	**455.048.315** **45.504.832**	 **411.368.029** **41.368.029** **45.504.832**
20/12	**PC20/12**	**20/12**	**Nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu**	**33312** **111**	**45.504.832**	 **45.504.832**
20/12	HĐ32	20/12	Mua của Cty TNHH kỹ thương Duy Hưng	156 1331 331	351.027.264 35.102.726	 386.129.990
			.....			
31/12	**UNC3112**	**30/12**	**Mua ô tô cũ của Công ty TNHH Đại Hữu**	**211** **1332** **112**	**220.000.000** **22.000.000**	 **242.000.000**
			.....			
31/12	PKT320	31/12	K/c thuế GTGT quý IV/2013	3331 133	569.566.511	 569.566.511
			Cộng số phát sinh		**175.152.330.143**	**175.152.330.143**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu	**KT trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8: Sổ cái TK 133 (trích quý IV/2013)

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI
Số 64/266 Trần Nguyên Hãn- Lê Chân - HP

Mẫu số S03b-DN Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK: Thuế GTGT được khấu trừ
Số hiệu tài khoản: 133
Năm 2013

Đơn vị tính : đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SH TK đối ứng	SỐ TIỀN	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			.....			
			SDĐK đầu quý IV		**323.543.795**	
			.....		.....	
4/10	PC04/10	4/10	Mua HH Công ty CP kim loại Ngô Quyền	111	1.585.636	
5/10	**PC05/10**	**5/10**	**Mua hàng của Công ty TNHH Sơn Hưng**	**111**	**1.654.548**	
5/10	HĐ13607	5/10	Mua HH của Cty CP TBĐ Nano- Phước Thạnh	331	287.367	
			.....			
15/10	HĐ56	15/10	Mua hàng Công ty TNHH TM Tâm Phúc Hưng	331	13.328.000	
			.....			
20/12	**HQ1347**	**20/12**	**Nhập khẩu cáp điện**	**33312**	**45.504.832**	
20/12	HĐ32	20/12	Mua của Cty TNHH kỹ thương Duy Hưng	331	35.102.726	
			.....		.....	
31/12	**UNC3112**	**31/12**	**Mua ô tô cũ của Công ty TNHH Đại Hữu**	**112**	**22.000.000**	
			.....			
31/12	PKT320	31/12	Kết chuyển thuế GTGT quý IV	3331		569.566.511
			Cộng số phát sinh quý IV		**631.597.239**	**569.566.511**
			SDCK cuối quý IV		**385.574.523**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu	**KT trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.9: Sổ chi tiết TK 1331(trích Quý IV/2013)

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI
Số 64/266 Trần Nguyên Hãn- Lê Chân - HP

Mẫu số S38-DN Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 1331
Đối tượng: Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ
Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			.....			
			Số dư đầu quý IV		**323.543.795**	
			.....			
4/10	HĐ440	4/10	Mua HH Công ty CP kim loại Ngô Quyền	111	1.585.636	
5/10	**HĐ363**	**5/10**	**Mua hàng của Công ty TNHH Sơn Hưng**	**111**	**1.654.548**	
5/10	HĐ13607	5/10	Mua HH của Cty CP TBĐ Nano- Phước Thạnh	331	287.367	
			.....			
20/12	**HQ1347**	**20/12**	**Nhập khẩu cáp điện**	**33312**	**45.504.832**	
20/12	HĐ32	20/12	Mua của Cty TNHH kỹ thương Duy Hưng	331	35.102.726	
			.....			
31/12	PKT320	31/12	Kết chuyển thuế GTGT	3331		509.835.891
Cộng số phát sinh quý IV					**571.866.619**	**509.835.891**
Số dư cuối quý IV					**385.574.523**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu	**KT trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.10: Sổ chi tiết TK 1332 (Trích Quý IV/2013)

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI
Số 64/266 Trần Nguyên Hãn- Lê Chân - HP

Mẫu số S38-DN Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 1332
Đối tượng: Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản cố định
Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			.....			
			Số dư đầu quý IV		**0**	
			.....			
15/10	HĐ56	15/10	Mua hàng Công ty TNHH TM Tâm Phúc Hưng	331	13.328.000	
			.....			
31/12	**HĐ852**	**31/12**	**Mua ô tô cũ của Công ty TNHH Đại Hữu**	**112**	**22.000.000**	
			.....			
31/12	PKT320	31/12	Kết chuyển thuế GTGT	3331		59.730.620
Cộng số phát sinh quý IV					**59.730.620**	**59.730.620**
Số dư cuối quý IV					**0**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu	**KT trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11: Sổ tổng hợp chi tiết TK 133 (trích Quý IV/2013)

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI

Số 64/266 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân - HP

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 133

Đối tượng: Thuế GTGT được khấu trừ

Quý IV năm 2013

Đơn vị tính: đồng

STT	Đối tượng	Số hiệu TK	Dư đầu kỳ		Số phát sinh		Dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Thuế GTGT đầu vào hàng hóa, dịch vụ	1331	323.543.795		571.866.619	509.835.891	385.574.523	
2	Thuế GTGT đầu vào của TSCĐ	1332	0		59.730.620	59.730.620	0	
	Cộng		**323.543.795**		**631.597.239**	**569.566.511**	**385.574.523**	

2.2.2. Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT mẫu số 01/GTKT3-001
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra mẫu số 02/GTGT
- Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Công ty TNHH An Thái sử dụng TK 3331 để theo dõi thuế GTGT đầu ra và mở 2 TK cấp 3 là: TK 33311, TK 33312

2.2.2.3. Quy trình hạch toán

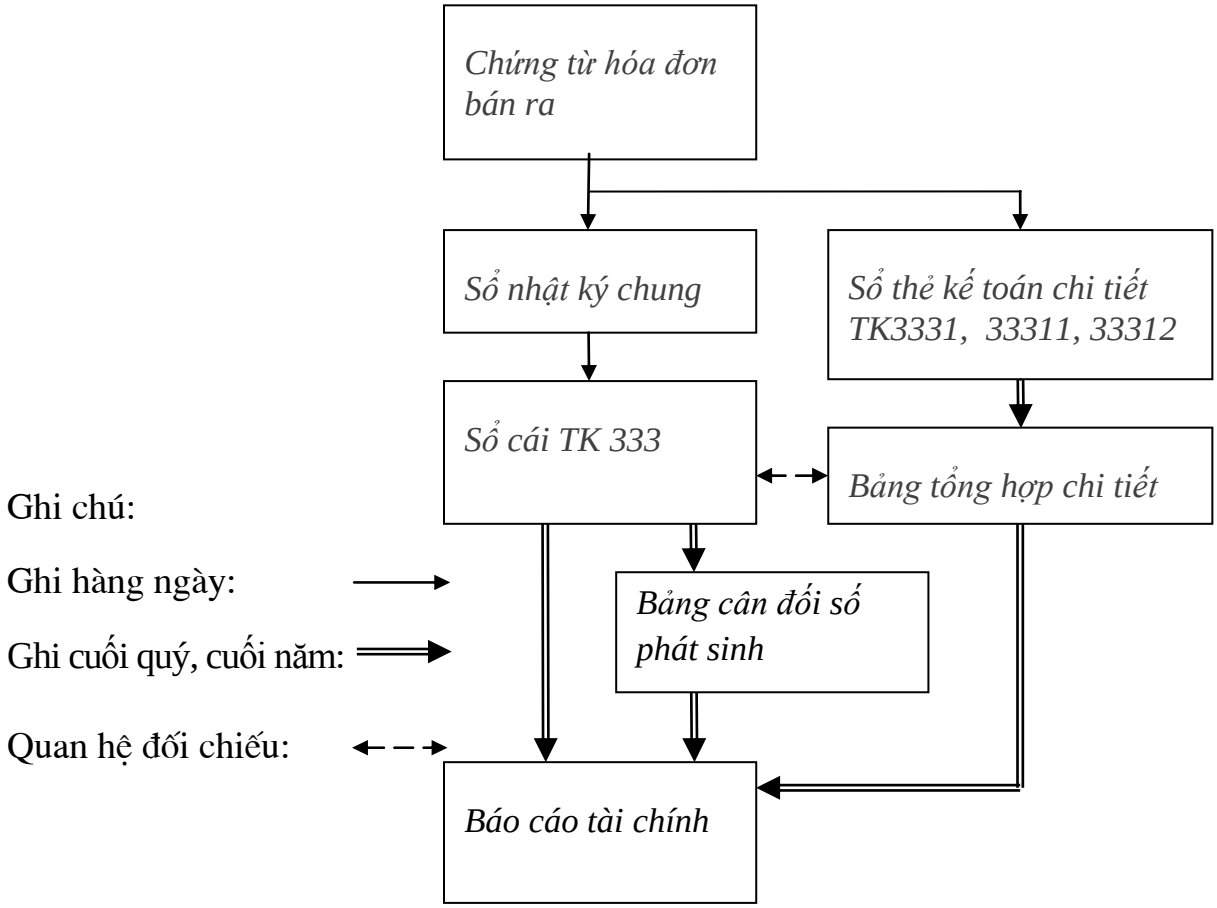

*** Trình tự ghi sổ**

Căn cứ từ chứng từ gốc là hóa đơn GTGT hoặc bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra, phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng. Đầu tiên kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết TK 33311, 33312. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 3331 và các tài khoản liên quan. Cuối quý căn cứ vào sổ thẻ kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp vào bảng tổng hợp chi tiết.

Cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối sổ phát sinh. Sau

khi đã kiểm tra đúng khớp, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng làm báo cáo tài chính.

Ví dụ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

1.Ngày 16/10/2013 xuất bán hàng cho Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại Hoàng Trang trị giá 16.221.540đ (chưa VAT) thu bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000533 **(biểu số 2.12)**, phiếu thu số PT16/10 **(biểu số 2.13)** và các chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản sau Nợ TK 111: 17.843.694

Có TK 511: 16.221.540

Có TK 333(1): 1.622.154

Từ bút toán trên, kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung **(biểu số 2.16).** Đồng thời kế toán ghi sổ chi tiết TK 3331 **(biểu số 2.18)**, sổ chi tiết TK 33311(**biểu số 2.19).** Từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 333 **(biểu số 2.17)** và sổ cái TK 111, 511 . Cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập báo cáo tài chính.

2.Ngày 13/11/2013 xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH Showa DenkoRare-Earth Việt Nam tại khu chế xuất chưa thu tiền

Do Công ty bán hàng vào khu chế xuất nên số thuế GTGT bán ra là 0%

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000642**(biểu số 2.14)**, tờ khai hải quan điện tử xuất khẩu**(biểu số 2.15)** và các chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản sau : Nợ TK 131: 528.738.000

Có TK 511: 528.738.000

Từ bút toán trên, kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung **(biểu số 2.16).** Từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 131, 511, 632, 156. Cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.12: Hóa đơn GTGT AA/13P số 0000533

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001
Kí hiệu hóa đơn: AA/13P
Liên 3: Nội bộ Số hóa đơn: 0000533
Ngày 16 tháng 10 năm 2013

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH AN THÁI
Mã số thuế: 0200558962
Địa chỉ: Số 64/266 Trần Nguyên Hãn, P.Niệm Nghĩa, Q.Lê Chân , Hải Phòng
Điện thoại: 0313.718918 Fax:0313.718878
Số tài khoản: 14530899 tại NH ACB Chi nhánh Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hoàng Trang
Mã số thuế:

0	2	0	1	1	3	0	4	8	9

Địa chỉ: Số 9B/ 106 Lương Khánh Thiện - Hải Phòng
Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản:.....

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 =2*1
1	Attomat 2P 50-63A	Cái	2	275.545	551.090
2	Dây điện 1*1.5	M	4000	3.890	15.560.000
3	Mặt 4,5,6 lỗ công tắc	Cái	10	11.045	110.450
Cộng tiền hàng:					16.221.540
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			1.622.154
		Tổng cộng tiền thanh toán			17.843.694

Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm chín tư đồng chẵn.

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.13: Phiếu thu

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI

S ố 64/266 Trần Nguyên Hãn- Lê Chân_HP

Mẫu số: 01 -TT
Theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Ngày 16 tháng 10 năm 2013

Số:PT16/10
Nợ 111: 17.843.694
Có TK 511: 16.221.540
Có TK 3331: 1.622.154

Họ tên người nộp tiền:Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hoàng Trang
Địa chỉ: Số 9B/ 106 Lương Khánh Thiện - Hải Phòng
Lý do thu: Thu tiền bán hàng theo hóa đơn số 0000533 ngày 16/10/2013
Số tiền: 17.843.694 đ (Viết bằng chữ):Mười bảy triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm chín tư đồng chẵn.
Kèm theo: 01 chứng từ kế toán: Hóa đơn thuế GTGT ký hiệu AA/13P số 0000533

Ngày 16 tháng 10 năm 2013

Giám đốc	KT trưởng	Người lập phiếu	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký tên)

Biểu số 2.14: Hóa đơn GTGT AA/13P số 0000642

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001
Kí hiệu hóa đơn: AA/13P
Liên 3: Nội bộ Số hóa đơn: 0000642
Ngày 13 tháng 11 năm 2013

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH AN THÁI
Mã số thuế: 0200558962
Địa chỉ: Số 64/266 Trần Nguyên Hãn, P.Niệm Nghĩa, Q.Lê Chân , Hải Phòng
Điện thoại: 0313.718918 Fax:0313.718878
Số tài khoản: 14530899 tại NH ACB Chi nhánh Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: **Công ty TNHH Showa DenkoRare- Earth Việt Nam**
Mã số thuế:

0	7	0	0	2	6	2	4	5	9

Địa chỉ: Lô C1, KCN Đồng Văn II, Duy Tiên, Hà Nam
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:.....

Số TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 =2*1
	Xuất bán hàng hóa kèm tờ khai điện tử hải quan xuất khẩu				: 528.738.000
Cộng tiền hàng:					528.738.000
Thuế suất GTGT: 0%		Tiền thuế GTGT			
		Tổng cộng tiền thanh toán			528.738.000

Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm hai mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng chẵn

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Biểu số 2.15 : Tờ khai hải quan điện tử xuất khẩu

HẢI QUAN VIỆT NAM

Cục Hải quan: Chi cục HQ tỉnh Thanh Hóa

TỜ KHAI HẢI QUAN ĐIỆN TỬ

Xuất khẩu

HQ/2012-XK

Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai: Chi cục HQ Hà Nam **Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất:** Xuất nhập khẩu tại chỗ	**Số tham chiếu:** 246320 **Ngày, giờ gửi:** 13/11/2013	**Số tờ khai:** 573 **Ngày, giờ đăng ký: 13/11/2013 18:27:00** **Số lượng phụ lục tờ khai: 0**	**Công chức đăng ký tờ khai**

1. Người xuất khẩu: **Công ty TNHH An Thái** Số 64/266 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng MST **0200558962**	5. Loại hình: XGC08 hàng trong nộ địa bán trong khu chế xuất	
	6. Giấy phép: Ngày Ngày hết hạn	7. Hợp đồng: 09/2013-AT/HN Ngày Ngày hết hạn
2. Người nhập khẩu: **Công ty TNHH Showa Denko Rare- Earth Việt Nam** Lô C1, KCN Đồng Văn II, Duy Tiên, Hà Nam MST **0700262459**	8. Hóa đơn thương mại: AT20131008 08/11/2013	9. Cửa khẩu xuất hàng: V001 Xuất nhập tại chỗ
3. Ngươi uỷ thác/Người được ủy quyền: MST	10. Nước nhập khẩu: VN Việt Nam	
4. Đại lý hải quan MST	11. Điều kiện giao hàng: ODH	12. Phương thức thanh toán: TTR
	13. Đồng tiền thanh toán: VNĐ	14. Tỷ giá tính thuế: 1

Số TT	15. Mô tả hàng hóa	16. Mã số hàng hóa	17. Xuất xứ	18. Lượng hàng	19. Đơn vị tính	20. Đơn giá nguyên tệ	21. Trị giá nguyên tệ
1	Bộ giao máy SG 1250 của máy li tâm	82089000	China	3	Cái	138.800.000	416.400.000
2	Máy lọc SG 1000 của máy li tâm	84219190	China	6	Cái	7.900.000	47.400.000
3	Quạt công nghiệp	84145941	Việt Nam	15	Cái	1.856.000	27.840.000
4	Máy làm mát di động	84158291	Việt Nam	2	Cái	18.549.000	37.098.000
						Cộng:	528.738.000

Số TT	22. Thuế xuất khẩu			23. Thu khác		
	a. Trị giá tính thuế	b. Thuế suất (%)	c. Tiền thuế	a. Trị giá tính thu khác	b. Tỷ lệ (%)	c. Số tiền
1						
2						
					Cộng	

24. Tổng số tiền thuế và thu khác (ô 22+23) bằng số:

Bằng chữ:

25. Lượng hàng, số hiệu congtainer

Số TT	a. Số hiệu container	b. Số lượng kiện trong container	c. Trọng lượng hàng trong container	d. Địa điểm đóng hàng
1				
2				
			Cộng:	

26. Chứng từ đi kèm	27. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai Ngày tháng năm (người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

28. Kết quả phân luồng và hướng dẫn thủ tục hải quan Luồng XANH 29. Ghi chép khác Hàng mới 100%	30. Xác nhận thông quan	31. Xác nhận của hải quan giám sát

Biểu số 2.16: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI
Số 64/266 Trần Nguyên Hãn - Lê Chân - HP

Mẫu số S03a-DN Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK đối ứng	SỐ PHÁT SINH	
	SH	NT			NỢ	CÓ
A	B	C	D	H	1	2
			.....			
15/10	HĐ532	15/10	Bán hàng cho Công ty CP TM XD 5 HP	131 511 3331	19.805.000	 17.350.000 1.735.000
16/10	**PT16/10**	**16/10**	**Bán hàng cho Công ty CP đầu tư và TM Hoàng Trang**	**111** **511** **3331**	**17.843.694**	 **16.221.540** **1.622.154**
16/10	PT17/10	16/10	Bán hàng cho Cty TNHH TM và XD Sơn Trang	111 511 3331	18.369.824	 16.699.840 1.699.984
			.....			
11/11	HĐ731	11/11	Bán hàng cho Công ty TNHH Crystal Sweater Việt Nam	131 511	132.986.700	 132.986.700
			.....			
13/11	**HĐ642**	**13/11**	**Xuất bán hàng hóa vào khu chế xuất**	**131** **511**	**528.738.000**	 **528.738.000**
14/11	PT21/11	14/11	Bán hàng cho Công ty TNHH TM và DV Phong Châu	111 511 3331	19.648.970	 17.862.700 1.786.270
			.....			
31/12	PKT320	31/12	Kết chuyển thuế GTGT	3331 133	569.566.511	 569.566.511
			.....			
			Cộng só phát sinh		**175.152.330.143**	**175.152.330.143**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu	**KT trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17: Sổ cái TK 333 (trích Quý IV/2013)

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI
Số 64/266 Trần Nguyên Hãn- Lê Chân - HP

Mẫu số S03b-DN Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước
Số hiệu: 333
Năm 2013 Đơn vị tính : đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	SỐ TIỀN	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			.....			
			SDĐK đầu quý IV			**5.125.000**
			.....		.....	.....
5/10	HQ0199	5/10	Nhập nhẩu biến tần đổi nguồn	1331		49.197.622
7/10	PC14/10	7/10	Nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu	111	49.197.622	
			.....			
15/10	HĐ532	15/10	Bán hàng cho Công ty CP TM XD 5 HP	131		1.735.000
16/10	**PT16/10**	**16/10**	**Bán hàng cho Công ty CP đầu tư và TM Hoàng Trang**	**111**		**1,622.540**
16/10	PT17/10	16/10	Bán hàng cho Cty TNHH TM và XD Sơn Trang	111		1.699.984
			.....		.....	.....
14/11	PT21/11	14/11	Bán hàng cho Công ty TNHH TM và DV Phong Châu	111		1.786.270
			.....			
20/12	**HQ1347**	**20/12**	**Nhập khẩu cáp điện**	**1331**		**45.504.832**
20/12	**PC20/12**	**20/12**	**Nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu**	**111**	**45.504.832**	
			.....			
31/12	PKT320	31/12	K/c thuế GTGT	133	569.566.511	
31/12	PKT511	31/12	Xác định Thuế TNDN	821		11.213.000
			Cộng số phát sinh quý IV		**1.042.873.543**	**1.504.086.543**
			SDCK cuối quý IV			**16.338.000**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu	**KT trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.18: Sổ chi tiết TK 3331(trích Quý IV/2013)

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI
Số 64/266 Trần Nguyên Hãn- Lê Chân - HP

Mẫu số S38-DN Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 3331
Đối tượng:Thuế giá trị gia tăng phải nộp
Năm 2013 Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			.....			
			Số dư đầu quý IV			**0**
			.....			
5/10	HQ0199	5/10	Nhập nhẩu biến tần đối nguồn	1331		49.197.622
7/10	PC14/10	7/10	Nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu	111	49.197.622	
			.....			
15/10	HĐ532	15/10	Bán hàng cho Công ty CP TM XD 5 HP	131		1.735.000
16/10	**HĐ533**	**16/10**	**Bán hàng cho Công ty CP đầu tư và TM Hoàng Trang**	**111**		**1.622.540**
16/10	HĐ534	16/10	Bán hàng cho Cty TNHH TM và XD Sơn Trang	111		1.699.984
			.....			
14/11	HĐ615	14/11	Bán hàng cho Công ty TNHH TM và DV Phong Châu	111		1.786.270
			.....			
20/12	**HQ1347**	**20/12**	**Nhập khẩu cáp điện**	**1331**		**45.504.832**
20/12	**PC20/12**	**20/12**	**Nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu**	**111**	**45.504.832**	
			.....			
31/12	PKT320	31/12	Kết chuyển thuế GTGT	133	569.566.511	
Cộng số phát sinh quý IV					**816.441.623**	**816.441.623**
Số dư cuối quý IV						**0**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu	**KT trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19: Sổ chi tiết TK 33311(trích Quý IV/2013)

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI
Số 64/266 Trần Nguyên Hãn- Lê Chân - HP

Mẫu số S38-DN Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 33311
Đối tượng: Thuế giá trị gia tăng đầu ra
Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			.....			
			Số dư đầu quý IV			**0**
			.....			
15/10	HĐ532	15/10	Bán hàng cho Công ty CP TM XD 5 HP	131		1.735.000
16/10	**HĐ533**	**16/10**	**Bán hàng cho Công ty CP đầu tư và TM Hoàng Trang**	**111**		**1.622.540**
16/10	HĐ534	16/10	Bán hàng cho Cty TNHH TM và XD Sơn Trang	111		1.699.984
			.....			
14/11	HĐ615	14/11	Bán hàng cho Công ty TNHH TM và DV Phong Châu	111		1.786.270
			.....			
31/12	PKT320	31/12	Kết chuyển thuế GTGT	133	569.566.511	
Cộng số phát sinh quý IV					**569.566.511**	**569.566.511**
Số dư cuối quý IV						**0**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu	**KT trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.20: Sổ chi tiết TK 33312 (trích Quý IV/2013)

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI
Số 64/266 Trần Nguyên Hãn- Lê Chân - HP

Mẫu số S38-DN Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 33312
Đối tượng: Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu
Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			.....			
			Số dư đầu quý IV			**0**
			.....			
5/10	HQ0199	5/10	Nhập nhẩu biến tần đổi nguồn	1331		49.197.622
7/10	PC14/10	7/10	Nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu	111	49.197.622	
			.....			
26/10	HQ1117	26/10	Nhập khẩu Chip LED 8.7W	1331		15.468.269
31/10	PC110/10	31/10	Nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu	111	15.468.269	
			.....			
20/12	**HQ1347**	**20/12**	**Nhập khẩu cáp điện**	**1331**		**45.504.832**
20/12	**PC20/12**	**20/12**	**Nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu**	**111**	**45.504.832**	
			.....			
30/12	HQ1389	30/12	Nhập khẩu tổ máy phát điện 50KVA	1331		28.100.000
31/12	PC47/12	31/12	Nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu	111	28.100.000	
Cộng số phát sinh quý IV					**246.875.112**	**246.875.112**
Số dư cuối quý IV						**0**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu	**KT trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21: Sổ tổng hợp chi tiết TK 333 (trích Quý IV/2013)

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI

Số 64/266 Trần Nguyên Hãn- Lê Chân - HP

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 333

Đối tượng: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

STT	Đối tượng	Số hiệu TK	Dư đầu kỳ		Số phát sinh		Dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	**Thuế GTGT phải nộp**	**3331**		**0**	**816.441.623**	**816.441.623**		**0**
	-Thuế GTGT đầu ra	-33311		0	569.566.511	569.566.511		0
	- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-33312		0	246.875.112	246.875.112		0
2	Thuế xuất, nhập khẩu	3333			224.431.920	224.431.920		
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334		5.125.000		11.213.000		16.338.000
4	Các khoản thuế phải nộp khác	3338			2.000.000	2.000.000		
	Cộng			**5.125.000**	**1.042.873.543**	**1.504.086.543**		**16.338.000**

2.3 Kê khai, nộp và hoàn thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH An Thái

2.3.1 Kê khai thuế GTGT tại Công ty

Công ty TNHH An Thái dùng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Hàng quý, kế toán Công ty phải lập và gửi tờ khai thuế GTGT(Mẫu số 01/GTGT) kèm theo bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào(Mẫu số 01-1/GTGT) và bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra (Mẫu số 03/GTGT), báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn và các bảng kê khác có liên quan theo quy định. Các bảng kê hàng hóa, chứng từ được lập căn cứ vào hóa đơn, chứng từ mua bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định trong kỳ và các chứng từ khác, các sổ có liên quan. Tờ khai thuế GTGT kỳ trước, bảng kê hóa đơn, chứng từ mua vào, bán ra và sổ kế toán có liên quan.

- Sau khi mua bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ về nhập kho hoặc sử dụng cho sản xuất kinh doanh, căn cứ vào các hóa đơn GTGT khi mua hàng, kế toán lập bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào.
- Khi bán hàng ra, căn cứ vào các hóa đơn chứng từ bán ra, kế toán lập bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.

Cuối quý kế toán lập tờ khai thuế GTGT và nộp cho cơ quan tờ khai và các bảng kê hóa đơn chứng từ dịch vụ hàng hóa mua vào, bán ra; báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn.

Hàng quý kế toán Công ty lập tờ khai thuế GTGT nộp thuế tại Tổng cục thuế Hải Phòng là cơ sở xét hoàn thuế và thanh toán thuế GTGT với Ngân sách Nhà nước.

Trình tự kê khai thuế GTGT tại Công ty TNHH An Thái có thể khái quát như sau:

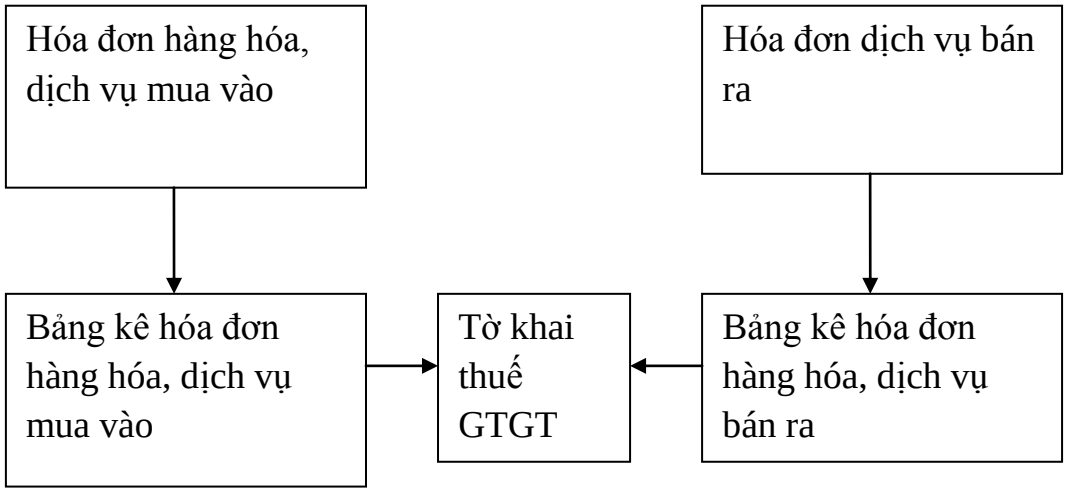

Hàng quý kế toán lập tờ khai thuế GTGT và báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn
Cuối quý căn cứ bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra, mua vào và các chứng từ tài liệu liên quan khác lập tờ khai thuế GTGT
Căn cứ tờ khai thuế GTGT, bảng kê chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra và tài liệu liên quan có liên quan, lập bảng báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn.

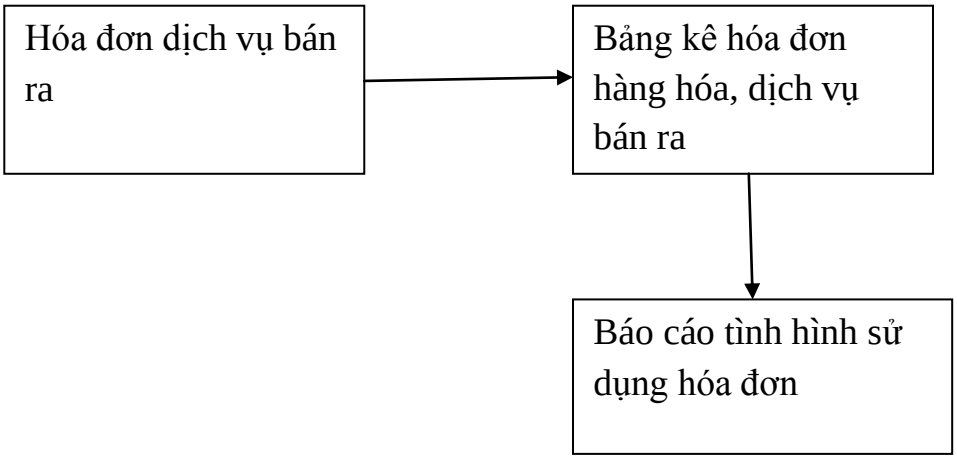

Quy trình lập tờ khai thuế GTGT bằng phần mềm

Hiện nay Công ty TNHH An Thái đang sử dụng phần mềm ***Hỗ trợ kê khai thuế*** do Tổng cục thuế xây dựng và cung cấp phần mềm miễn phí tại trang Wed của Chính phủ ***gov.gdt.vn*** cho các tổ chức và cá nhân có nghĩa vụ phải nộp thuế.

Phần mềm ***Hỗ trợ kê khai thuế*** giúp cho Công ty TNHH An Thái có thể hoàn thành các yêu cầu của Tổng cục thuế:

+ Lập tờ khai và điền thông tin trên các tờ khai thuế và các phụ lục kê khai theo đúng quy định của các văn bản pháp luật thuế

+ Các nội dung hướng dẫn việc tính thuế, kê khai thuế đối với từng sắc thuế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp kê khai thuế đúng, chính xác, tiện lợi.

Phần mềm được xây dựng trên cơ sở công nghệ vã vạch 2 chiều mã hóa thông tin thành mã vạch sẽ kết xuất và in các tờ khai thuế có mã vạch để doanh nghiệp gửi tờ khai đó cho cơ quan thuế. Thông qua các mã vạch đã mã hóa thông tin tờ khai, cơ quan Thuế đảm bảo sẽ ghi nhận và xử lý thông tin kê khai của tổ chức cá nhân nộp thuế đầy đủ, chính xác, nhanh chóng.

Sau khi kê khai cơ sở kinh doanh cần phải in tờ khai có mã vạc 2 chiều, ký tên đóng dấu và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành.

Công ty in làm 3 bộ kê khai thuế đến Tổng cục thuế Hải Phòng, cơ quan thuế sau khi kiểm tra thông tin, sẽ giữ lại 2 bộ, bộ còn lại sẽ lưu giữ tại Công ty để phục vụ cho công tác kiểm tra sau này.

Tại thời điểm năm 2013 Công ty TNHH An Thái sử dụng phần mềm hỗ trợ khai thuế 3.1.7 .Nhưng với yêu cầu quản lý của cơ quan thuế, năm 2014 Công ty phải chuyển sang phần mềm 3.2.0

Sau đây là cách Công ty TNHH An Thái sử dụng phần mềm ***Hỗ trợ khai thuế:***

Bật phần mềm, kế toán sẽ thấy giao diện màn hình như sau:

Kế toán sẽ điền mã số thuế của Công ty là 0200558962 vào phần " Mã số thuế". Sau đó nhấn đồng ý.

Nếu như là lần đầu tiên sử dung phần mềm thì chọn " Hệ thống" chọn " Thông tin doanh nghiệp/Người nộp thuế", kế toán phải điền đầy đủ thông tin vào các mục thông tin bắt buộc có Ký hiệu " * " gồm các mục:

- Người nộp thuế: "Công ty TNHH An Thái"
- Địa chỉ trụ sở: "Số 64/266 Trần Nguyên Hãn"
- Quận / Huyện: "Lê Chân"
- Tỉnh/Tp: "Hải Phòng"

- Điện thoại 0313.718918, Fax: 0313.718878
- Email: thanhanthai85@gmail.com
- Ngành nghề, số TK ngân hàng, người ký tờ khai có thể bỏ qua
- Ngày bắt đầu năm tài chính: "01/01"
- Cơ quan thuế quản lý: Cục thuế thành phố Hải Phòng

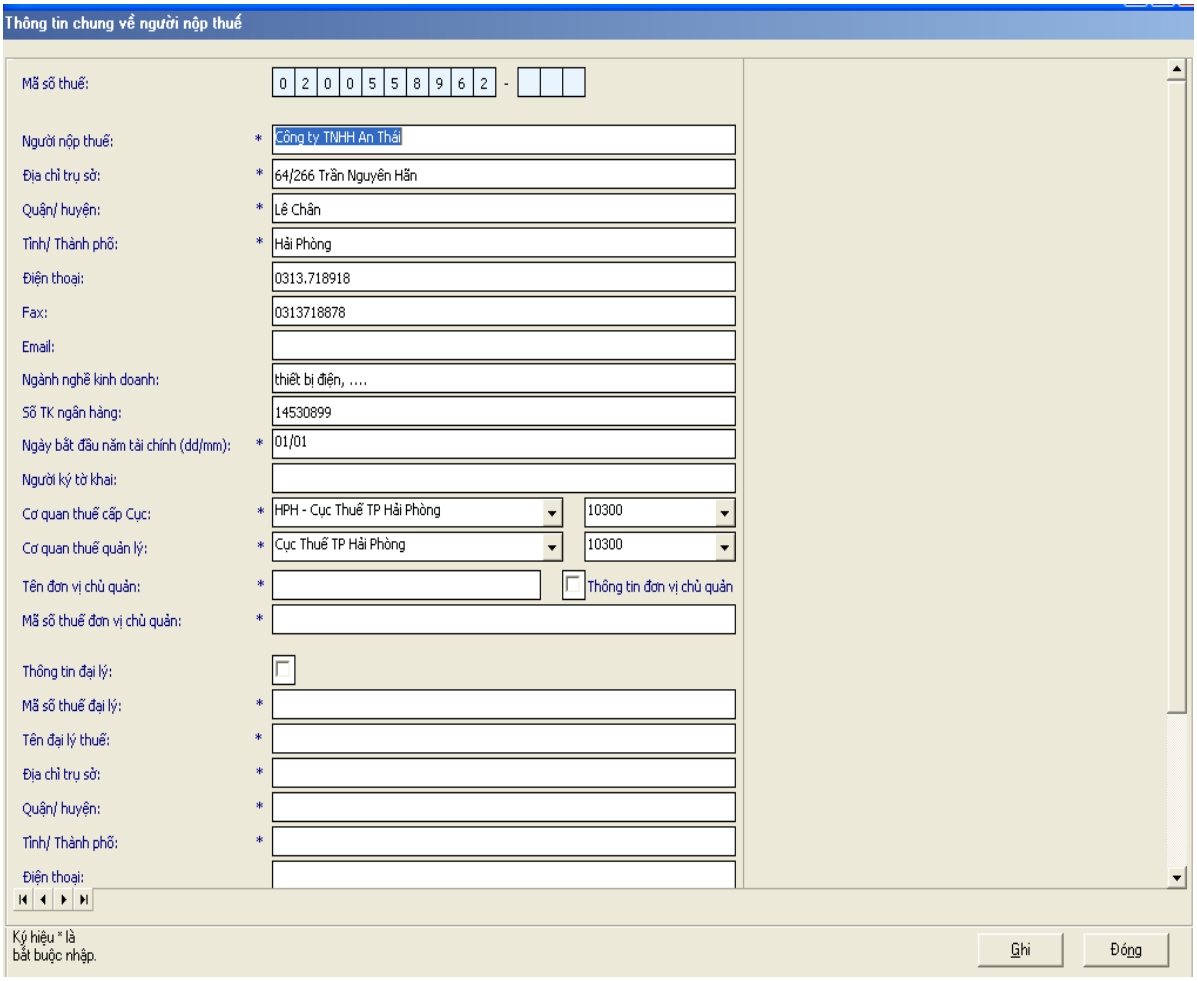

Kích chuột vào chữ "Ghi" màn hình hiện chữ " Đã ghi dữ liệu thành công" kế toán đóng giao diện đó bằng kích vào chữ "Đóng"

Giao diện màn hình mới hiện ra như sau:

Kế toán chọn "Tờ khai thuế GTGT khấu trừ (01/GTGT)".

Giao diện hiện ra là:

Chọn kỳ tính thuế

Tích vào Tờ khai theo quý

Chọn quý 4 năm 2013

Tờ khai lần đầu nếu lần đầu kê khai, chọn tờ khai bổ sung nếu kê khai bổ sung

Ở phần chọn phụ lục kê khai thuế sẽ chọn 2 phụ lục chính là: "PL 01-1/GTGT" và phụ lục " PL01-2/GTGT" và " Đồng ý"

Sử dụng phụ lục "PL 01-3/GTGT" trong trường hợp tờ khai thuế GTGT còn sai sót và cần phải điều chỉnh, bổ sung.

Nhấn đồng ý, giao diện mới sẽ là:

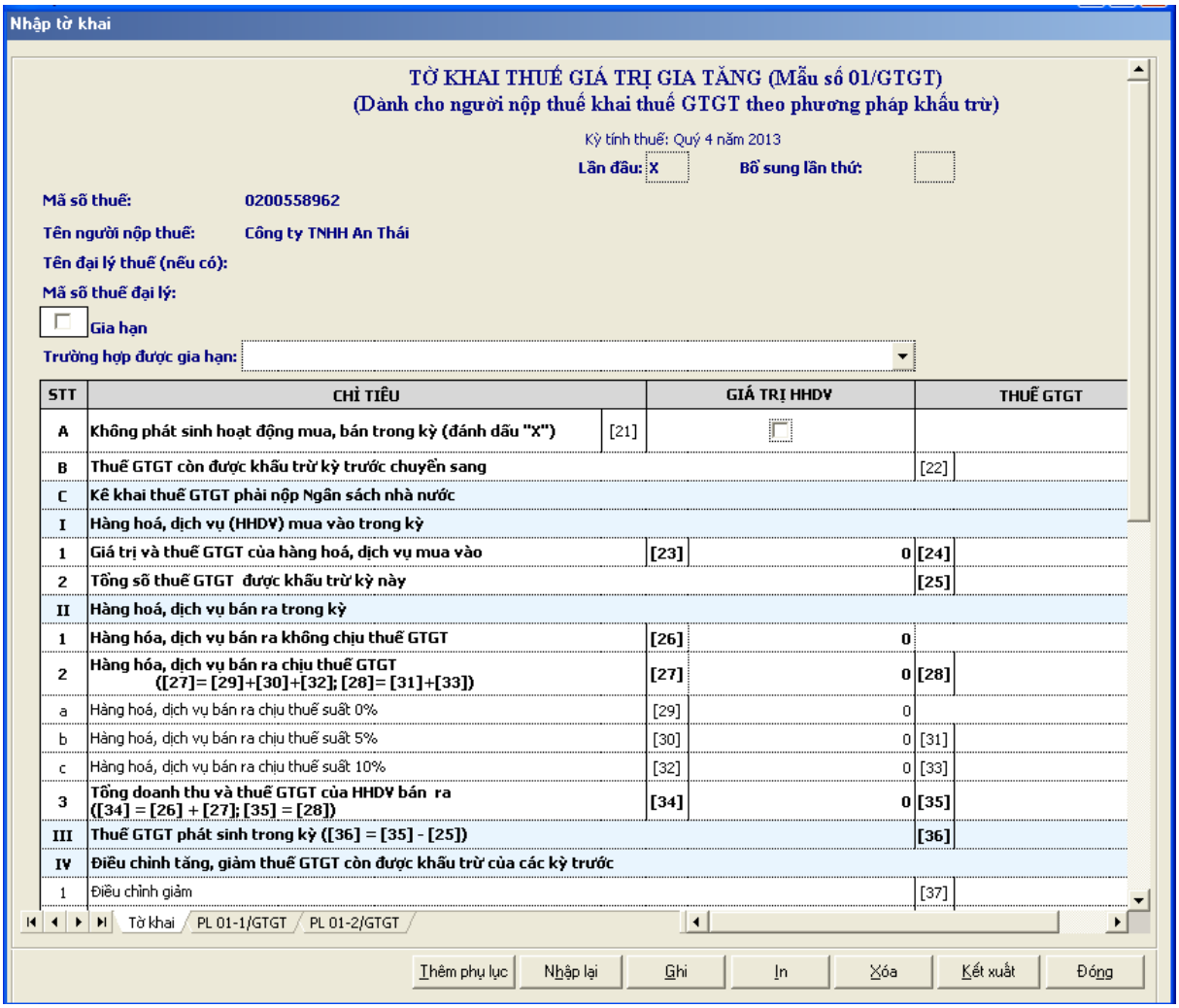

Ở giao diện mới ta thấy có chữ nhỏ ở phái bên trái gồm 3 mục là "Tờ khai", "PL 01-1/GTGT", " PL01-2/GTGT"

Kích chuột vào "PL 01-1/GTGT" nếu như muốn kê khai hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.

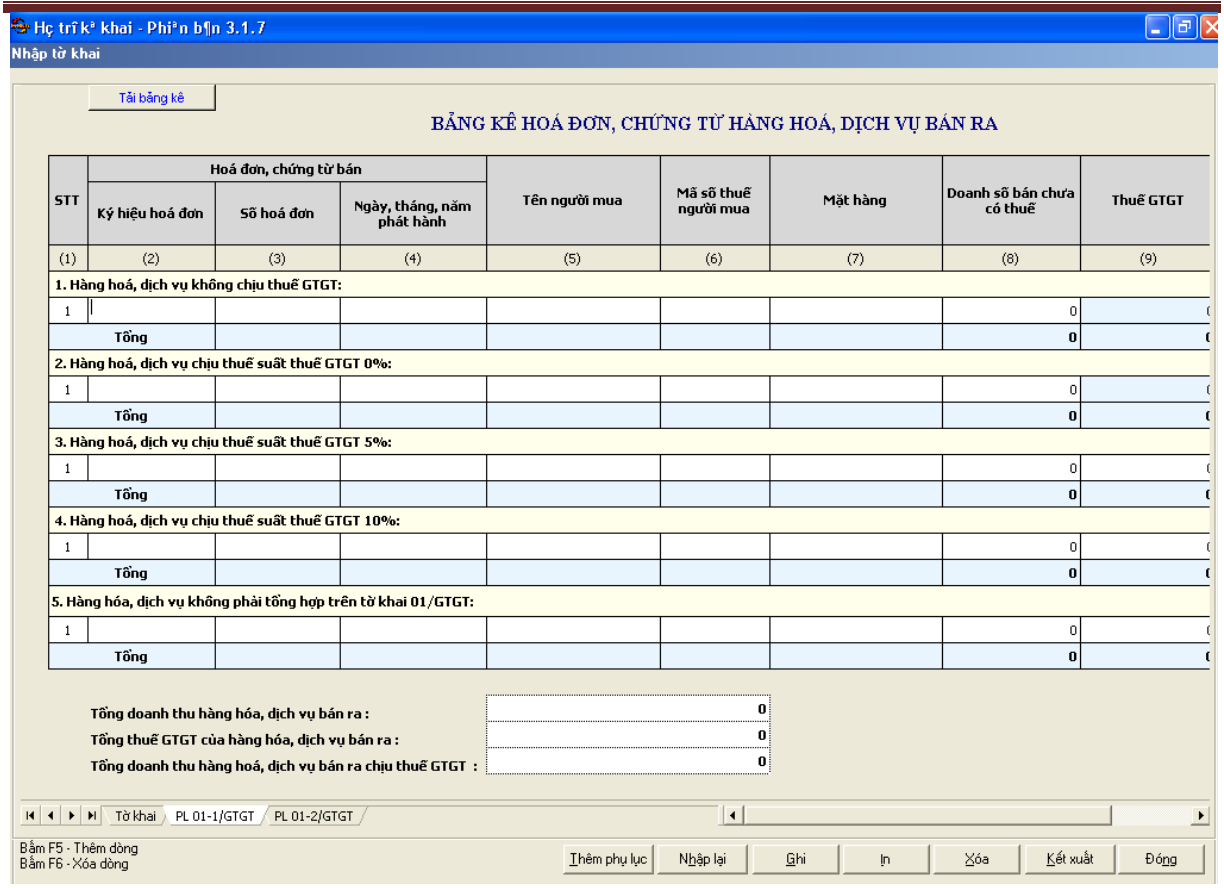

Kê khai các hóa đơn, chứng từ bán ra ở mục này

+ Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT

+ Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%

+ Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%

+ Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%

+ Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT

Cách ghi cụ thể các chi tiêu trên bảng kê bán ra như sau.

Dòng chỉ tiêu 1 "HHDV không chịu thuế GTGT":

- Toàn bộ các hoá đơn bán ra trong tháng của HHDV không chịu thuế GTGT ghi vào nhóm này.

- Cột (1), ghi thứ tự hoá đơn.

- Các cột (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7,10) ghi theo nội dung của từng hoá đơn.

- Cột (8) doanh số bán chưa có thuế, dòng tổng số ghi tổng cộng doanh số bán chưa có thuế của HHDV không chịu thuế, số liệu này dùng để ghi vào chỉ tiêu [26] trong Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

- Cột (9) thuế GTGT không ghi và bỏ trống.

Dòng chỉ tiêu 2 "HHDV chịu thuế suất thuế GTGT 0%":

- Toàn bộ hoá đơn GTGT HHDV có thuế suất thuế GTGT 0% của NNT bán ra trong kỳ tính thuế được ghi trong chỉ tiêu này.
- Các cột (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8,10) ghi theo nội dung tương ứng của từng hoá đơn và tương tự như hướng dẫn ở chỉ tiêu 1.
- Cột (8) doanh số bán chưa có thuế ở dòng tổng số ghi tổng cộng doanh số bán chưa có thuế GTGT của HHDV loại có thuế suất 0%. Số liệu này dùng để ghi vào chỉ tiêu [29] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.
- Cột (9) không ghi và bỏ trống.

Dòng chỉ tiêu 3 "HHDV chịu thuế suất thuế GTGT 5%":

- Toàn bộ hoá đơn HHDV loại thuế suất thuế GTGT 5% của NNT bán ra trong kỳ tính thuế được ghi trong chỉ tiêu này.
- Cột (1), ghi thứ tự hoá đơn.
- Các cột (2, 3, 4, 5, 6, 7, 10) ghi theo nội dung tương ứng của từng hoá đơn.
- Cột (8) doanh số chưa có thuế, ở dòng tổng số ghi tổng cộng doanh số bán chưa có thuế GTGT của HHDV loại có thuế suất thuế GTGT 5%. Số liệu này dùng để ghi vào chỉ tiêu [30] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Trường hợp giá bán ghi trên hoá đơn đặc thù là giá đã có thuế GTGT thì căn cứ giá bán có thuế GTGT để tính ra giá bán chưa có thuế GTGT theo công thức:

$$\text{Doanh số bán chưa thuế GTGT} = \frac{\text{Giá bán ghi trên hóa đơn}}{1+ \text{Thuế suất}}$$

- Cột (9) là số thuế GTGT của HHDV bán ra (cột (9) = cột (8) x 5%). Tổng số thuế GTGT của HHDV chịu thuế suất 5% dùng để ghi vào chỉ tiêu [31] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Dòng chỉ tiêu 4 "HHDV chịu thuế suất thuế GTGT 10%":

- Toàn bộ hoá đơn HHDV loại thuế suất thuế GTGT 10% của NNT bán ra trong kỳ tính thuế được liệt kê trong chỉ tiêu này.
- Cách lập tương tự như chỉ tiêu 3. Tổng doanh số bán chưa có thuế GTGT của HHDV chịu thuế suất 10% (cột 8) được dùng để ghi vào chỉ tiêu [32] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT. Còn tổng số thuế GTGT của HHDV chịu thuế suất 10% (cột 9) dùng để ghi vào chỉ tiêu [33] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Dòng chỉ tiêu 5 "HHDV không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT":

- Chỉ tiêu này dành kê khai hoá đơn, chứng từ đối với hàng hoá bán ra nhưng không phải khai thuế GTGT, không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT, áp dụng đối với các trường hợp sau:

+ NNT là đại lý bán hàng hoá, dịch vụ theo hình thức bán đúng giá hưởng hoa hồng.

+ NNT có hoạt động xuất, nhập khẩu uỷ thác hàng hoá: không phải khai thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá nhận xuất, nhập khẩu uỷ thác.

Dòng chỉ tiêu "Tổng doanh thu HHDV bán ra":

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số liệu tại cột 8, dòng tổng số của các loại: HHDV không chịu thuế GTGT, HHDV chịu thuế suất thuế GTGT 0%, 5% và 10%.

Dòng chỉ tiêu "Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT":

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số liệu tại cột (8), dòng tổng số của các loại: HHDV chịu thuế suất thuế GTGT 0%, 5%, 10%. Tổng doanh thu HHDV bán ra ở chỉ tiêu này dùng để ghi vào chỉ tiêu [27] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Dòng chỉ tiêu "Tổng thuế GTGT của HHDV bán ra":

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số liệu tại cột (9), dòng tổng số của các loại: HHDV có thuế suất thuế GTGT 0%, 5% và 10%. Tổng thuế GTGT của HHDV bán ra ở chỉ tiêu này dùng để ghi vào chỉ tiêu [28] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Ví dụ cụ thể

Ngày 16/10/2013 xuất bán hàng cho Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại Hoàng Trang trị giá 16.221.540đ (chưa VAT) thu bằng tiền mặt.

Cách kê khai

Kế toán kê khai như sau vào mục " Hàng hóa chịu thuế suất thuế GTGT 10%" điền các thông tin:

+ Ký hiệu hóa đơn: AA/13P (Cột 2)

+ Số hóa đơn: 0000533 (Cột 3)

+ Ngày tháng năm phát hành: 16/10/2013 (Cột 4)

+ Tên người mua: Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại Hoàng Trang(Cột 5)

+ Mã số thuế người mua: 0201130489 (Cột 6)

+ Mặt hàng: Attomat, dây điện, mặt..... (Cột 7)

+ Doanh số bán chưa có thuế: 16.221.540 (Cột 8)

+ Thuế GTGT: 1.622.154 (Cột 9)

Muốn thêm dòng hóa đơn: Nhấn F5, muốn xóa dòng nhấn phím F6

Khi kê khai xong nhấn chữ "Ghi". Hiện nên "Đã ghi số liệu thành công" thì thông tin kê khai đúng. Nếu kê khai sai thì dòng chữ đỏ hiện lên, ta cần liểm tra lại thông tin để chỉnh sửa cho đúng.

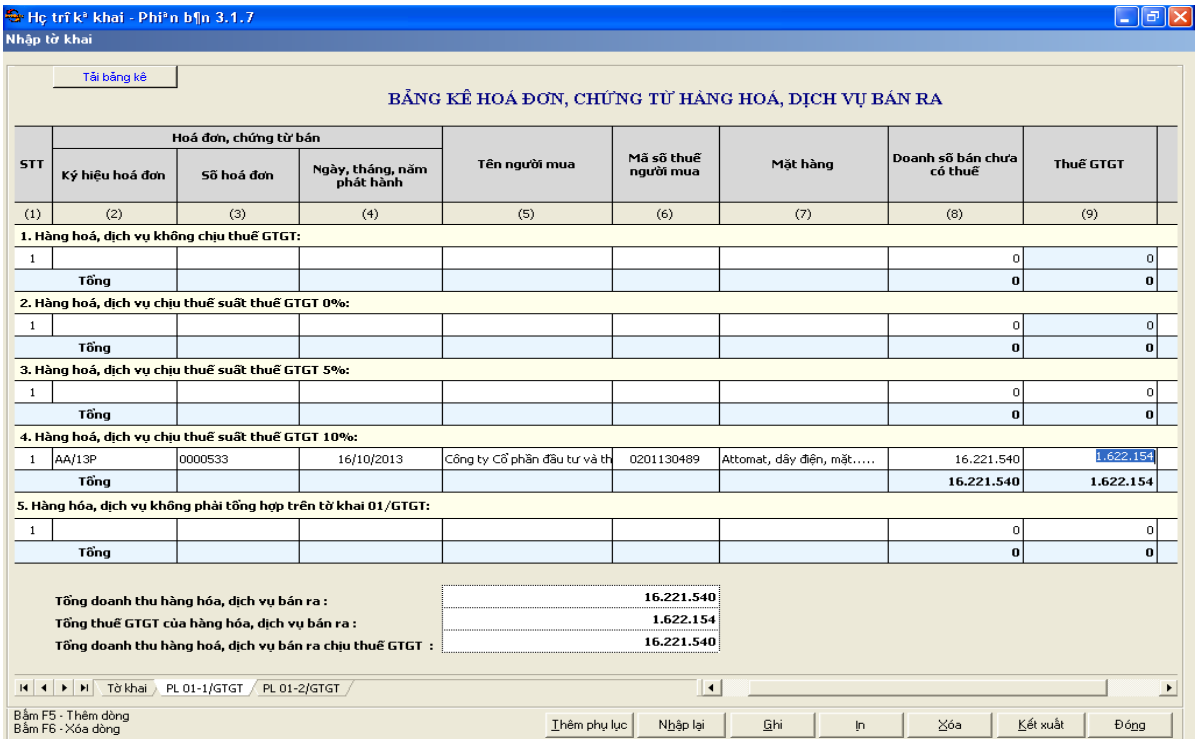
Hç trî kª khai - Phi³n b¶n 3.1.7

Nhập tờ khai

Tải bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

STT	Hoá đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:								
1							0	0
Tổng							**0**	**0**
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:								
1							0	0
Tổng							**0**	**0**
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:								
1							0	0
Tổng							**0**	**0**
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:								
1	AA/13P	0000533	16/10/2013	Công ty Cổ phần đầu tư và th	0201130489	Attomat, dây điện, mặt.....	16.221.540	1.622.154
Tổng							**16.221.540**	**1.622.154**
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:								
1							0	0
Tổng							**0**	**0**

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra :	**16.221.540**
Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra :	**1.622.154**
Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT :	**16.221.540**

Tờ khai | PL 01-1/GTGT | PL 01-2/GTGT

Bấm F5 - Thêm dòng
Bấm F6 - Xóa dòng

Thêm phụ lục | Nhập lại | Ghi | In | Xóa | Kết xuất | Đóng

Bảng kê hóa đơn dịch vụ bán ra của Công ty TNHH An Thái Quý IV năm 2013

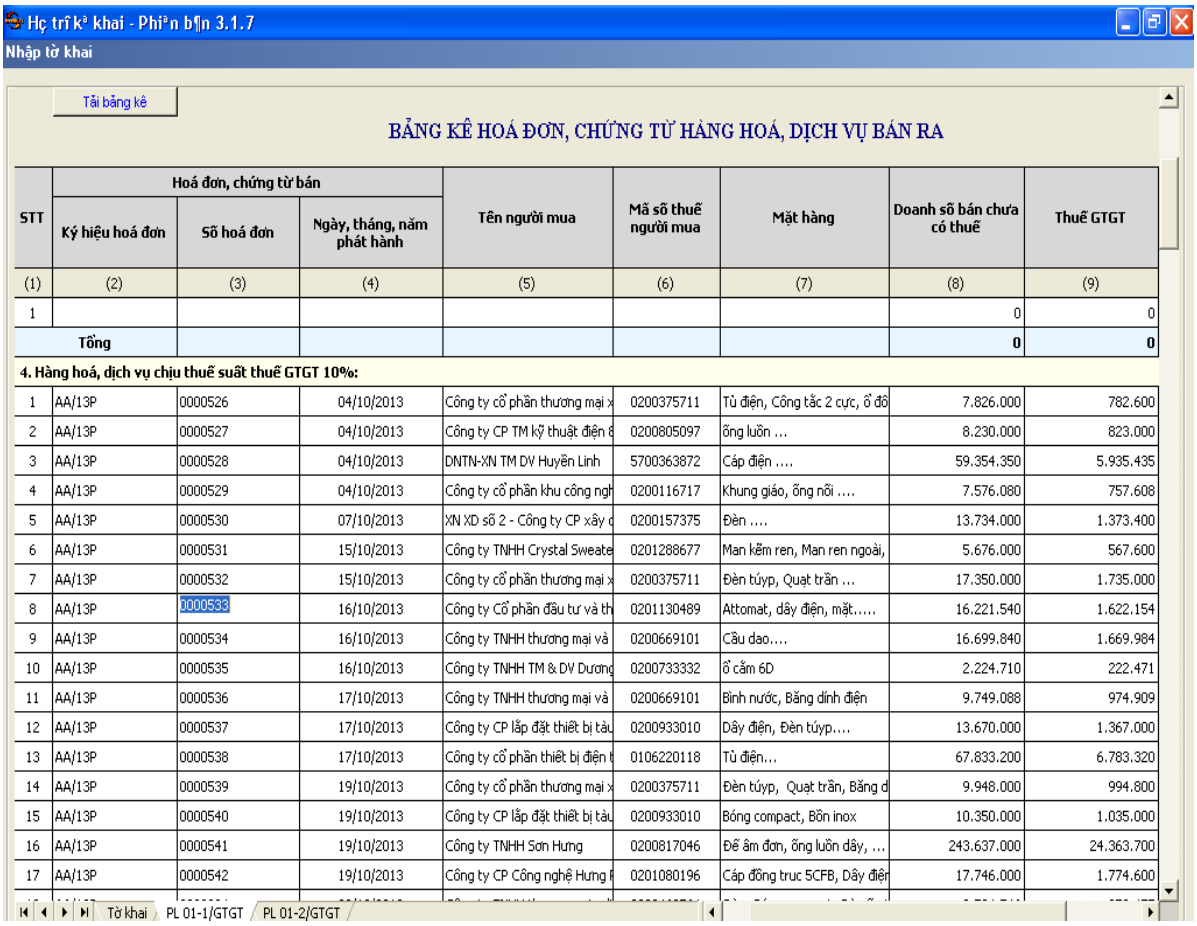

Hỗ trợ kê khai - Phiên bản 3.1.7

Nhập tờ khai

Tải bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

STT	Hoá đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1							0	0
Tổng							0	0
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:								
1	AA/13P	0000526	04/10/2013	Công ty cổ phần thương mại x	0200375711	Tủ điện, Công tắc 2 cực, ổ đô	7.826.000	782.600
2	AA/13P	0000527	04/10/2013	Công ty CP TM kỹ thuật điện t	0200805097	ống luồn ...	8.230.000	823.000
3	AA/13P	0000528	04/10/2013	DNTN-XN TM DV Huyền Linh	5700363872	Cáp điện	59.354.350	5.935.435
4	AA/13P	0000529	04/10/2013	Công ty cổ phần khu công ngh	0200116717	Khung giáo, ống nối	7.576.080	757.608
5	AA/13P	0000530	07/10/2013	XN XD số 2 - Công ty CP xây d	0200157375	Đèn	13.734.000	1.373.400
6	AA/13P	0000531	15/10/2013	Công ty TNHH Crystal Sweate	0201288677	Man kẽm ren, Man ren ngoài,	5.676.000	567.600
7	AA/13P	0000532	15/10/2013	Công ty cổ phần thương mại x	0200375711	Đèn túyp, Quạt trần ...	17.350.000	1.735.000
8	AA/13P	0000533	16/10/2013	Công ty Cổ phần đầu tư và th	0201130489	Attomat, dây điện, mặt.....	16.221.540	1.622.154
9	AA/13P	0000534	16/10/2013	Công ty TNHH thương mại và	0200669101	Cầu dao....	16.699.840	1.669.984
10	AA/13P	0000535	16/10/2013	Công ty TNHH TM & DV Dương	0200733332	ổ cắm 6D	2.224.710	222.471
11	AA/13P	0000536	17/10/2013	Công ty TNHH thương mại và	0200669101	Bình nước, Băng dính điện	9.749.088	974.909
12	AA/13P	0000537	17/10/2013	Công ty CP lắp đặt thiết bị tàu	0200933010	Dây điện, Đèn túyp....	13.670.000	1.367.000
13	AA/13P	0000538	17/10/2013	Công ty cổ phần thiết bị điện t	0106220118	Tủ điện...	67.833.200	6.783.320
14	AA/13P	0000539	19/10/2013	Công ty cổ phần thương mại x	0200375711	Đèn túyp, Quạt trần, Băng d	9.948.000	994.800
15	AA/13P	0000540	19/10/2013	Công ty CP lắp đặt thiết bị tàu	0200933010	Bóng compact, Bồn inox	10.350.000	1.035.000
16	AA/13P	0000541	19/10/2013	Công ty TNHH Sơn Hưng	0200817046	Đế âm đơn, ống luồn dây, ...	243.637.000	24.363.700
17	AA/13P	0000542	19/10/2013	Công ty CP Công nghệ Hưng P	0201080196	Cáp đồng trục 5CFB, Dây điện	17.746.000	1.774.600

Tờ khai | PL 01-1/GTGT | PL 01-2/GTGT

.....

....

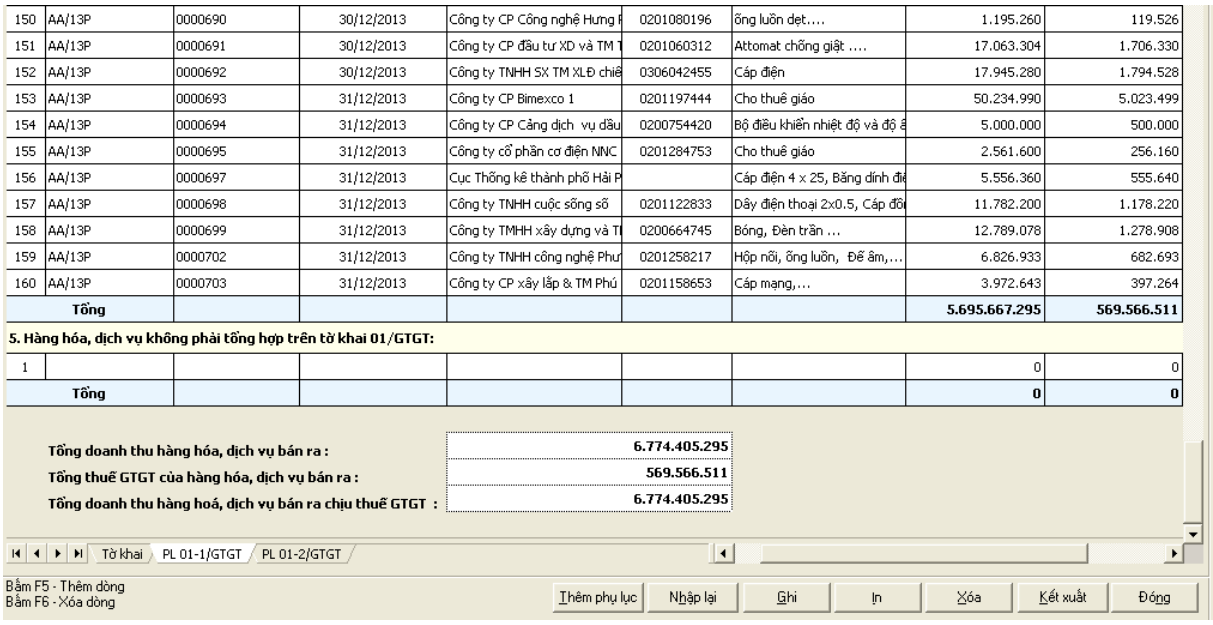

150	AA/13P	0000690	30/12/2013	Công ty CP Công nghệ Hưng P	0201080196	ống luồn dẹt....	1.195.260	119.526
151	AA/13P	0000691	30/12/2013	Công ty CP đầu tư XD và TM T	0201060312	Attomat chống giật	17.063.304	1.706.330
152	AA/13P	0000692	30/12/2013	Công ty TNHH SX TM XLĐ chiế	0306042455	Cáp điện	17.945.280	1.794.528
153	AA/13P	0000693	31/12/2013	Công ty CP Bimexco 1	0201197444	Cho thuê giáo	50.234.990	5.023.499
154	AA/13P	0000694	31/12/2013	Công ty CP Cảng dịch vụ dầu	0200754420	Bộ điều khiển nhiệt độ và độ ẩ	5.000.000	500.000
155	AA/13P	0000695	31/12/2013	Công ty cổ phần cơ điện NNC	0201284753	Cho thuê giáo	2.561.600	256.160
156	AA/13P	0000697	31/12/2013	Cục Thống kê thành phố Hải P		Cáp điện 4 x 25, Băng dính đi	5.556.360	555.640
157	AA/13P	0000698	31/12/2013	Công ty TNHH cuộc sống số	0201122833	Dây điện thoại 2x0.5, Cáp đồ	11.782.200	1.178.220
158	AA/13P	0000699	31/12/2013	Công ty TMHH xây dựng và TI	0200664745	Bóng, Đèn trần ...	12.789.078	1.278.908
159	AA/13P	0000702	31/12/2013	Công ty TNHH công nghệ Phư	0201258217	Hộp nối, ống luồn, Đế âm,...	6.826.933	682.693
160	AA/13P	0000703	31/12/2013	Công ty CP xây lắp & TM Phú	0201158653	Cáp mạng,...	3.972.643	397.264
Tổng							5.695.667.295	569.566.511
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:								
1							0	0
Tổng							0	0

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra : 6.774.405.295

Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra : 569.566.511

Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT : 6.774.405.295

Tờ khai | PL 01-1/GTGT | PL 01-2/GTGT

Bấm F5 - Thêm dòng
Bấm F6 - Xóa dòng

Thêm phụ lục | Nhập lại | Ghi | In | Xóa | Kết xuất | Đóng

Kích chuột vào "PL 01-2/GTGT" để kê khai hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào

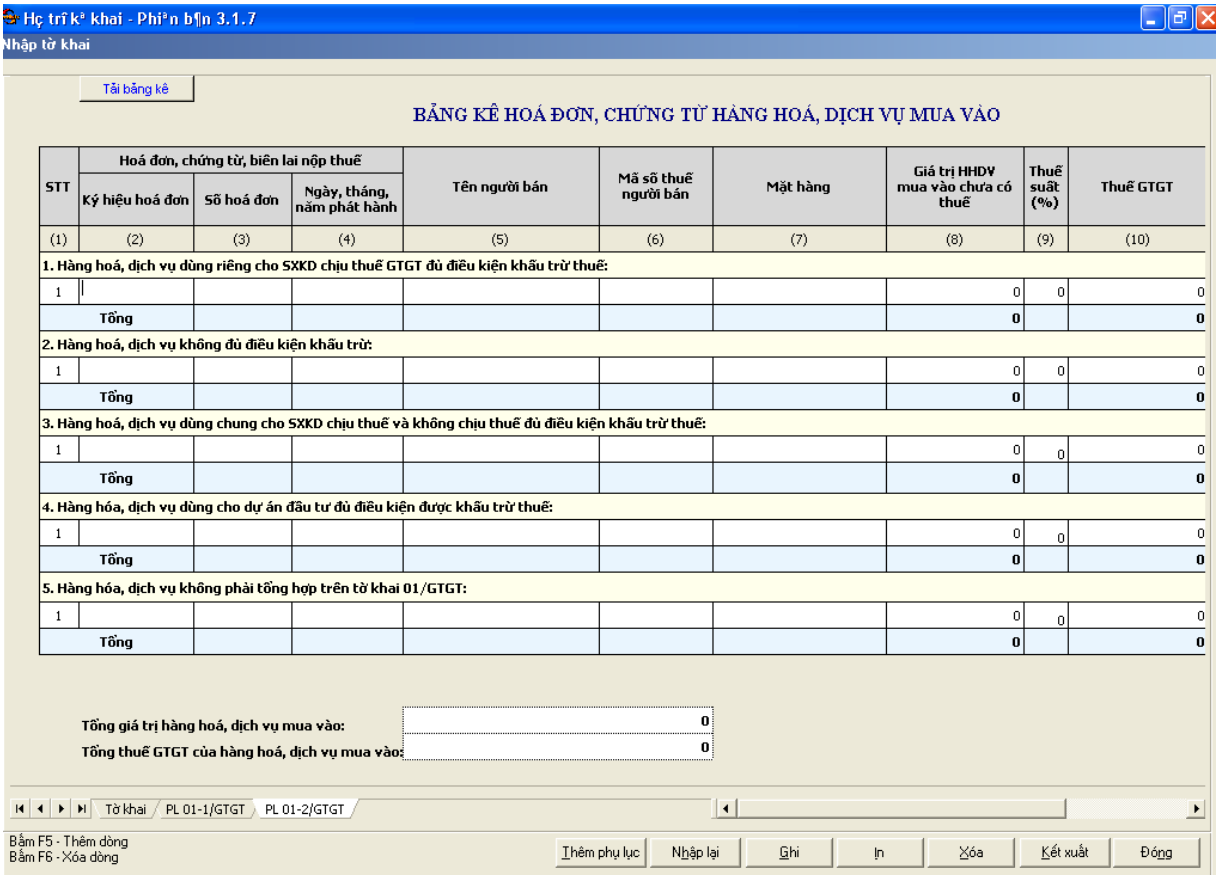

STT	Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế:									
1							0	0	0
Tổng							0		0
2. Hàng hoá, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ:									
1							0	0	0
Tổng							0		0
3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:									
1							0	0	0
Tổng							0		0
4. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế:									
1							0	0	0
Tổng							0		0
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:									
1							0	0	0
Tổng							0		0

Kế toán kê khai như bên kê khai hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào.

+ Hóa đơn, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT và sử dụng cho các hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ không kê khai, nộp thuế GTGT đủ điều kiện nộp thuế => các hóa đơn được khấu trừ thuế GTGT đầu vào

+ Hàng hóa, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ thuế => không được khấu trừ thu

Cách ghi cụ thể các chỉ tiêu trên bảng kê mua vào như sau.

Dòng chỉ tiêu 1 "HHDV dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế":

- Toàn bộ hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá, dịch vụ , biên lai nộp thuế của HHDV dùng riêng cho SXKD HHDV chịu thuế GTGT của người nộp thuế trong kỳ tính thuế.

- Hoá đơn chứng từ mua TSCĐ: bao gồm cả TSCĐ dùng chung cho SXKD HHDV chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT, (trừ tài sản cố định chuyên dùng phục vụ sản xuất vũ khí, khí tài phục vụ quốc phòng, an ninh; tài sản cố định là nhà làm trụ sở văn phòng và các thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động

tín dụng của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp kinh doanh tái bảo hiểm, bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh chứng khoán, các bệnh viện, trường học; tàu bay dân dụng, du thuyền không sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hoá, hành khách, kinh doanh du lịch, khách sạn).

- Hoá đơn chứng từ đáp ứng đủ điều kiện khấu trừ thuế được ghi trong chỉ tiêu này, bao gồm:

+ Hoá đơn, chứng từ phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn để trong kho. Trường hợp bỏ sót chưa kê khai thì thời gian để kê khai, khấu trừ bổ sung tối đa là 6 (sáu) tháng, kể từ tháng phát sinh hoá đơn, chứng từ bỏ sót.

+ Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào từng lần theo hoá đơn dưới hai mươi triệu đồng theo giá đã có thuế GTGT. Trường hợp mua hàng hoá, dịch vụ của một nhà cung cấp có giá trị dưới hai mươi triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày có tổng giá trị trên hai mươi triệu đồng thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

+ Đối với những hoá đơn mua vào, trong hợp đồng mua hàng có ghi rõ hình thức thanh toán qua ngân hàng, nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc đối với hàng hoá, dịch vụ mua trả chậm, trả góp, cơ sở kinh doanh vẫn được kê khai khấu trừ nhưng phải ghi rõ thời hạn thanh toán vào phần ghi chú (cột 11) trên bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào.

+ Đối với hoá đơn mua tài sản cố định là ôtô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống (trừ ôtô sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hành khách, du lịch, khách sạn) thì chỉ kê vào chỉ tiêu này đối với số thuế GTGT đầu vào tương ứng với phần trị giá 1,6 tỷ đồng (chưa có thuế GTGT). Phần giá trị vượt trên 1,6 tỷ đồng và số thuế GTGT đầu vào vượt tương ứng được kê ở dòng chỉ tiêu (2): "Hàng hoá dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ"

Cột (1), ghi thứ tự hoá đơn

- Các cột (2, 3, 4, 5, 6, 7) ghi theo nội dung tương ứng trên từng hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế.

- Cột (8) doanh số mua chưa có thuế, dòng tổng số ghi tổng cộng doanh số mua chưa có thuế GTGT.

Trường hợp hoá đơn mua vào là loại hoá đơn, chứng từ đặc thù, giá mua đã bao gồm thuế GTGT thì căn cứ giá mua đã có thuế GTGT để tính ra doanh số mua chưa có thuế GTGT theo công thức:

$$\text{Giá mua chưa có thuế GTGT} = \frac{\text{Giá bán ghi trên hóa đơn}}{1 + \text{thuế suất}}$$

- Cột (9) - thuế suất ghi theo thuế suất thuế GTGT trên hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế hoặc theo thuế suất quy định đối với HHDV đó trong trường hợp hoá đơn đặc thù.
- Cột (10) - thuế GTGT ghi số thuế GTGT theo hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế hoặc số thuế GTGT tính được đối với hoá đơn đặc thù (10 = 8 x 9).
- Cột (11) - Ghi chú hoặc thời hạn thanh toán chậm trả: Dùng để ghi chú hoặc ghi các thời hạn của các hoá đơn, thanh toán chậm trả.

Dòng chỉ tiêu 2 "HHDV không đủ điều kiện khấu trừ":

- Toàn bộ hoá đơn GTGT, chứng từ, biên lai nộp thuế của HHDV không đủ điều kiện khấu trừ thuế GTGT theo hướng dẫn tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế.

Ví dụ:

+ Các hoá đơn, chứng từ, biên lại nộp thuế phát sinh quá 6 (sáu) tháng, kể từ tháng phát sinh hoá đơn, chứng từ.

+ Các hoá đơn GTGT mua hàng hoá có giá trị trên 20 triệu đồng nhưng thanh toán bằng tiền mặt.

+ Các hoá đơn mua tài sản cố định chuyên dùng phục vụ sản xuất vũ khí, khí tài phục vụ quốc phòng, an ninh; tài sản cố định là nhà làm trụ sở văn phòng và các thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động tín dụng của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp kinh doanh tái bảo hiểm, bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh chứng khoán, các bệnh viện, trường học; tàu bay dân dụng, du thuyền không sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hoá, hành khách, kinh doanh du lịch, khách sạn.

+ Phần chênh lệch của giá trị vượt trên 1,6 tỷ đồng đối với hoá đơn mua tài sản cố định là ôtô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống.

- NNT ghi theo từng hoá đơn chứng từ vào các cột 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 tương tự như hướng dẫn ở các chỉ tiêu 1, 2 và 3 nêu trên. Riêng đối với hoá đơn mua xe ô tô vượt trên 1,6 tỷ đồng thì số liệu kê vào cột 8 và cột 10 chỉ kê phần giá trị chênh lệch không được khấu trừ, ở cột 11 ghi rõ là "phần giá trị vượt mức quy định không được khấu trừ"

Dòng chỉ tiêu 3 "HHDV dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ":

- Chỉ tiêu này dành cho CSKD sản xuất kinh doanh hàng hoá vừa chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT, nhưng không hạch toán riêng được số thuế GTGT đầu vào dùng cho hoạt động SXKD chịu thuế GTGT.
- Kê vào chỉ tiêu này là các hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế (đủ điều kiện khấu trừ thuế như hướng dẫn tại chỉ tiêu 1) của HHDV mua vào trong kỳ tính thuế dùng chung cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT (Không bao gồm hoá đơn, chứng từ mua TSCĐ đã kê ở chỉ tiêu 1)
- Cột (1), ghi thứ tự hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế.
- Các cột (2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11) ghi theo nội dung tương ứng trên từng hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế.

Dòng chỉ tiêu 4 "HHDV dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế":

- Chỉ tiêu này chỉ dùng cho NNT mua HHDV dùng cho dự án đầu tư. Căn cứ hoá đơn chứng từ mua vào dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ.
- NNT ghi từng hoá đơn , chứng từ vào các cột 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 tương tự như hướng dẫn ở các chỉ tiêu 1,2 và 3 nêu trên.
- Trường hợp NNT không có dự án đầu tư mới thì chỉ tiêu 4 không phải ghi- Trường hợp NNT có dự án đầu tư mới chưa phát sinh doanh thu thì lập riêng Bảng kê mẫu số 01-2/GTGT, nhưng bảng kê này chỉ ghi chỉ tiêu 4 mà không ghi chỉ tiêu 1, 2, 3. Bảng kê này được nộp kèm theo tờ khai mẫu số 02/GTGT

Dòng chỉ tiêu 5 "HHDV không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT":

- Chỉ tiêu này dành kê khai hoá đơn, chứng từ đối với hàng hoá mua vào nhưng không áp dụng cho đối tượng tổng hợp kê khai tờ khai 01/GTGT, cụ thể:

+ NNT là đại lý bán hàng hoá, dịch vụ hoặc là đại lý thu mua hàng hoá theo hình thức bán, mua đúng giá hưởng hoa hồng không phải khai thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá, dịch vụ bán đại lý; hàng hoá thu mua đại lý. NNT thực hiện kê khai vào chỉ tiêu này các hoá đơn GTGT của hàng hoá nhận bán đại lý.

+ NNT kinh doanh dịch vụ cho thuê tài chính không phải nộp Tờ khai thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ cho thuê tài chính, mà chỉ nộp Bảng kê hoá đơn hàng hoá, dịch vụ mua vào theo mẫu số 01-2/GTGT, trong đó chỉ tiêu thuế giá trị gia tăng mua vào chỉ ghi tiền thuế giá trị gia tăng của tài sản cho thuê phù hợp với

hoá đơn giá trị gia tăng lập cho doanh thu của dịch vụ cho thuê tài chính trong kỳ kê khai.

+ NNT có hoạt động xuất, nhập khẩu uỷ thác hàng hoá: không phải khai thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá nhận xuất, nhập khẩu uỷ thác. Hoá đơn đầu vào của hàng hoá nhận xuất, nhập khẩu uỷ thác được khai vào chỉ tiêu này nhưng không được sử dụng làm căn cứ để lập Tờ khai thuế giá trị gia tăng.

Dòng chỉ tiêu "Tổng giá trị HHDV mua vào":

Tổng giá trị HHDV mua vào là Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế (cột 8) của các chỉ tiêu 1, 2, 3, 4.

- Trường hợp NNT không có dự án đầu tư mới là tổng cộng số liệu tại cột 8, dòng tổng số của các chỉ tiêu 1, 2, 3 (không cộng chỉ tiêu 4). Số liệu của chỉ tiêu này dùng để ghi vào chỉ tiêu [23] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.
- Trường hợp NNT có dự án đầu tư mới thì lập riêng Bảng kê 01- 2/GTGT nhưng chỉ ghi chỉ tiêu 4 (không cộng chỉ tiêu 1, 2, 3). Số liệu này được dùng để ghi vào chỉ tiêu [22] trên tờ khai 02/GTGT.

Dòng chỉ tiêu "Tổng thuế GTGT của HHDV mua vào":

Tổng thuế GTGT của HHDV mua vào là tổng số thuế GTGT của các loại HHDV dùng cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT. Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng số liệu tại cột 10.

Trường hợp NNT không có dự án đầu tư mới là tổng cộng số liệu tại cột 10, dòng tổng số của các chỉ tiêu 1, 2, 3 (không cộng chỉ tiêu 4). Tổng thuế GTGT của HHDV mua vào dùng để ghi vào chỉ tiêu [24] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT.

Trường hợp NNT có dự án đầu tư mới phải thực hiện khai tờ khai mẫu 02/GTGT, thì lập riêng Bảng kê 01-2/GTGT và chỉ ghi chỉ tiêu 4 (không cộng chỉ tiêu 1, 2, 3). Số liệu này dùng để ghi vào chỉ tiêu [23] trên tờ khai 02/GTGT.

Ví dụ cụ thể

Ngày 5/10/2013 mua bình nước nóng của Công ty TNHH Sơn Hưng trị giá 16.545.452 (chưa VAT) trả bằng tiền mặt

Cách kê khai

- Kí hiệu hóa đơn: AB/13P (Cột 2)
- Số hóa đơn: 0000363 (Cột 3)
- Ngày, tháng, năm phát hàng: 5/10/2013 (Cột 4)
- Tên người bán: Công ty TNHH Sơn Hưng (Cột 5)

- Mã số thuế người bán: 0200817046 (Cột 6)
- Mặt hàng: Bình nước nóng (Cột 7)
- Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế: 16.545.452 (Cột 8)
- Thuế suất: 10% (Cột 9)
- Thuế GTGT: 1.654.548 (Cột 10)

Muốn thêm dòng hóa đơn: Nhấn F5, muốn xóa dòng nhấn phím F6

Khi kê khai xong nhấn chữ "Ghi". Hiện nên "Đã ghi số liệu thành công" thì thông tin kê khai đúng. Nếu kê khai sai thì dòng chữ đỏ hiện lên, ta cần liểm tra lại thông tin để chỉnh sửa cho đúng

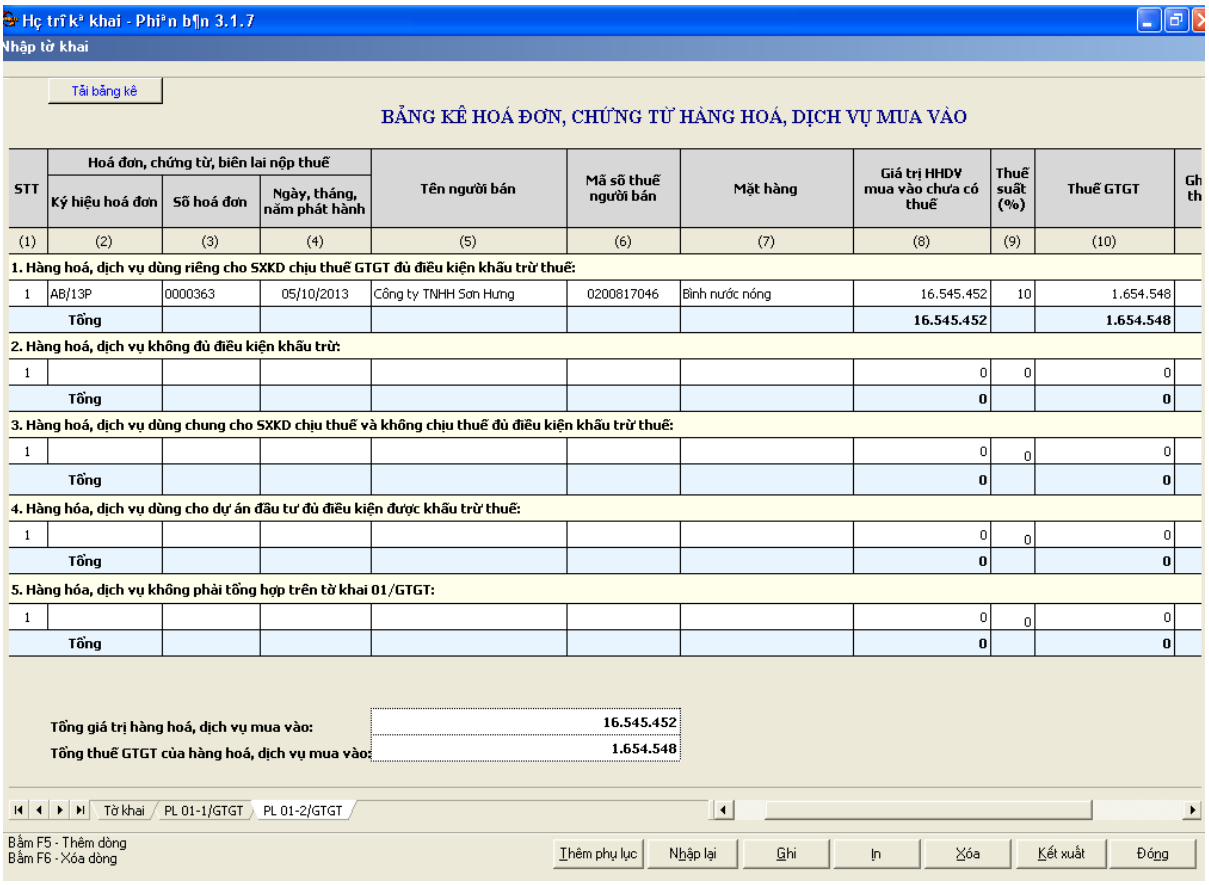
Hỗ trợ kê khai - Phiên bản 3.1.7

Nhập tờ khai

Tải bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

STT	Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT	Gh th
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế:										
1	AB/13P	0000363	05/10/2013	Công ty TNHH Sơn Hưng	0200817046	Bình nước nóng	16.545.452	10	1.654.548	
Tổng							**16.545.452**		**1.654.548**	
2. Hàng hoá, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ:										
1							0	0	0	
Tổng							**0**		**0**	
3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:										
1							0	0	0	
Tổng							**0**		**0**	
4. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế:										
1							0	0	0	
Tổng							**0**		**0**	
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:										
1							0	0	0	
Tổng							**0**		**0**	

Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào:	**16.545.452**
Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào:	**1.654.548**

Tờ khai | PL 01-1/GTGT | PL 01-2/GTGT

Bấm F5 - Thêm dòng
Bấm F6 - Xóa dòng

Thêm phụ lục | Nhập lại | Ghi | In | Xóa | Kết xuất | Đóng

Bảng kê hóa đơn dịch vụ mua vào của Công ty TNHH An Thái Quý IV năm 2013

Hc trî k³ khai - Phi³n b¶n 3.1.7

ập tờ khai

Tải bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

STT	Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế:									
1	PT/13P	0011019	24/08/2013	Công ty CP thiết bị điện Nano - PH	0201034009	Bộ đèn, ống luồn	4.475.074	10	447.507
2	AA/13T	5368901	01/10/2013	CN Viettel HP - Tập đoàn viễn thôi	0100109106	Cước điện thoại	183.182	10	18.318
3	KD/12P	0000071	02/10/2013	Công ty TNHH thương mại Khang	0201271899	Máy tính	7.172.727	10	717.273
4	HT/12P	0001089	02/10/2013	DNTN khách sạn Hưng Thành	0302025836	Thuê phòng	718.181	10	71.819
5	PT/13P	0013440	02/10/2013	Công ty CP thiết bị điện Nano - PH	0201034009	Thiết bị điện	21.434.484	10	2.143.448
6	AA/13P	0000857	03/10/2013	Công ty cổ phần Anh Việt	0200593082	Thiết bị điện	22.345.826	10	2.234.583
7	AA/11P	0000440	04/10/2013	Công ty CP kim loại Ngô Quyền	0200818258	Đồng	15.856.364	10	1.585.636
8	AB/13P	0000363	05/10/2013	Công ty TNHH Sơn Hưng	0200817046	Bình nước nóng	16.545.452	10	1.654.548
9	PT/13P	0013607	05/10/2013	Công ty CP thiết bị điện Nano - PH	0201034009	Đèn led, Bóng LED 7W	2.873.674	10	287.367
10	AA/13P	2115180	05/10/2013	Viễn thông Hải Phòng	0200287977	Cước điện thoại	857.122	10	85.712
11	VG/11P	0000097	07/10/2013	Công ty TNHH TM & DV Việt Gia	0105040465	Cáp điện	33.873.000	10	3.387.300
12	AA/13P	0000053	08/10/2013	Công ty TNHH TM Tâm Phúc Hưng	0201291158	ống luồn, ống UPVC, cáp đồng	32.450.000	10	3.245.000
13	AA/11P	0001457	08/10/2013	Công ty TNHH TM Hải Đăng Quan	0102956330	Bóng SPL 1000	5.036.364	10	503.636
14	PT/13P	0013701	08/10/2013	Công ty CP thiết bị điện Nano - PH	0201034009	Đèn dowlight	4.111.410	10	411.141
15	PT/13P	0013729	08/10/2013	Công ty CP thiết bị điện Nano - PH	0201034009	Bộ chìa khóa ngắt điện	9.506.000	10	950.600
16	PT/13P	0013740	08/10/2013	Công ty CP thiết bị điện Nano - PH	0201034009	Đèn, bóng	8.210.270	10	821.027
17	TD/11P	0024631	08/10/2013	CN Công ty CP dây và cáp điện TI	0100892628-006	Cáp điện	23.672.600	10	2.367.260
18	TD/13P	0001821	09/10/2013	Công ty TNHH cơ điện lạnh Trung	0200444556	Điều hòa Daikin FTXD 25	16.363.638	10	1.636.364
19	AA/12P	0000054	10/10/2013	Công ty TNHH TM Tâm Phúc Hưng	0201291158	Công tắc, ổ cắm ...	104.160.000	10	10.416.000
20	PT/13P	0013871	11/10/2013	Công ty CP thiết bị điện Nano - PH	0201034009	Cầu dao, máng đèn	14.756.444	10	1.475.644

.....

224	PT/13P	0019398	31/12/2013	Công ty CP thiết bị điện Nano - PH	0201034009	Quạt hút âm trần không ống	2.374.955	10	237.496
225	PT/13P	0019414	31/12/2013	Công ty CP thiết bị điện Nano - PH	0201034009	Mặt 3 hàng full	725.920	10	72.592
Tổng							**6.244.726.348**		**624.472.639**
2. Hàng hoá, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ:									
1	02AD/13P	0011650	27/11/2013	Cửa hàng Nguyễn Thị Kim Chung	8065200139	Thiết bị điện	708.766.929	0	0
2	02AD/13P	0011696	15/12/2013	Cửa hàng Nguyễn Thị Kim Chung	8065200139	Thiết bị điện	950.000.000	0	0
Tổng							**1.658.766.929**		**0**
3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:									
1							0	0	0
Tổng							**0**		**0**
4. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế:									
1							0	0	0
Tổng							**0**		**0**
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:									
1							0	0	0
Tổng							**0**		**0**

Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào: 7.903.493.277

Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào: 624.472.639

Tờ khai | PL 01-1/GTGT | PL 01-2/GTGT

Bấm F5 - Thêm dòng
Bấm F6 - Xóa dòng

Thêm phụ lục | Nhập lại | Ghi | In | Xóa | Kết xuất | Đóng

Tờ khai thuế giá trị gia tăng, trong đó:

A- Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ

Nếu trong kỳ kê khai cơ sở kinh doanh không có các hoạt động mua, bán hàng hoá dịch vụ thì đánh dấu "X" vào ô mã số [21], đồng thời không phải điền số liệu vào các chỉ tiêu phản ánh hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra trong kỳ.

B- Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang

Số thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang được ghi vào **mã số [22]** của Tờ khai thuế GTGT kỳ này là số thuế đã ghi trên **mã số [43]** của Tờ khai thuế GTGT kỳ trước.

C- Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách Nhà nước

I- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ

Số liệu để kê khai vào các chỉ tiêu của mục này bao gồm hàng hoá dịch vụ mua vào trong kỳ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm thuế GTGT đầu vào của các Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh. Số thuế GTGT đầu vào của Dự án đầu tư được kê khai, theo dõi riêng tại Tờ khai thuế GTGT của Dự án đầu tư (mẫu số 01B/GTGT).

1. Chỉ tiêu "Giá trị và thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào"

- **Mã số [23]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong kỳ chưa có thuế GTGT

- **Mã số [24]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ

2. Chỉ tiêu "Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này"

- Mã số [25]: Số liệu ghi vào mã này là tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này

II- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) bán ra trong kỳ

1. Chỉ tiêu "Hàng hoá, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT"

- Mã số [26] : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ thuộc diện không chịu thuế của cơ sở kinh doanh.

2.Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT"

- Mã số [27] : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT.

- Mã số [28] : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra tương ứng với giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT đã ghi vào mã số [27] .

2.a Chỉ tiêu "Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%"

- Mã số [29]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế GTGT theo thuế suất 0%

2.b. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% " :

- Mã số [30]: Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 5%.

- Mã số [31]: Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 5% đã ghi vào mã số [30].

2.c. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%" :

- Mã số [32]: Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 10%.

- Mã số [33] : Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 10% đã ghi vào mã số[32].

- Mã số [34] : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT), bao gồm HHDV bán ra không chịu thuế GTGT và HHDV bán ra chịu thuế GTGT.

- Mã số [35] : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra, tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ đã ghi vào mã số [27]. Số liệu ở mã số này bằng số liệu ghi ở mã số [28].

III Thuế giá trị phát sinh trong kỳ

- Mã số [36] : Số liệu ghi vào mã số này phản ánh số tiền thuế phát sinh trong kỳ bằng tổng số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra trừ đi số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ kỳ này

IV . Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước

- Mã số [37]: Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng tổng thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ kê khai trước.

- Mã số [38]: Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh giảm tổng thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ kê khai trước.

V. Thuế GTGT đã nộp ở địa phương khác của hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bất động sản ngoại tỉnh

VI. Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ :

1. Chỉ tiêu "Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất trong kỳ":

- Mã số [40a]: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức :

[40a] = [36] - [22] +[37] – [38] – [39] ≥ 0

2. Chỉ tiêu "Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư(cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) được bù trừ thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế" **Mã số [40b]**

3.Chỉ tiêu " Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ"

Mã số [40] = [40a] –[40b]

4. Chỉ tiêu : "Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này ":

- Mã số [41]: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức

[41] = [36] - [22] +[37] – [38] – [39] < 0

4.1. Chỉ tiêu "Thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này "

- Mã số [42]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số thuế GTGT mà cơ sở kinh doanh đề nghị hoàn theo chế độ quy định.

Cơ sở kinh doanh không được chuyển sang khấu trừ của kỳ sau đối với số thuế đã đề nghị hoàn trong kỳ.

Cơ sở kinh doanh đã ghi số liệu vào ô mã số [42] thì phải gửi công văn đề nghị hoàn thuế và hồ sơ hoàn thuế theo qui định cho cơ quan thuế để được xét hoàn thuế.

Trường hợp cơ sở kinh doanh không ghi số thuế đề nghị hoàn vào ô mã số [42] của tờ khai thì số thuế còn được khấu trừ này đã chuyển sang kỳ sau để khấu trừ tiếp.

Nếu sau đó cơ sở kinh doanh gửi công văn và hồ sơ đề nghị hoàn thuế cho số thuế này thì cơ quan thuế sẽ không xét hoàn thuế.

4.2. Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau :

- Mã số [43]: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức:

[43] = [41] - [42]

Kết quả của mã số [43] của tờ khai thuế GTGT kỳ này được dùng để ghi vào mã số [22] của tờ khai thuế GTGT của kỳ tiếp theo.

*Khi kê khai hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra, và kê khai hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào thì sẽ tự động nhảy số liệu sang tờ khai thuế như sau:

Hç trî k³ khai - Phi³n b¶n 3.1.7

Nhập tờ khai

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)

(Dành cho người nộp thuế khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

Kỳ tính thuế: Quý 4 năm 2013

Lần đầu: X Bổ sung lần thứ:

Mã số thuế: 0200558962

Tên người nộp thuế: Công ty TNHH An Thái

Tên đại lý thuế (nếu có):

Mã số thuế đại lý:

Gia hạn

Trường hợp được gia hạn:

STT	CHỈ TIÊU		GIÁ TRỊ HHDV		THUẾ GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]			
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang			[22]	323.543.795
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước				
I	Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ				
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào	[23]	7.903.493.277	[24]	624.472.639
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này			[25]	624.472.639
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ				
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]	0		
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]=[29]+[30]+[32]; [28]=[31]+[33])	[27]	6.774.405.295	[28]	569.566.511
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	1.078.738.000		
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	0	[31]	0
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	5.695.667.295	[33]	569.566.511
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([34] = [26] + [27]; [35] = [28])	[34]	6.774.405.295	[35]	569.566.511
III	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36] = [35] - [25])			[36]	(54.906.128)
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của các kỳ trước				
1	Điều chỉnh tăng thuế GTGT của các kỳ trước			[37]	0
2	Điều chỉnh giảm thuế GTGT của các kỳ trước			[38]	0
V	Tổng số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh			[39]	0
VI	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:				
1	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (nếu [40a] = [36] - [22] + [37] - [38] -[39] >0)			[40a]	0
2	Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư (cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) được bù trừ với thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế			[40b]	0
3	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ([40]=[40a]-[40b])			[40]	0
4	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này (nếu ([41] = [36] - [22] + [37] - [38] -[39] <0)			[41]	378.449.923
4.1	Thuế GTGT đề nghị hoàn			[42]	0
4.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43] = [41] - [42])			[43]	378.449.923

Nhân viên đại lý thuế

Họ và tên

Chứng chỉ hành nghề số

Người ký: Nguyễn Xuân Thành

Ngày ký: 21/01/2014

Tờ khai | PL 01-1/GTGT | PL 01-2/GTGT

Thêm phụ lục | Nhập lại | Ghi | In | Xóa | Kết xuất | Đóng

Khi lập tờ khai thuế GTGT cần lưu ý các điểm sau:

- Trong tờ khai thuế GTGT có sử dụng một số ký tự viết tắt như sau:

+ "GTGT" là các ký tự viết tắt của cụm từ "giá trị gia tăng"

+ "CSKD" là các ký tự viết tắt của cụm từ "cơ sở kinh doanh"

+ "HHDV" là các ký tự viết tắt của cụm từ "hàng hóa, dịch vụ"

- Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của kỳ kê khai thuế là tháng hay quý. Các thông tin đăng ký với cơ quan thuế vào các mã số:

[01] Kỳ tính thuế: Quý IV năm 2013

[02] Người nộp thuế: Công ty TNHH An Thái

[03] Mã số thuế: 0200558962

[04] Địa chỉ: 64/266 Trần Nguyên Hãn

[05] Quận/huyện: Lê Chân

[06] Tỉnh/thành phố: Hải Phòng

[07] Điện thoại: 0313.718.918

[08] Fax: 0313.718878

[09] Email: thanhanthai73@gmail.com

- Số tiền ghi trên tờ khai được làm tròn đến đơn vị đồng Việt Nam

- Các chỉ tiêu không phát sinh số liệu thì trong kỳ tính thuế không ghi

- Không sử dụng số thập phân trên tờ khai thuế

- Các chỉ tiêu khi bị ghi âm thì số liệu được đặt trong dấu ( )

- Tờ khai thuế sẽ là hợp pháp nêu tờ khai được kê khai với đúng mẫu quy định của cơ quan thuế, các chỉ tiêu kê khai chính xác, đầy đủ theo các nguyên tắc và được người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh ký tên đóng dấu và nộp lên cơ quan thuế được chấp nhận.

Hàng quý, Công ty sẽ nộp báo cáo cáo tình hình sử dụng hóa đơn kèm cùng tờ khai thuế GTGT

Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn *(Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: BC26/AC
(Ban hành kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG HÓA ĐƠN

Quý IV Năm 2013

1. Tên tổ chức (cá nhân):Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thái

2. Mã số thuế: 0200558962

3. Địa chỉ:Số 64/266 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Đơn vị tính:Số

STT	Tên loại hóa đơn	Ký hiệu mẫu hoá đơn	Ký hiệu hóa đơn	Số tồn đầu kỳ, mua/phát hành trong kỳ					Số sử dụng, xóa bỏ, mất, hủy trong kỳ										Tồn cuối kỳ		
				Tổng số	Số tồn đầu kỳ		Số mua/ phát hành trong kỳ		Tổng số sử dụng, xóa bỏ, mất, hủy			Trong đó									
												Số lượng đã Sử dụng	Xóa bỏ		Mất		Hủy				
					Từ số	Đến số	Từ số	Đến số	Từ số	Đến số	Cộng		Số lượng	Số	Số lượng	Số	Số lượng	Số	Từ số	Đến số	Số lượng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	Hóa đơn GTGT	01GTKT 3/001	AA/13P	1975	0000526	0000703			0000526	0000703	178	163	15	..... 0000696, 0000700 0000701					0000704	0002500	1797
	Tổng cộng																				

Cam kết báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn trên đây là đúng sự thật, nếu sai, đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Hải Phòng, ngày14 tháng 01 năm 2014
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Với những hóa đơn bị hủy Công ty TNHH An Thái đã tiến hành làm biên bản hủy hóa đơn theo quy định

Ví dụ: Ngày 31/12/2013 Công ty tiến hành hủy hóa đơn GTGT kí hiệu AA/13P số 0000701 với Công ty TNHH Crystal Sweater Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỦY HÓA ĐƠN

Hôm nay, ngày 31/12/2013 chúng tôi gồm có:

BÊN MUA: CÔNG TY TNHH CRYSTAL SWEATER VIỆT NAM

Địa chỉ: Nhà xưởng E6, E7, E8, E9(thuộc lô E), Khu CN 7, Khu CN Tràng Duệ, An Dương, Hải Phòng

Mã số thuế: 0201288677

Người đại diện: Nisal Narvin Anthoney Chức vụ: Giám đốc diều hành

BÊN BÁN: CÔNG TY TNHH AN THÁI

Địa chỉ: Số 64/266 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng

Mã số thuế: 0200558962 Người đại diện: Nguyễn Xuân Thành Chức vụ: Giám đốc

Chúng tôi cùng tiến hành lập bên bản về việc xin huỷ hoá đơn GTGT như sau:

1. Hoá đơn bị huỷ kí hiệu: AA/13P số 0000701 do Công ty TNHH An Thái phát hành ngày 31/12/2013

2. Hàng hoá ghi trên hoá đơn gồm:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Quạt hút âm trần	cái	15	736.000đ	11.040.000
2	Đèn ốp trần	cái	5	315.000đ	1.575.000

Tổng cộng 12.615.000

Thuế GTGT 1.261.500

Tổng số 13.876.500

(Bằng chữ: Mười ba triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm đồng chẵn)

3. Lý do huỷ hoá đơn: Do ghi sai số lượng hàng hóa

Vậy chúng tôi lập biên bản này để làm cơ sở huỷ hoá đơn viết sai trên và cam kết không sử dụng hoá đơn trên để kê khai thuế GTGT.

Biên bản được hai bên nhất trí và lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA **ĐẠI DIỆN BÊN BÁN**

2.3.2 Nộp thuế GTGT tại Công ty

1. Đối với thuế GTGT đầu ra hàng nhập khẩu:

Công ty TNHH An Thái thường xuyên có hoạt động nhập khẩu nên sau mỗi lần nhập khẩu Công ty đóng thuế GTGT hàng nhập khẩu theo định khoản sau;

Nợ TK 333(12)

Có TK 111,112

Tại quý IV năm 2013 số thuế GTGT hàng nhập khẩu mà Công ty phải đóng là

Nợ TK 33312: 246.875.112

Có TK 111: 246.875.112

2. Đối với thuế GTGT hàng bán nội địa

Hàng quý sau khi nhận được thông báo nộp thuế của cơ quan thuế, trong thời gian quy định (chậm nhất không quá ngày 25 của tháng tiếp theo), Kế toán công ty sẽ thực hiên nộp thuế theo đúng quy định tại Cục thuế thành phố Hải Phòng. Sau khi nhận được giấy báo nợ của ngân hàng kế toán tiến hành ghi sổ bút toán:

Nợ 333(1) :

Có 111, 112 :

Tại Công ty TNHH An Thái số thuế GTGT đầu vào hàng Quý luôn lớn hơn thuế GTGT đầu ra nên số thuế còn sẽ được khấu trừ vào kỳ tiếp theo vì vậy thuế GTGT không phải nộp cho cơ quan Thuế.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH AN THÁI

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH An Thái

3.1.1. Ưu điểm.

Về tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với nhu cầu kinh doanh và quản lý của Công ty.

- Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Phòng kế toán có quy chế làm việc rõ ràng, mỗi kế toán viên đều có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn riêng nhưng vẫn đảm bảo có sự chặt chẽ giữa các phần hành kế toán với nhau.

- Kế toán phản ánh nhanh chóng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, phục vụ tốt công tác quản lý. Kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, các nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đôn đốc thu hồi công nợ và cho biết các nguồn tài chính hiện tại của công ty phản ánh lên sổ sách kế toán và là nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng

Về hình thức kế toán áp dụng : Công ty áp dụng hình thức kế toán "Nhật ký chung" là hình thức ghi sổ kế toán phổ biến với những ưu điểm hơn cả: khoa học, dễ hiểu, dễ làm, thuận tiện, phù hợp với năng lực kế toán ở mọi trình độ, dễ phân công lao động trong phòng kế toán.Và hình thức này phù hợp với thực tế tổ chức tại Công ty

Về chứng từ, sổ sách sử dụng:

Việc sử dụng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại Công ty cơ bản là thực hiện đúng theo quyết định số 15 ban hành ngày 26/03/2006 của Bộ tài chính ban hành. Công ty cũng thiết lập hệ thống tài khoản chuẩn do Bộ tài chính quy định và bổ sung thêm một số tài khoản chi tiết phù hợp với nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đặc điểm của Công ty.

Hệ thống chứng từ được tập hợp theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh và được lập theo đúng biểu mẫu.

Quy trình luân chuyển chứng từ đúng và hợp lý góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chính xác hơn.

Về công tác tổ chức kế toán Thuế giá trị gia tăng tại Công ty:

- Công ty thực hiện đầy đủ hệ thống chứng từ kế toán về thuế GTGT như: Hoá đơn bán hàng (GTGT), bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào, bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ bán ra, tờ khai Thuế GTGT, Báo Cáo tình hình sử dụng Hóa Đơn ...

- Kế toán kê khai cơ bản là chính xác các hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào cũng như bán ra gắn với thời gian quy định.

- Công ty đã áp dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản mới nhất trong việc kê khai thuế, giúp cho việc kê khai tương đối thuận tiện, nhanh chóng hơn.

- Kế toán Thuế luôn luôn tìm hiểu những thay đổi mới nhất của Nhà nước về Luật Thuế.

3.1.2. Hạn chế.

Hạn chế của kế toán thuế GTGT tại Công ty

Trong thời gian vừa qua hàng loạt các Nghị định, Thông tư liên tục được ban hành để hướng dẫn thực hiện thuế GTGT. Có thể nói đây là sắc thuế được quan tâm nhiều nhất hiện nay không chỉ vì nó mới mà nó là là loại thuế mang lại nguồn thu đáng kể cho NSNN. Với tầm quan trọng của thuế GTGT, kế toán thuế cần có được sự quan tâm tương xứng với tầm quan trọng của nó. Những hạn chế của kế toán thuế GTGT tại Công ty chủ yếu bắt nguồn từ vấn đề này.

1.Về công tác ghi chép sổ sách kế toán và bộ máy kế toán của Công ty

- Phòng kế toán thuế tại Công ty chưa có 1 kế toán chuyên trách về kế toán thuế GTGT. Số liệu về thuế GTGT cập nhật do 1 kế toán doanh thu kiêm nhiệm làm. Kế toán tổng hợp sẽ tổng hợp số liệu này cuối kỳ. Với cách tiến hành công việc như vậy thì việc cập nhật số liệu dẫn đến sai xót, trùng lặp.
- Việc ghi chép thủ công của kế toán thường dẫn đến nhầm lẫn, sai xót, không kịp thời.

2. Về công tác kê khai thuế GTGT

- Bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào quý IV/2013 có hoá đơn chứng từ của tháng 08/2013, điều này là vẫn được chấp nhận bởi theo Luật thuế hiện hành nếu chưa kê khai đầy đủ hoá đơn chứng từ để kê khai trong quý này thì có thể kê khai vào quý sau, tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày tháng phát hành hóa đơn đó, việc kê khai hoá đơn chứng từ của tháng 08 vào bảng kê của quý IV là vẫn nằm trong thời gian quy định. Nhưng như vậy trong quý trước việc kê khai thuế vẫn còn bị bỏ sót ảnh hưởng đến tính thời sự của số liệu và

việc khấu trừ thuế nếu hóa đơn đó không được kê khai vào quý này. Như vậy số liệu không được phản ảnh kịp thời từ đó không giúp doanh nghiệp phản ánh đầy đủ và chính xác trên các khía cạnh về thuế của doanh nghiệp.

- Phần kê khai thuế GTGT còn bỏ sót, thiếu làm phản ánh không kịp thời về số liệu và nếu như không được kê khai bổ sung thì ảnh hưởng đến khấu trừ thuế của doanh nghiệp. Nhìn số liệu của sổ cái TK 133 có số dư cuối kỳ là 385.574.523đ. Trong khi phần kê khai thuế thì Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển sang kỳ sau là 378.449.923đ.

- Các thông tin của Hóa đơn khi kê khai sai về tên Công ty, mã số thuế, số tiền phát sinh. Và đặc biệt, với một lượng lớn các hóa đơn hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra trong quý, khi kế toán kê khai thuế bằng phần mềm sẽ tự nhảy số thuế trong khi các hóa đơn có số thuế GTGT đã được làm tròn số. Như vây làm tiền thuế GTGT bị sai so với hóa đơn làm chênh lệch số liệu giữa sổ sách với phần kê khai. Như vậy sẽ không đối chiếu được số liệu với nhau

3. Về công tác hoàn thuế GTGT

Hàng quý Công ty có xuất khẩu các hàng hóa vào khu chế xuất vì vậy số thuế GTGT đầu vào sẽ được hoàn theo quy định. Và số thuế GTGT đầu vào của Công ty liên tục lớn hơn số thuế GTGT đầu ra. Nhưng công tác xin hoàn thuế của Công ty gần như không thực hiện dẫn đến vốn của Công ty bị nhà nước chiếm dụng, vốn lưu động của Công ty không có khả năng quay vòng.

4. Về chứng từ kế toán

- Hóa đơn hàng hóa dịch vụ mua vào khi nhận hóa đơn do mua có lượng hóa đơn lớn, mua hàng ở xa nên hóa đơn nhận bằng cách chuyển phát nhanh làm nhiều khi trách nhiệm pháp lý trên hóa đơn còn thiếu như dấu của bên bán, tên người bán hàng hoặc thất lạc hóa đơn .

5. Về quy định về thanh toán của Doanh nghiệp liên quan đến thuế GTGT

Có hóa đơn hàng hóa, dịch vụ mua vào có tổng giá thanh toán lớn hơn 20 triệu phải thanh toán qua ngân hàng trong khi Công ty lại thanh toán bằng tiền mặt nên ảnh hưởng đến số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

3.2 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH An Thái

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT

Kế toán thuế GTGT là một phần hành kế toán quan trọng trong hệ thống kế toán của mỗi doanh nghiệp, thực hiện tốt kế toán thuế GTGT giúp cho doanh nghiệp

xác định đúng số thuế GTGT phải nộp vào NSNN từ đó doanh nghiệp có kế hoạch chủ động nộp thuế, thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Tránh tình trạng chậm chễ trong việc tính toán thuế dẫn đến chậm nộp thuế ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa doanh nghiệp với các cơ quan Nhà nước, uy tín của doanh nghiệp và cả về mặt vật chất khi bị phạt chậm nộp thuế. Việc thực hiện tổ chức công tác kế toán thuế một cách khoa học còn giúp kế toán doanh nghiệp dễ dàng giải trình về các số liệu liên quan đến thuế GTGT phải nộp trong kỳ.

Với cơ chế thị trường mở cửa, cạnh tranh đã trở thành một xu thế tất yếu các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều phải không ngừng nỗ lực trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao uy tín của doanh nghiệp để có thể thành công trong việc lựa chọn đối tác kinh doanh. Thực hiện tốt công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thuế nói riêng góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các số liệu liên quan đến thuế, tình hình nộp thuế có thể cho biết được thực trạng, quy mô, hiệu quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp từ đó xác định vị thế của doanh nghiệp đối với các chủ đầu tư và các đối tác kinh tế. Mặt khác, trong điều kiện hiện nay nước ta bước vào hội nhập kinh tế thế giới, Nhà nước có những thay đổi chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách thuế, chế độ kế toán. Cùng với thay đổi đó, công tác kế toán thuế ở các doanh nghiệp cũng phải tổ chức phù hợp.

Từ đó đòi hỏi mang tính khách quan của nền kinh tế đặt ra để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phát huy đầy đủ vai trò cung cấp thông tin cho việc điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh, cần thiết phải cải tiến, đổi mới vào hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng.

3.2.2 Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện kế toán thuế GTGT tại Công ty

Việc hoàn thiện kế toán thuế GTGT cần đảm bảo yêu cầu mang tính nguyên tắc:

+ Việc hoàn thành công tác kế toán nói chung, thuế toán GTGT nói riêng tại Công ty phải tôn trọng đúng chính sách, chế độ hiện hành của Nhà nước về chế độ kế toán, kế toán thuế GTGT.

Sự đổi mới sâu sắc cơ chế quản lý kinh tế đòi hỏi nền tài chính quốc gia phải được đổi mới 1 cách toàn diện, nhằm tạo ra sự ổn đinh của môi trường kinh tế, hệ thống pháp luật tài chính. Các hoạt động tài chính cần phải được quản lý bằng pháp luật, bằng các công cụ và biện pháp quản lý có hiệu lực, tăng cường pháp chế. Việc hoàn thiện kế toán thuế GTGT ở đây là tôn trọng đúng chính

sách, chế độ của Nhà nước về kế toán thuế: tôn trọng đúng nội dung của Luật thuế GTGT đã sửa đổi, bổ sung một số điều, chế độ kế toán hiện hành, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán, thông tư hướng dẫn thực hiện Luật thuế GTGT

+ Những giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán phải phù hợp với đặc điểm của Công ty. Không áp dụng máy móc mô hình của đơn vị khác vào đơn vị của mình trong khi điều kiện, đặc điểm, tổ chức quản lý, sản xuất kinh doanh là không giống nhau. Từ thực tế của Công ty áp dụng linh hoạt các chế độ, chính sách chung vào hoạt động của Công ty. Phù hợp về trình độ, khả năng với đội ngũ cán bộ, với trang thiết bị, phương tiện ghi chép, tính toán của Công ty. Có như vậy thì mới phát huy các thế mạnh đổi mới phù hợp với chế độ của cơ quan thuế.

Đặc điểm của Công ty TNHH An Thái là cung cấp vật tư, thiết bị điện, nên việc thu thập các chứng từ và hạch toán ban đầu như thế nào, nộp thuế đòi hỏi hạch toán trên TK 3331 phải phù hợp với các đặc điểm của Công ty. Để lập báo cáo thuế dễ hiểu và chứa đựng đầy đủ thông tin cần thiết

+ Một trong các nhiệm vụ của kế toán là cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật. Vì vậy hoàn thiện công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ phù hợp, kịp thời cho đối tượng cần sử dụng thông tin.

+ Hoàn thiện công tác thuế GTGT cần phải đảm bảo tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả. Nhưng việc thực hiện không phải bằng mọi cách mà cần chú ý đến thời gian, chi phí, công sức từ đó tạo hiệu quả.

3.3.3 Các giải pháp hoàn thiện công tác thuế GTGT tại Công ty TNHH An Thái

Qua kiến thức được trang bị trong nhà trườg và tìm hiểu thực tế công tác kế toán tạo Công ty đặc biệt là công tác thuế GTGT của Công ty kết hợp với kiến thức đã học tập và nghiên cứu ở trường, em xin đưa ra một số ý kiến đối với kế toán thuế GTGT tại Công ty.

1. Hoàn thiện về công tác ghi chép sổ sách kế toán và bộ máy kế toán

- Công ty cần phân công một kế toán chuyên trách về thuế, trong đó có thuế GTGT. Kế toán này sẽ chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra tính hợp pháp , hợp lý của chứng từ, hóa đơn. Việc kiểm tra này nhằm tránh hiện trượng không được khấu trừ thuế GTGT do kê khai không đúng thời hạn quy định. Sau khi kiểm tra chặt chẽ hóa đơn chứng từ có liên quan đến thuế GTGT tiến hành cập nhật số liệu vào máy. Trong điều kiện áp dụng Luật thuế GTGT hiện nay các hành vi gian lận trở lên tinh vi hơn do đó phòng kế toán đặc biệt là kế toán phụ trách

thuế GTGT sẽ được phối hợp với cơ quan thuế để phát hiện các hóa đơn, chứng từ giả, gian lận.

Khi có một kế toán thuế chuyên trách về thuế thì kế toán thuế GTGT sẽ tránh được những hạn chế, vướng mắc trong việc thực hiện phần hành kế toán này. Khi chuyên sâu một lĩnh vực giúp người kế toán có thể nghiên cứu sâu hơn, áp dụng linh hoạt hơn chế độ kế toán vào điều kiện cụ thể của Công ty. Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước có chủ trương để các doanh nghiệp tự kê khai và nộp thuế GTGT thì khối lượng công việc của kế toán thuế ngày càng nhiều và phức tạp hơn.

- Quy mô hoạt động của doanh nghiệp càng phát triển, mối quan hệ kinh tế pháp lý mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao, làm cho nhu cầu thu nhận, xử lý cung cấp thông tin ngày càng khó khăn, phức tạp. Vì vậy việc ứng dụng tin học trong công tác kế toán có ý nghĩa rất lớn.

Do vậy, Công ty cần thiết phải sử dụng phần mềm kế toán bởi vì:

- Giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán
- Tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời về tình hình tài chính
- Làm cho công việc của các kế toán sẽ không phải mất thời gian tìm kiếm, kiểm tra các số liệu trong việc tính toán số học đơn giản nhàm chán để giành thời gian nhiều hơn cho lao động sáng tạo của Cán bộ quản lý.

Một số phần mềm Công ty có thể tham khảo như:

Phần mềm kế toán Trí Luật

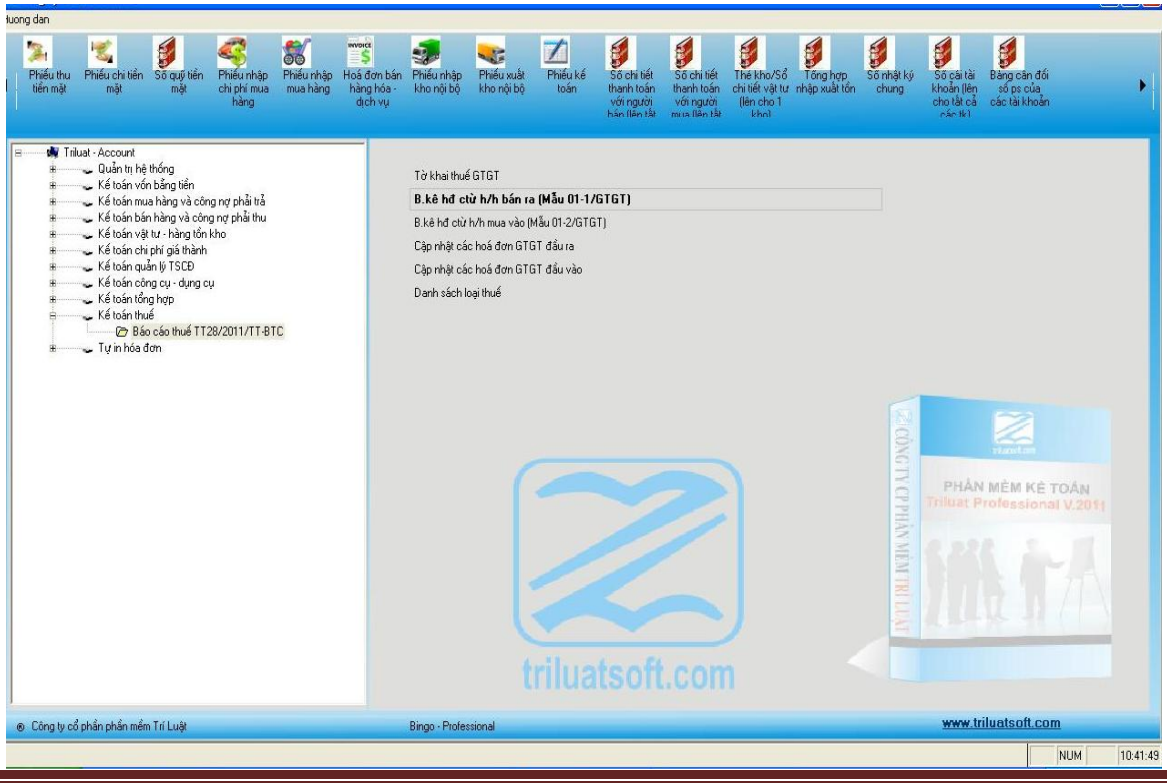

Phần mềm kế toán Fast

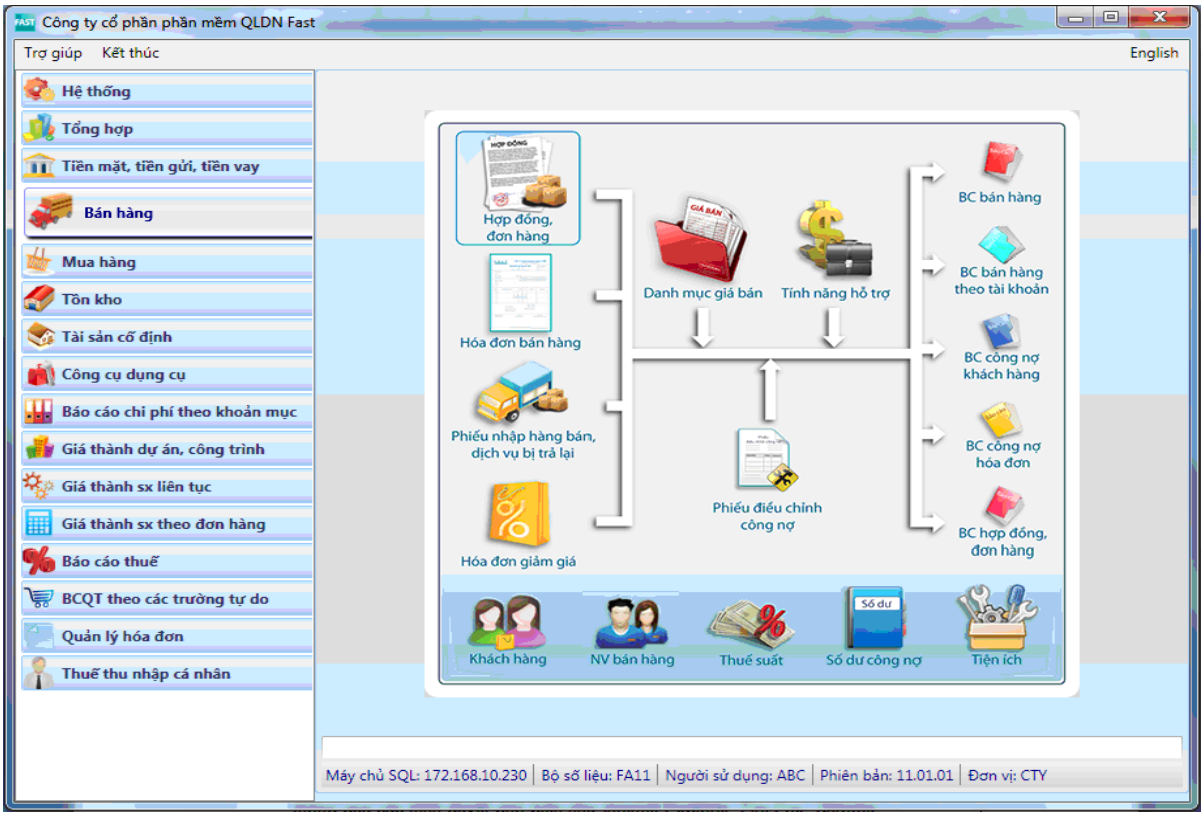

Phần mềm kế toán Misa

2. Hoàn thiện công tác kê khai thuế GTGT

Công ty phải kiểm tra lại các phát sinh thuế đã thực hiện đầy đủ các tờ khai theo quy định chưa, cần phải soát xét số tờ khai hàng tháng, hàng quý, hàng năm... đã được thực hiện đầy đủ chưa, có bị mất mát hay không và tìm hướng xử lý.

Rà soát các hóa đơn xuất bán, mua vào để chắc chắn không bỏ sót hóa đơn nào, nếu bỏ sót thì ngay lập tức lập hóa đơn bổ sung, kê khai nộp thuế và nộp phạt sớm nhất có thể.

3. **Hoàn thiện về công tác hoàn thuế GTGT**

Hiện nay số thuế còn được khấu trừ của Công ty là khá lớn thường xuyên trên 300 triệu đồng vì thế Công ty cần sớm có tờ trình xin hoàn thuế để tăng vốn lưu động cho doanh nghiệp. Để đảm bảo về tính hợp pháp trước pháp luật Công ty cần làm thủ tục hoàn thuế. Sau đây là mẫu xin hoàn thuế Công ty có thể tham khảo:

BẢNG KÊ XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ GTGT ĐỀ NGHỊ HOÀN

Kèm theo Văn bản đề nghị hoàn thuế số..... ngày.....

Cá nhân/Tổ chức đề nghị hoàn thuế: .....

Mã số thuế: .....

I. Xác định số thuế GTGT đề nghị hoàn:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Số thuế phát sinh đầu ra	
2	Số thuế đầu vào được khấu trừ	
3	Số thuế đã nộp	
4	Số thuế đầu vào lớn hơn số thuế đầu ra đề nghị được hoàn lại	

II. Giải trình về việc điều chỉnh thuế GTGT đầu vào, đầu ra so với số thuế tại Tờ khai đã nộp cho cơ quan thuế (nếu có):

.....

.....

.....

....., ngày ..... tháng..... năm .....

TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng .....năm .....

ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ/PHÍ

Kính gửi: Cục thuế/Chi cục thuế .....

I. Cá nhân/tổ chức đề nghị hoàn thuế/phí:

1. Tên cá nhân/tổ chức đề nghị hoàn thuế/phí:.....
2. Mã số thuế:.....
3. Quốc tịch: .....
4. Địa chỉ: .....
5. Điện thoại: ..... Fax:..... Email: .....
6. Số tài khoản:..... tại Ngân hàng (Kho bạc).....
7. Nghề nghiệp/ Lĩnh vực hoạt động/Ngành nghề kinh doanh chính:

.....

II. Nội dung đề nghị hoàn thuế/phí:

1. Loại thuế/phí đề nghị hoàn:
2. Số tiền thuế/phí phải nộp:
3. Số tiền thuế/phí đã nộp (hoặc đã được khấu trừ)
4. Số tiền thuế/phí đề nghị hoàn:
5. Thời gian phát sinh số thuế/phí đề nghị hoàn:
6. Lý do đề nghị hoàn thuế/phí:

(Ghi rõ thuộc trường hợp được hoàn thuế nào và căn cứ pháp lý).

7. Cách thức hoàn thuế/phí:

7.1. Bù trừ sang loại thuế/phí khác: □ Số tiền:.....

7.2. Hoàn thuế/phí bằng: Tiền mặt □ hoặc chuyển khoản □ Số tiền

Vào tài khoản số:

.....

Chủ tài khoản: ..... tại:

III. Tài liệu gửi kèm: *(ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)*

1. .....
2. .....

TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ/ PHÍ

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Ghi chú: Mục II.7 – cách thức hoàn thuế/phí: Người đề nghị hoàn thuế/phí có thể lựa chọn một hoặc cả hai cách thức: (1) bù trừ sang loại thuế/phí khác, (2) hoàn thuế/phí bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản bằng cách đánh dấu (x) vào ô thích hợp và ghi rõ số tiền đề nghị hoàn theo từng cách thức.

4. Hoàn thiện về chứng từ kế toán

- Khi mua hàng qua điện thoại người lấy hóa đơn cần phải đến tận nơi mua hàng để lấy hoá đơn và phải kiểm tra đối chiếu với các hóa đơn để hóa đơn đầu vào đầy đủ trách nhiệm pháp lý. Đồng thời tránh được việc số tiền trên các liên hóa đơn không khớp nhau do bên bán làm giả hóa đơn để tránh được doanh thu và thuế GTGT đầu ra. Ngược lại khi bán hàng cho khách hàng ở xa thiếu chữ ký của người mua hàng ta cần đóng dấu "bán hàng qua điện thoại" vào hóa đơn.
- Khi lấy hóa đơn cần kiểm tra kỹ nội dung hóa đơn về tên Công ty, mã số thuế, hàng hóa,.... để tránh việc kế toán kê khai thuế ở hóa đơn đó mà nội dung bị sai, đến khi cơ quan thuế kiểm tra sẽ bị loại hóa đơn đó ra không được khấu trừ thuế nữa.

5. Hoàn thiện về quy định về thanh toán của Doanh nghiệp liên quan đến thuế GTGT

Công ty là phải nắm bắt được cụ thể những chứng từ được sử dụng trong thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt là việc quy định về tài khoản mở tại ngân hàng phải đăng ký với cơ quan thuế. Các chứng từ thanh toán theo các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành không đủ điều kiện để được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào từ 20 triệu đồng trở lên. Công ty cần kiểm soát việc thanh toán rõ ràng, và sẽ quy trách nhiệm cụ thể cho từng người nếu việc thanh toán các hóa đơn không được khấu trừ.

KẾT LUẬN

Sau khi nền kinh tế nước ta vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, các chính sách chế độ được đổi mới phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế. Ngày 1/1/1999 Luật thuế GTGT được đưa ra áp dụng cho đến nay đã có những sửa đổi, bổ sung cho thích ứng với thực trạng nền kinh tế. Chế độ kế toán cũng đã có những bước tiến đáng kể để ngày càng hội nhập vè phù hợp với các chuẩn mực kế toán Quốc tế. Thực tiễn cho thấy chế độ kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng tương đối hoàn chỉnh, tuy nhiên còn một số vấn đề vướng mắc cần được tháo dỡ trong quá trình thực hiện kế toán thuế GTGT ở các đơn vị. Mặt khác, đối với các doanh nghiệp kế toán thuế GTGT còn là phần hành rất quan trọng giúp doanh nghiệp tính đúng, đủ thuế phải nộp để doanh nghiệp chủ động trong việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và đảm bảo quyền lợi của mình khi hạch toán thuế GTGT được khấu trừ, được hoàn lại.
Qua thời gian thực tập em đã tìm hiểu thực trạng công tác ké toán thuế GTGT ở Công ty. Kết hợp với lý luận đã tiếp thu ở trường, em đã trình bày một số nguyện vọng hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tại Công ty. Song do kiến thức còn hạn chế và thời gian thực tập không nhiều nên bài viết của em mới chỉ đề cập được những vấn đề cơ bản của kế toán thuế GTGT và đề xuất 1 số giải pháp ban đầu, không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong được sự góp ý của thầy cô và phòng kế toán của Công ty TNHH An Thái để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Danh mục tài liệu tham khảo

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) – Nhà xuất bản Tài chính
2. Sổ sách, chứng từ, tài liệu, số liệu của Công ty TNHH An Thái
3. Các chính sách, quy định thuế mới.
4. Các trang wed của chính phủ *gov.gdt.vn*
5. Các khóa luận, tài liệu trên mạng
6. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam